

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**

-----*-----



**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

Tên đề tài:

**PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI BẰNG
CÔNG CỤ THUẾ QUAN Ở VIỆT NAM**

Mã số : ĐHL 2019 - SV - 03

Chủ nhiệm đề tài : Đặng Đình Dũng

Thời gian thực hiện : Tháng 01/2019 đến tháng 12/2019

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN:

Họ và tên, học hàm, học vị : TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh

Ký xác nhận đồng ý cho nghiệm thu:

Thừa Thiên Huế, 12/2019

Lời Cảm Ơn

Lời đầu tiên nhóm nghiên cứu xin gửi tới Ban giám hiệu và Quý thầy cô trường Đại học Luật - Đại học Huế lời chúc sức khỏe và lời cảm ơn sâu sắc nhất. Nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo tận tình của Quý thầy cô chúng em đã hoàn thành bài nghiên cứu khoa học với đề tài: **“Phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan ở Việt nam”**

Trong quá trình thực hiện đề tài mặc dù gặp không ít khó khăn nhưng dưới sự giúp đỡ của Quý thầy cô trong trường, đặc biệt là **TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh** đã tận tâm hướng dẫn cho chúng em qua những buổi trao đổi, thảo luận. Luôn luôn ủng hộ và giúp đỡ chúng em mỗi lúc chúng em gặp vấn đề. Chúng em xin chân thành cảm ơn cô, cảm ơn sự nhiệt tình dạy bảo của cô để chúng em có thể hoàn thiện bài nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, em cũng xin cảm ơn các bạn sinh viên, gia đình cũng luôn ủng hộ, luôn là niềm động lực cho chúng em.

Nhóm nghiên cứu xin bày tỏ biết ơn đến toàn bộ Quý thầy cô trường Đại học Luật Huế đã dạy dỗ chúng em, truyền đạt cho chúng em những kiến thức quý báu để chúng em học tập, nghiên cứu và sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Quý thầy cô đã giúp chúng em có thể hoàn thành bài nghiên cứu khoa học.

Mặc dù tất cả mọi thành viên trong nhóm đã có nhiều cố gắng để thực hiện đề tài khoa học, tìm kiếm để thực hiện bài nghiên cứu một cách hoàn thiện nhất. Nhưng đây cũng là lần đầu tiên nhóm thực hiện nghiên cứu về đề tài khoa học, kiến thức và kinh nghiệm bản thân còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Chính bởi vậy, Nhóm chúng Em rất mong nhận được những ý kiến của đóng góp quý báu của Quý thầy cô và các bạn để chúng em có thể nắm rõ kiến thức trong lĩnh vực này hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Thừa Thiên Huế, ngày 10 Tháng 11 năm 2019

NHÓM TÁC GIẢ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI

1. Đặng Đình Dũng
2. Trần Thị Lệ Chi
3. Trần Mạnh Hiệp
4. Nguyễn Văn Thiệu
5. Lê Viết Phong

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Trang phụ bìa	
Lời cảm ơn	
Danh mục các thành viên tham gia	i
Mục lục	ii
Danh mục biểu đồ	v
Danh mục các từ viết tắt	vi
A. PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trong và ngoài nước	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	5
5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu	5
6. Kết cấu đề tài	6
B. PHẦN NỘI DUNG.....	7
CHƯƠNG 1.....	7
PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI.....	7
1.1. Pháp luật của quốc tế về phòng vệ thương mại.....	7
1.1.1. Khái niệm về phòng vệ thương mại	7
1.1.2. Căn cứ pháp lý của biện pháp phòng vệ thương mại	7
1.1.3. Các biện pháp phòng vệ thương mại	8
1.1.3.1. Biện pháp chống Bán phá giá:	9
1.1.3.2. Biện pháp chống trợ cấp	10
1.1.3.3. Biện pháp tự vệ	12
1.1.4. Tính chất và mục đích của công cụ phòng vệ thương mại.....	14
1.2. Pháp luật Việt Nam về phòng vệ thương mại.....	15
1.2.1. Sự hình thành và phát triển pháp luật Việt Nam về phòng vệ thương mại	15

1.2.2. Những điểm mới cơ bản của pháp luật hiện hành về phòng vệ thương mại	19
1.2.3. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về phòng vệ thương mại	24
1.2.4. Một số khái niệm liên quan	24
1.3. Các công cụ cơ bản trong phòng vệ thương mại.....	25
1.3.1. Công cụ thuế quan	25
1.3.1.1. Thuế nhập khẩu:	26
1.3.1.2. Thuế xuất khẩu:	28
1.3.1.3. Vai trò của thuế quan trong phòng vệ thương mại	29
1.3.2. Công cụ phi thuế quan	30
1.3.2.1. Hạn ngạch	30
1.3.2.2. Hàng rào kỹ thuật.....	32
1.3.2.3. Giấy phép nhập khẩu	33
CHƯƠNG 2.....	34
THỰC TIỄN PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI BẰNG CÔNG CỤ THUẾ QUAN	
.....	34
2.1. Phòng vệ thương mại bằng thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam.....	34
2.1.1. Thực tiễn áp dụng công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại tại Việt Nam (tính đến tháng 6/2019).....	34
Biểu đồ: 2.1. Thể hiện tổng số vụ việc Việt nam khởi kiện	34
2.1.2. Phân tích một số vụ việc tiêu biểu Việt Nam đã khởi kiện	35
2.1.2.1. Chống bán phá giá thép không gỉ cán nguội(AD01).....	35
2.1.2.2. Tự vệ đối với phân bón DAP và MAP (SG06)	40
2.1.3. Đánh giá tác động chung khi sử dụng công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại	43
2.1.3.1. Nhà nước và cơ cấu kinh tế	43
2.1.3.2. Ngành sản xuất khởi kiện vụ việc.....	44
2.1.3.3. Đơn vị nhập khẩu hàng hóa trong nước	45
2.1.3.4. Đối với người tiêu dùng trong nước	46
2.2. Phòng vệ thương mại bằng thuế quan đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang các nước.	47
2.2.1. Số lượng vụ việc hàng hóa Việt Nam xuất khẩu bị kiện Phòng vệ thương mại (tính đến tháng 6/2019).....	47
Biểu đồ: 2.2. Thể hiện tổng số vụ việc Việt nam bị kiện	47
Biểu đồ: 2.3. Các vụ điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam theo thị trường (tính đến tháng 11/2018)	48

Biểu đồ: 2.4. Các vụ điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam theo sản phẩm (tính đến tháng 11/2018)	48
2.2.2. Phân tích Một số vụ việc tiêu biểu Việt Nam bị kiện	49
2.2.2.1. Hoa kỳ- Chống bán phá giá – Tôm.....	50
2.2.2.2. Malaysia - chống bán phá giá - thép cuộn cán nguội	53
2.3. Doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế.....	57
2.3.1. Tình hình chung doanh nghiệp Việt nam	57
Biểu đồ: 2.5. Mức độ hiểu biết của Doanh nghiệp Việt Nam về PVTM	58
2.3.2. Tích cực	58
2.3.3. Hạn Chế, Khó khăn	59
2.3.4. Nguyên nhân.....	60
CHƯƠNG 3.....	63
KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG VỆ.....	63
THƯƠNG MẠI BẰNG THUẾ QUAN CHO VIỆT NAM	63
3.1. Dự báo xu hướng sử dụng công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại.....	63
3.1.1. Xu hướng thế giới trong thời kỳ hội nhập.....	63
3.1.2. Xu hướng Việt Nam trong thời kỳ hội nhập	66
3.2. Giải pháp nâng cao khả năng sử dụng phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan tại Việt Nam.....	68
3.2.1. Đối với nhà nước	68
3.2.2. Đối với doanh nghiệp	69
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	74
PHỤ LỤC	1

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ: 2.1. Thể hiện tổng số vụ,việc Việt Nam khởi kiện.....	34
Biểu đồ: 2.2. Thể hiện tổng số vụ việc Việt Nam bị kiện.....	47
Biểu đồ: 2.3. Các vụ điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam theo thị trường (tính đến tháng 11/2018)	48
Biểu đồ: 2.4. Các vụ điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam theo sản phẩm (tính đến tháng 11/2018)	48
Biểu đồ: 2.5. Mức độ hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về PVTM	58

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới
FTA	Hiệp định thương mại tự do
GATT	Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại
PVTM	Phòng vệ thương mại
ADA	Hiệp định chống bán phá giá
SCM	Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng
SGA	Hiệp định Tự vệ

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam ngày càng được mở rộng, đồng thời Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại mang tính toàn cầu, đặc biệt là việc tham gia Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Việc mở cửa với các nước ở trên thế giới là cơ hội cũng như là thách thức cho Việt Nam.

Sự giao thoa giữa các nền kinh tế ngày càng được mở rộng và tăng cường. Tuy vậy, với những ngành sản xuất còn non yếu thì tự do hóa thương mại có thể dẫn đến nguy cơ làm tổn hại hoặc ngăn chặn sự phát triển của nền sản xuất trong nước. Và từ đây, một nhu cầu thiết yếu được đặt ra chính là làm thế nào để ngăn ngừa, hạn chế những thương tổn cho nền sản xuất nội địa.

Theo các số liệu thống kê cho thấy từ khi Việt Nam mới tham gia các tổ chức thương mại nói chung cũng như chúng ta mới ký kết các FTA thì nhận thức của doanh nghiệp về công cụ phòng vệ thương mại rất hạn chế.

Số liệu thống kê cho thấy, có tới 90% doanh nghiệp Việt Nam không có kiến thức và hiểu biết về phòng vệ thương mại. Tuy nhiên, trong khoảng 1-2 năm trở lại đây sau khi Việt Nam chịu các tác động tiêu cực từ việc hàng hóa nước ngoài gia tăng nhập khẩu vào Việt Nam rất mạnh, nhất là các thị trường láng giềng như Trung Quốc, Malaysia và Indonesia thì việc phòng vệ thương mại của các doanh nghiệp đã tăng lên đáng kể.

Công cụ phòng vệ thương mại được coi như “van an toàn” mà các quốc gia có thể sử dụng để bảo vệ nền sản xuất nội địa. Theo quy định của WTO Phòng vệ thương mại có 2 công cụ chính là: phòng vệ thương mại bằng thuế quan và phi thuế quan. Nhìn chung phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan vẫn là công cụ dễ sử dụng hơn cả so với các công cụ khác mà WTO cho phép.

Song ở nước ta thì việc áp dụng phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan chưa thực sự hiệu quả. Điều này được thể hiện qua số liệu thống kê các vụ kiện phòng vệ thương mại. Việc hạn chế khả năng sử dụng công cụ này là sự bất lợi lớn đối với Việt Nam đối với xu hướng hội nhập phát triển kinh tế.

Từ đây một vấn đề cấp thiết được đặt ra, đó là làm như thế nào để Việt Nam có thể sử dụng công cụ phòng vệ thương mại một cách hiệu quả hơn. Đặc biệt thuế quan là công cụ hữu hiệu để nhà nước có thể thực hiện sự điều tiết của mình. Việc nâng cao hiệu quả công cụ này không chỉ mang đến lợi ích to lớn cho doanh nghiệp mà còn là sự khẳng định vị thế của Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế.

Từ những phân tích ở trên có thể thấy rằng việc nghiên cứu đề tài: “**PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI BẰNG CÔNG CỤ THUẾ QUAN Ở VIỆT NAM**” là thực sự có tính thời sự và cấp thiết.

2. Tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trong và ngoài nước

a. Ngoài nước (*phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài trên thế giới, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được đánh trích dẫn khi đánh giá tổng quan*).

- Keith Steele (ed.), *Anti-dumping under the WTO: A comparative review* (1996): Nhà xuất bản Springer.

Công trình này đưa ra một cái nhìn tổng quan về các quy tắc chống bán phá giá mới sau Hiệp định WTO. Chương một giới thiệu phân tích làm thế nào Bộ luật chống bán phá giá mới phù hợp với WTO và những khác biệt với bộ luật cũ. Các chương sau phân tích việc thực hiện các quy tắc mới ở Canada, Liên minh châu Âu Mexico, Hoa Kỳ và các nhà kinh tế chính ở Australasia, Viễn Đông và Nam Phi.

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2010). *Cẩm nang kháng kiện chống bán phá giá – chống trợ cấp tại Liên minh Châu Âu*.

Cuốn cẩm nang này cung cấp thông tin cơ bản nhất về pháp luật, thực tiễn và những lưu ý về kỹ năng đối phó với các vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ tại thị trường EU. Đây là cuốn thứ hai trong tập hợp các Cẩm nang kháng kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp ở các thị trường, sau cuốn Cẩm nang kháng kiện ở Hoa Kỳ, do Hội đồng Tư vấn về Các biện pháp Phòng vệ Thương mại chủ trì biên soạn.

- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (2014). *Pháp luật, thực tiễn và thủ tục vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ tại Hoa Kỳ*, Nhà xuất bản Hồng đức, Hà Nội.

Đây là tài liệu do Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC) phát hành. Chịu trách nhiệm biên phiên dịch sang tiếng Việt bởi Ban Pháp chế, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Cuốn sách bao gồm các nội dung: Giải thích lịch sử hình thành các biện pháp phòng vệ thương mại và biện pháp hành chính tại Hoa Kỳ; xem xét vai trò của các tổ chức chịu trách nhiệm quản lý biện pháp phòng vệ thương mại, và các quy tắc của WTO về phòng vệ thương mại (Các Hiệp định WTO về thực thi Điều VI của Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan 1994, Hiệp định WTO về Trợ cấp và các Biện pháp Đối kháng, và Hiệp định WTO về Tự vệ); đưa ra khung thủ tục trong các vụ việc phòng vệ thương mại không công bằng tại Hoa Kỳ; những tranh cãi trong điều tra và thực thi công cụ

phòng vệ thương mại; và bao gồm cả những hướng dẫn trên mạng về pháp luật phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ.

- Trung tâm Thương mại Quốc tế (2013). *Hướng dẫn về các Biện pháp Phòng vệ Thương mại tại Hoa Kỳ - Pháp luật, Thực tiễn và Thủ tục vụ kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

Nội dung tác phẩm đề cập tới vấn đề: giải thích lịch sử hình thành các biện pháp phòng vệ thương mại và biện pháp hành chính tại quốc gia này; xem xét vai trò của các tổ chức chịu trách nhiệm quản lý biện pháp phòng vệ thương mại, và các quy tắc của WTO về phòng vệ thương mại (Các Hiệp định WTO về thực thi Điều VI của Hiệp định chung về Thương mại và Thuế quan 1994, Hiệp định WTO về Trợ cấp và các Biện pháp Đối kháng, và Hiệp định WTO về Tự vệ); đưa ra khung thủ tục trong các vụ việc phòng vệ thương mại không công bằng tại Hoa Kỳ; những tranh cãi trong điều tra và thực thi công cụ phòng vệ thương mại; và bao gồm cả những hướng dẫn trên mạng về pháp luật phòng vệ thương mại của Hoa Kỳ. Từ đó Hướng dẫn thủ tục phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu từ các quốc gia đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi, với lưu ý đặc biệt về pháp luật và thực tiễn phòng vệ thương mại tại Hoa Kỳ.

Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài thường trình bày, phân tích và bình luận rất chi tiết về phòng vệ thương mại. Nghiên cứu chuyên sâu vào các biện pháp cụ thể, các quy định pháp luật liên quan cũng như chú trọng vào các khâu thủ tục để thực hiện phòng vệ thương mại hiệu quả.

b. Trong nước (*phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài ở Việt Nam, liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài được đánh trích dẫn khi đánh giá tổng quan*).

Trong xu thế hội nhập quốc tế của nước ta, với việc tham gia ký kết các hiệp định thương mại, gia nhập các tổ chức quốc tế, vấn đề về phòng vệ thương mại nhận được nhiều quan tâm từ các chuyên gia kinh tế cũng như các nhà khoa học, nhà nghiên cứu. Các vấn đề được đưa ra như: pháp luật về chống bán phá, trợ cấp doanh nghiệp và sử dụng công cụ thuế để chống trợ cấp hay kỹ năng kháng kiện chống bán phá giá chống trợ cấp.

Một số công trình nghiên cứu cụ thể như sau:

- Nguyễn Thị Thu Nguyệt (2013). *Các biện pháp phòng vệ thương mại trên thế giới và các giải pháp pháp lý ngăn ngừa sự tác động đến việc xuất khẩu của Việt Nam*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nội dung được thể hiện luận văn đó là: tác giả đã tập trung làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản của phòng vệ thương mại, trên cơ sở này tiếp tục phân tích các quy định pháp luật về phòng vệ thương mại tại Hoa Kỳ, liên minh châu Âu và Nhật Bản, khái quát lên tình hình thực tiễn chung ở những quốc gia này, phân tích và đánh giá một số vụ việc. Tiếp đến đưa ra những bài học cho doanh nghiệp Việt Nam. Ngoài ra, trong tác phẩm tác giả cũng phân tích những yếu tố ảnh hưởng từ vụ việc phòng vệ thương mại đến nền kinh tế Việt Nam và đưa ra những giải pháp pháp lý để ngăn ngừa sự tác động đến tình hình xuất khẩu của Việt Nam.

- Trung tâm WTO và Hội nhập (2015) *Báo cáo Sử dụng các công cụ Phòng vệ Thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTAs và Cộng đồng Kinh tế ASEAN*

Nội dung chủ yếu của báo cáo là khái quát chung về các rào cản thương mại và các công cụ phòng vệ thương mại, làm rõ tình hình và khả năng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại của doanh nghiệp Việt Nam, đưa ra những đánh giá nhận xét về nguy cơ hàng hóa nước ngoài cạnh tranh không lành mạnh tại Việt Nam và trên cơ sở đó tác giả cũng đưa ra được một số giải pháp nhằm tăng cường khả năng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại trong bối cảnh mở cửa thị trường.

- Nguyễn Ngọc Sơn (2011), *Pháp luật chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu và cơ chế thực thi tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung chủ yếu được đề cập trong đề tài này là làm rõ bản chất pháp lý và kinh tế của bán phá giá hàng hóa nhập khẩu; nghiên cứu các quy định của pháp luật chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam nhằm đưa ra những đánh giá có cơ sở khoa học và thực tiễn về thực trạng pháp luật Việt Nam từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực áp dụng pháp luật chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Luận án giới hạn nghiên cứu việc ứng dụng các nguyên lý kinh tế vào khoa học pháp lý để xác định bản chất pháp lý của hiện tượng bán phá giá, theo đó đặt ra giới hạn điều chỉnh của pháp luật, nghiên cứu thực trạng pháp luật chống bán phá giá tại Việt Nam trên cơ sở so sánh với các quy định tương ứng của ADA và pháp luật của một số quốc gia tiên phong trong lĩnh vực pháp luật này là Canada, EU và Hoa Kỳ.

- Sách “*Pháp luật về chống bán phá giá - Những điều cần biết*” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phát hành, với sự cộng tác của các Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, xuất bản ngày 18/07/2014.

Đây là cuốn sách đầu tiên tại Việt Nam giới thiệu một cách tương đối đầy đủ những qui định hiện hành của WTO, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu về việc điều

tra và áp đặt thuế chống bán phá giá dưới dạng các câu Hỏi và Đáp ngắn gọn, cụ thể.

Ngoài các công trình nghiên cứu trên thì ở Việt Nam với chủ đề phòng vệ thương mại còn có rất nhiều công trình khác. Các công trình này đã nghiên cứu được việc phòng vệ thương mại ở Việt Nam ở nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên vẫn mang tính chất trao đổi, thảo luận hoặc chưa đề cập được nhiều đến khía cạnh công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

c. Mục đích nghiên cứu

- Đưa ra được vị trí, vai trò của công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại ở nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó đánh giá tính hiệu quả của công cụ này trong tương lai và kiến nghị giải pháp phù hợp.

- Đưa ra các giải pháp nâng cao khả năng sử dụng phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan cho các doanh nghiệp.

d. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa cơ sở pháp lý về phòng vệ thương mại theo quy định WTO và pháp luật Việt Nam.

- Xác định vị trí vai trò công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại

- Thống kê thực trạng sử dụng phòng vệ thương mại ở bằng công cụ thuế quan ở Việt Nam và một số nước trên thế giới.

- Đánh giá tính hiệu quả việc áp dụng phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan ở Việt Nam.

- Phân tích các vụ việc tiêu biểu và đánh giá nhận xét.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan ở Việt Nam và một số quốc gia.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu về phòng vệ thương mại theo quy định của WTO và pháp luật Việt Nam. Đề tài tiếp cận và nghiên cứu quy định và thực tiễn áp dụng phòng vệ thương mại ở Việt Nam giai đoạn từ năm 2014 – 2018.

5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

5.1 Cách tiếp cận

- Nghiên cứu các quy định của WTO về phòng vệ thương mại, các quy định phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan ở một số nước phát triển trên cơ sở đó so sánh đối chiếu quy định của Việt Nam, rút kinh nghiệm và xây dựng hoàn thiện về pháp luật phòng vệ thương mại của nước ta.

- Xem xét các tài liệu báo cáo nghiên cứu, công trình khoa học về phòng vệ thương mại. Nghiên cứu các vụ việc tiêu biểu trong nước rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp.

5.2 Phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích (phân tích dựa trên các công trình nghiên cứu, xử lý số liệu khảo sát);

- So sánh (trên cơ sở phân tích, bình luận, xử lý số liệu, tác giả đưa ra một số đánh giá và nhận xét cá nhân);

- Phương pháp phân tích (trên cơ sở tìm kiếm những thông tin ở trên internet và nhiều bài viết của nhiều người mình nhận thấy họ thiếu vấn đề gì cần bổ sung);

Trong đó phương pháp phân tích tổng hợp được sử dụng nhiều nhất trong quá trình nghiên cứu.

6. Kết cấu đề tài

Chương I: Pháp luật WTO và pháp luật Việt Nam về phòng vệ thương mại

Chương II: Thực tiễn phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan ở Việt Nam

Chương III: Kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả phòng vệ thương mại bằng thuế quan cho Việt Nam

B. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

PHÁP LUẬT QUỐC TẾ VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI

1.1. Pháp luật của quốc tế về phòng vệ thương mại

1.1.1. Khái niệm về phòng vệ thương mại

Phòng vệ thương mại là những biện pháp ngăn chặn, hạn chế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu từ nước này sang nước kia và được nước nhập khẩu áp dụng. Phòng vệ thương mại được quy định trong nhiều Hiệp định về thương mại như Hiệp định GATT 1994, các Hiệp định chống bán phá giá, Hiệp định về các biện pháp tự vệ, Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO.

Phòng vệ thương mại là một phần trong chính sách thương mại của quốc gia. Có mục đích nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp nội địa khỏi các đối thủ cạnh tranh nước ngoài.

Các biện pháp phòng vệ thương mại phổ biến bao gồm: biện pháp chống bán phá giá, biện pháp trợ cấp và biện pháp tự vệ.

Các biện pháp PVTM mà một quốc gia áp dụng với một quốc gia thành viên khác phải thỏa mãn yêu cầu của các quy định tại GATT và các hiệp định liên quan khác của WTO bao gồm: Hiệp định thực thi điều VI của GATT (Hiệp định chống bán phá giá - ADA); Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) và Hiệp định Tự vệ (SGA).

1.1.2. Căn cứ pháp lý của biện pháp phòng vệ thương mại

	Chống bán phá giá	Chống trợ cấp	Tự Vệ
Quy định trong GATT 1994	Điều IV của GATT 1994	Điều VI và XVI của GATT 1994	Điều XIX của GATT 1994
Hiệp định chuyên ngành	Hiệp định thực thi điều IV của GATT 1994 (Hiệp định ADA)	Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM)	Hiệp định Tự vệ (SGA)

Mỗi quốc gia, căn cứ theo cách hiểu và tình hình cụ thể, lại áp dụng những quy định riêng, được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc chung của WTO. Do vậy, các vụ điều tra PVTM và việc áp dụng các biện pháp PVTM trên thực tế tại các quốc gia tuân thủ theo các quy định nội địa tại các quốc gia đó.

Biện pháp PVTM nhằm ứng phó với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh hoặc sự gia tăng đột biến của hàng nhập khẩu, do đó, điều kiện cần để áp dụng đó là phải tồn tại hành vi bán phá giá/trợ cấp hoặc hàng nhập khẩu tăng cao quá mức. Thêm vào đó, biện pháp PVTM được áp dụng để khắc phục thiệt hại của ngành sản xuất trong nước nên điều kiện đủ để áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đó là phải tồn tại thiệt hại của ngành sản xuất trong nước và thiệt hại này phải đến từ những hành vi cạnh tranh không lành mạnh/gia tăng của hàng nhập khẩu tương tự. Khi đã xác định các yếu tố cần và đủ, các thành viên cũng không thể áp dụng biện pháp một cách tùy tiện mà cần phải căn cứ mức độ của hành vi cạnh tranh không lành mạnh và mức độ thiệt hại của ngành sản xuất trong nước để đưa ra biện pháp phù hợp. Mặt khác, nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch cũng như tạo điều kiện giám sát quá trình điều tra, áp dụng biện pháp, WTO đã đặt ra quy trình, thủ tục nghiêm ngặt buộc các nước thành viên phải tuân theo trong quá trình áp dụng.

“Cấu trúc các Hiệp định quy định về PVTM gồm:

Các quy định về nội dung: bao gồm các điều khoản chi tiết về cách thức, tiêu chí xác định việc bán phá giá/trợ cấp/gia tăng hàng nhập khẩu, thiệt hại, mối quan hệ nhân quả giữa việc bán phá giá/trợ cấp, gia tăng nhập khẩu và thiệt hại...

Các quy định về thủ tục: bao gồm các điều khoản liên quan đến quy trình, thủ tục điều tra, áp dụng biện pháp như thời hạn điều tra, nội dung đơn kiện, thông báo, quyền tố tụng của các bên liên quan, trình tự áp dụng các biện pháp tạm thời, quyền khiếu kiện,...

Các quy định về thủ tục giải quyết tranh chấp giữa các quốc gia thành viên liên quan đến thuế chống phá giá.

Các quy định về thẩm quyền của Ủy ban chống bán phá giá/trợ cấp/tự vệ.”¹

1.1.3. Các biện pháp phòng vệ thương mại

Các biện pháp phòng vệ thương mại một quốc gia áp dụng với một quốc gia thành viên khác phải thỏa mãn yêu cầu của các quy định tại Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) và các hiệp định khác của WTO. Các biện pháp

¹ Nguyễn Hằng Nga, Hoàng Thị Hải Hà, Lê Gia Thanh Tùng và cộng sự (2018). *Hướng dẫn thực thi các cam kết về phòng vệ thương mại và giải quyết tranh chấp*. Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

phòng vệ thương mại phổ biến bao gồm: biện pháp chống bán phá giá, biện pháp trợ cấp và biện pháp tự vệ.

1.1.3.1. Biện pháp chống Bán phá giá:

“Bán phá giá trong thương mại quốc tế có thể hiểu là hiện tượng xảy ra khi một loại hàng hóa được xuất khẩu từ nước này sang nước khác với mức giá thấp hơn giá bán của hàng hóa đó tại thị trường nước xuất khẩu”². Trong WTO, đây được xem là “hành vi cạnh tranh không lành mạnh” của các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài đối với ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu.

“Nhu vậy, cốt lõi của việc xác định bán phá giá là sự so sánh biên độ chênh lệch giữa giá xuất khẩu với giá thông thường của sản phẩm tại nước xuất khẩu. Việc tiến hành so sánh giữa giá xuất khẩu và giá thông thường phải được tiến hành đối với cùng loại sản phẩm hoặc đối với sản phẩm tương tự.”³

Liên quan đến vụ kiện chống bán phá giá: Một vụ kiện chống bán phá giá thực chất là một quy trình điều tra mà nước nhập khẩu tiến hành đối với một loại hàng hóa từ một nước hoặc một số nước nhất định khi có những nghi ngờ rằng loại hàng hóa đó bị bán phá giá vào nước nhập khẩu gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu.

Vụ kiện chống bán phá giá là một thủ tục hành chính và được đảm nhận bởi cơ quan hành chính của nước nhập khẩu. Thủ tục này nhằm giải quyết tranh chấp thương mại giữa một bên là ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu và một bên là các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài. Do trình tự, thủ tục và các vấn đề liên quan được thực hiện tương tự như trình tự tố tụng xử lý một vụ kiện tại tòa án nên thủ tục này được xem như “thủ tục bán tư pháp”. Ngoài ra, khi kết thúc vụ kiện nếu không đồng ý với quyết định cuối cùng của cơ quan hành chính, các bên có thể kiện ra Tòa án.

Theo quy định của WTO, biện pháp chống bán phá giá chỉ có thể thực hiện nếu cơ quan điều tra của nước nhập khẩu, sau khi đã tiến hành điều tra chống bán phá giá, ra kết luận khẳng định sự tồn tại đồng thời của cả 3 yếu tố sau:

- “• Hàng hóa nhập khẩu bị bán phá giá (với biên độ phá giá không thấp hơn 2%);
- Ngành sản xuất sản phẩm tương tự của nước nhập khẩu bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước (gọi chung là yếu tố “thiệt hại”);

² Điều 2.1 Hiệp định về chống bán phá giá (ADA).

³ Nguyễn Tiến Vinh (2007). Chống bán phá giá trong thương mại quốc tế, <<http://chongbanphagia.vn/chong-ban-pha-gia-trong-thuong-mai-quoc-te-n474.html>>, xem 26/6/2019

• Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu bán phá giá và thiệt hại nói trên.”⁴

Cũng theo WTO, “biện pháp chống bán phá giá có thời hạn áp dụng tối đa là 5 năm”⁵. Tuy nhiên, thời hạn này có thể được gia hạn nhiều lần sau mỗi kỳ rà soát lại. Chính vì vậy, thời hạn áp dụng thực tế của một quyết định áp thuế chống bán phá giá có thể lên tới vài chục năm.

Ví dụ, Hoa Kỳ đã quyết định áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm ống thép hàn cacbon nhập khẩu từ Thái Lan từ năm 1986, lệnh áp thuế này được gia hạn sau các đợt rà soát cuối kỳ và hiện sản phẩm này của đang là đối tượng áp thuế chống bán phá giá vào thị trường Hoa Kỳ.

1.1.3.2. Biện pháp chống trợ cấp⁶

Theo quy định của WTO, trợ cấp được hiểu là bất kỳ hỗ trợ tài chính nào của Nhà nước hoặc một tổ chức công (trung ương hoặc địa phương) dưới một trong các hình thức sau mang lại lợi ích cho doanh nghiệp ngành sản xuất:

- Hỗ trợ trực tiếp bằng tiền chuyển ngay (ví dụ cấp vốn, cho vay, góp cổ phần) hoặc hứa chuyển (ví dụ bảo lãnh cho các khoản vay);
- Miễn hoặc cho qua những khoản thu lẽ ra phải đóng (ví dụ ưu đãi thuế, tín dụng);
- Mua hàng, cung cấp các dịch vụ hoặc hàng hóa (trừ cơ sở hạ tầng chung);
- Thanh toán tiền cho một nhà tài trợ hoặc giao cho một đơn vị tư nhân tiến hành các hoạt động nêu trên theo cách thức mà Chính phủ vẫn làm. Các khoản hỗ trợ này được hiểu là mang lại lợi ích cho đối tượng được hưởng hỗ trợ nếu nó được thực hiện theo cách mà một nhà đầu tư tư nhân, một ngân hàng thương mại... Bình thường sẽ không khi nào làm như vậy (vì đi ngược lại những tính toán thương mại thông thường).

Trợ cấp được chia thành 03 loại, bao gồm:

• Trợ cấp bị cấm⁷ (hay còn gọi là trợ cấp đèn đỏ) là những hình thức trợ cấp mà hiện tất cả các thành viên WTO đều bị cấm áp dụng, bao gồm: (i) trợ cấp xuất khẩu là trợ cấp căn cứ vào kết quả xuất khẩu, ví dụ thưởng xuất khẩu, trợ cấp nguyên liệu đầu vào để xuất khẩu, miễn thuế/giảm thuế cao hơn mức mà sản phẩm tương tự bán trong nước được hưởng, ưu đãi bảo hiểm xuất khẩu, ưu đãi tín dụng

⁴ Điều 3 Hiệp định Chống bán phá giá (ADA)

⁵ Điều 11.3 Hiệp định Chống bán phá giá (ADA)

⁶ Trung tâm WTO và Hội nhập (2015). *Báo cáo Sử dụng các công cụ Phòng vệ Thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTAs và Cộng đồng Kinh tế ASEAN*. tr 16

⁷ Phần II Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM)

xuất khẩu...và (ii) trợ cấp nhằm ưu tiên sử dụng hàng hóa nội địa so với hàng nhập khẩu.

- Trợ cấp không bị khiếu kiện⁸ (hay còn gọi là trợ cấp đèn xanh) là hình thức các nước thành viên có thể áp dụng mà không bị các thành viên khác khiếu kiện, bao gồm: (i) trợ cấp không cá biệt là các loại trợ cấp không hướng tới một ngành, một nhóm doanh nghiệp, một khu vực địa lý cụ thể nào, hay nói cách khác tiêu chí để được hưởng trợ cấp loại này là khách quan, không do cơ quan có thẩm quyền một cách tùy tiện, không xem xét và không tạo ra hệ quả ưu đãi riêng cho bất kỳ đối tượng nào; và (ii) các trợ cấp như: trợ cấp cho hoạt động nghiên cứu do các công ty tổ chức nghiên cứu tiến hành, trợ cấp cho các khu vực khó khăn (với các tiêu chí xác định cụ thể về mức thu nhập bình quân hoặc tỷ lệ thất nghiệp), trợ cấp để hỗ trợ điều chỉnh các điều kiện sản xuất cho phù hợp với môi trường kinh doanh mới. Cho đến nay, quy định về trợ cấp đèn xanh trong WTO đã hết hiệu lực, vì vậy về nguyên tắc là không còn loại trợ cấp này.

- Trợ cấp không bị cấm⁹ nhưng có thể bị khiếu kiện (hay còn gọi là trợ cấp đèn vàng) bao gồm tất cả các loại trợ cấp có tính cá biệt (trừ các loại trợ cấp đèn xanh nêu trên). Các nước thành viên có thể sử dụng các hình thức trợ cấp này nhưng nếu gây thiệt hại cho nước thành viên khác hoặc ngành sản xuất các sản phẩm tương tự của nước khác thì có thể bị kiện ra WTO.

Liên quan tới vụ kiện chống trợ cấp: cũng tương tự như một vụ kiện chống bán phá giá, về bản chất, một vụ kiện chống bán phá giá là một quy trình điều tra mà nước nhập khẩu tiến hành đối với một loại hàng hóa từ một nước hoặc một số nước nhất định khi có những nghi ngờ rằng loại hàng hóa đó được trợ cấp và gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất sản phẩm tương tự của nước nhập khẩu.

Vụ kiện chống trợ cấp là một thủ tục hành chính và được đảm nhận bởi cơ quan hành chính của nước nhập khẩu. Thủ tục này nhằm giải quyết tranh chấp thương mại giữa một bên là ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu và một bên là các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài. Tuy nhiên, khác với thủ tục kiện chống bán phá giá, kiện chống trợ cấp liên quan đến cả Chính phủ nước xuất khẩu. Do trình tự, thủ tục và các vấn đề liên quan được thực hiện tương tự như trình tự tố tụng xử lý một vụ kiện tại tòa án nên thủ tục này được xem như “thủ tục bán tư pháp”. Ngoài ra, khi kết thúc vụ kiện nếu không đồng ý với quyết định cuối cùng của cơ quan hành chính, các bên có thể kiện ra Tòa án.

Theo quy định của WTO, việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp chỉ có thể thực hiện nếu cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu, sau khi đã tiến

⁸ Phần IV Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM)

⁹ Phần III Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM)

hành điều tra chống trợ cấp ra kết luận khẳng định sự tồn tại đồng thời của cả 03 điều kiện sau:

“• Hàng hoá nhập khẩu được trợ cấp (với biên độ trợ cấp - tức là trị giá phần trợ cấp trên trị giá hàng hóa liên quan - không thấp hơn 1%);

• Ngành sản xuất sản phẩm tương tự của nước nhập khẩu bị thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa thiệt hại đáng kể hoặc ngăn cản đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước (gọi chung là yếu tố “thiệt hại”);

• Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại nói trên.”¹⁰

Tương tự như biện pháp chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp hay thuế đối kháng có thời hạn áp dụng trong 5 năm¹¹, tuy nhiên thời hạn này có thể được gia hạn nhiều lần sau mỗi kỳ rà soát lại. Chính vì vậy, thời hạn áp dụng của một quyết định áp thuế chống trợ cấp có thể lên tới vài chục năm.

1.1.3.3. Biện pháp tự vệ¹²

Là biện pháp mà WTO cho phép một quốc gia thành viên có thể hạn chế nhập khẩu một hoặc một số loại hàng hoá trong những trường hợp khẩn cấp, khi lượng hàng nhập khẩu tăng đột biến đe dọa hoặc gây ra tổn hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Thực hiện biện pháp tự vệ thương mại này, thực tế, quốc gia tạm thời vi phạm nghĩa vụ thương mại của mình cũng như các nguyên tắc cơ bản trong hệ thống thương mại quốc tế. “Điều 19, GATT 1994 Tự vệ thường liên quan đến vấn đề bảo hộ tạm thời nền sản xuất trong nước, khắc phục khủng hoảng đối với ngành sản xuất đặc thù do ảnh hưởng của việc thực hiện chính sách cắt giảm thuế quan và vì thế có thể được áp dụng tất cả đối với các hàng hóa được nhập khẩu lành mạnh (nhưng gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước). Các biện pháp tự vệ phải được thực hiện trên cơ sở không phân biệt đối xử (có hiệu lực đối với hàng hóa nhập khẩu của tất cả các đối tác thương mại) và chỉ được áp dụng cho một sản phẩm nhập khẩu cụ thể (gây thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước).

Thực tế này có lẽ không quá khó lý giải bởi thường thì các doanh nghiệp có thị phần lớn (thống lĩnh) là các doanh nghiệp mạnh, được suy đoán là có đủ năng lực để thực hiện việc đi kiện theo các thủ tục phức tạp cũng như có đủ nguồn lực để “đầu tư” vào việc đi kiện, coi đó như là một chiến lược kinh doanh của mình.

¹⁰ Điều 15 Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM)

¹¹ Điều 21 Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM)

¹² Trung tâm WTO và Hội nhập (2015). *Báo cáo Sử dụng các công cụ Phòng vệ Thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTAs và Cộng đồng Kinh tế ASEAN*, tr 19

Một nước nhập khẩu chỉ có thể áp dụng biện pháp tự vệ sau khi đã tiến hành điều tra và chứng minh được sự tồn tại đồng thời của các điều kiện sau:

- Hàng hoá liên quan được nhập khẩu tăng đột biến về số lượng;
- Ngành sản xuất sản phẩm tương tự hoặc cạnh tranh trực tiếp với hàng hoá đó bị thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại nghiêm trọng;
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hiện tượng nhập khẩu tăng đột biến và thiệt hại hoặc đe dọa thiệt hại nói trên.”¹³

Khác với các vụ kiện chống bán phá giá hay chống trợ cấp, WTO không có nhiều quy định chi tiết về trình tự, thủ tục kiện áp dụng biện pháp tự vệ. Tuy nhiên, Hiệp định về Biện pháp tự vệ của WTO có đưa ra một số các nguyên tắc cơ bản mà tất cả các thành viên phải tuân thủ, ví dụ: Đảm bảo tính minh bạch (Quyết định khởi xướng vụ điều tra tự vệ phải được thông báo công khai; Báo cáo kết luận điều tra phải được công khai vào cuối cuộc điều tra...); Đảm bảo quyền tố tụng của các bên (các bên liên quan phải được đảm bảo cơ hội trình bày các chứng cứ, lập luận của mình và trả lời các chứng cứ, lập luận của đối phương); Đảm bảo bí mật thông tin (đối với thông tin có bản chất là mật hoặc được các bên trình với tính chất là thông tin mật không thể được công khai nếu không có sự đồng ý của bên đã trình thông tin); Các điều kiện về biện pháp tạm thời (phải là biện pháp tăng thuế, và nếu kết luận cuối cùng của vụ việc là phủ định thì khoản chênh lệch do tăng thuế phải được hoàn trả lại cho bên đã nộp; không được kéo dài quá 200 ngày...)

Về biện pháp tự vệ, các nước chỉ có thể áp dụng biện pháp tự vệ ở mức cần thiết đủ để ngăn chặn hoặc bù đắp các thiệt hại và tạo điều kiện để ngành sản xuất nội địa điều chỉnh; “biện pháp tự vệ không được kéo dài quá 4 năm”¹⁴ (tính cả thời gian áp dụng biện pháp tạm thời) và phải giảm dần theo định kỳ sau năm đầu tiên áp dụng. Trường hợp biện pháp được áp dụng trên 3 năm thì phải được xem xét lại vào giữa kỳ để cân nhắc khả năng chấm dứt hoặc giảm mức áp dụng mạnh hơn nữa. Biện pháp tự vệ có thể gia hạn biện pháp tự vệ nhưng tổng cộng thời gian áp dụng và gia hạn không được quá 8 năm. Tuy nhiên, WTO có quy định đối với các nước đang phát triển như Việt Nam có thể kéo dài thời hạn áp dụng thêm 2 năm, tức là các nước đang phát triển như Việt Nam có quyền áp dụng biện pháp tự vệ với thời hạn không quá 10 năm.

¹³ Điều 4 Hiệp định về các Biện pháp tự vệ

¹⁴ Khoản 1 Điều 7 Hiệp định về các Biện pháp tự vệ

Vì vậy, các doanh nghiệp cần chú ý đến công cụ này để có thể yêu cầu Chính phủ sử dụng nhằm bảo vệ lợi ích của mình trước hàng hoá nhập khẩu nước ngoài khi cần thiết.

1.1.4. Tính chất và mục đích của công cụ phòng vệ thương mại¹⁵

Trong thương mại quốc tế, các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ được coi là ba cột trụ của hệ thống các biện pháp phòng vệ thương mại.

Về bản chất, biện pháp chống bán phá giá được áp dụng để đối phó với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Thuế chống bán phá giá là biện pháp chống bán phá giá được sử dụng phổ biến nhất, được áp dụng đối với sản phẩm bị điều tra và bị kết luận là phá giá vào nước nhập khẩu gây thiệt hại cho ngành sản xuất nước đó. Thực tế, thuế chống bán phá giá là khoản thuế bổ sung (ngoài thuế nhập khẩu thông thường) đánh vào sản phẩm nước ngoài nhập khẩu là đối tượng của quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Tương tự như biện pháp chống bán phá giá, biện pháp chống trợ cấp được áp dụng để đối phó với hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Trong khi biện pháp chống bán phá giá là để đối phó với hành vi bán sản phẩm với giá thấp thì biện pháp chống trợ cấp được áp dụng để loại bỏ tác động tiêu cực xuất phát từ các chính sách trợ cấp của chính phủ nước xuất khẩu. Thuế chống trợ cấp (hay còn gọi là thuế đối kháng) cũng là khoản thuế bổ sung, ngoài thuế nhập khẩu thông thường đánh vào sản phẩm nước ngoài được trợ cấp vào nước nhập khẩu. Đây có được xem là biện pháp nhằm vào các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài bị trợ cấp, chứ không nhằm vào chính phủ nước ngoài thực hiện việc trợ cấp.

Nhập khẩu thông thường đánh vào sản phẩm nước ngoài được trợ cấp vào nước nhập khẩu. Đây có thể được xem là biện pháp nhằm vào các nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài bị trợ cấp, chứ không nhằm vào chính phủ nước ngoài thực hiện việc trợ cấp.

Khác với hai biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp, biện pháp tự vệ thường được nói đến như một công cụ bảo vệ ngành sản xuất nội địa trong trường hợp khẩn cấp nhằm hạn chế những thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước do tình trạng gia tăng bất thường của hàng hóa nhập khẩu. Như vậy, biện pháp tự vệ có thể được áp dụng kể cả khi các đối tác thương mại thực hiện hoạt động kinh doanh chính đáng, không có tình trạng cạnh tranh không công bằng, nên về hình thức việc áp dụng biện pháp tự vệ bị coi là đi ngược lại tự do hóa thương mại. Tuy vậy, biện pháp tự vệ vẫn là biện pháp được thừa nhận trong WTO, với các điều

¹⁵ Trung tâm WTO và Hội nhập (2015). *Báo cáo Sử dụng các công cụ Phòng vệ Thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTAs và Cộng đồng Kinh tế ASEAN*, tr 23

kiện áp dụng chặt chẽ nhằm tránh việc các quốc gia thành viên lạm dụng công cụ này. Lý do là trong hoàn cảnh buộc phải mở cửa thị trường và tự do hóa thương mại theo các cam kết WTO, các biện pháp tự vệ là một hình thức “van an toàn” mà hầu hết các nước nhập khẩu là thành viên WTO đều mong muốn. Với chiếc van này, nước nhập khẩu có thể ngăn chặn tạm thời luồng nhập khẩu để giúp ngành sản xuất nội địa của mình tránh những đổ vỡ trong một số trường hợp đặc biệt khó khăn. Đây là một biện pháp mà chính phủ các quốc gia có thể sử dụng để bảo vệ ngành sản xuất nội địa trong ngắn hạn.

1.2. Pháp luật Việt Nam về phòng vệ thương mại

1.2.1. Sự hình thành và phát triển pháp luật Việt Nam về phòng vệ thương mại

“Trước năm 2002, Việt Nam quy định về thuế phòng vệ thương mại dưới dạng thuế bổ sung trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 01/1998/QH10 ngày 20 tháng 5 năm 1998. Theo đó, hàng hóa nhập khẩu sẽ chịu thuế bổ sung nếu:

a) Hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam với giá bán của hàng đó quá thấp với giá thông thường do được bán phá giá, gây khó khăn cho sự phát triển ngành sản xuất hàng hóa tương tự của Việt Nam;

b) Hàng hóa được nhập khẩu vào Việt Nam với giá bán của hàng hóa đó quá thấp so với giá thông thường do sự trợ cấp của nước xuất khẩu, gây khó khăn cho sự phát triển ngành sản xuất hàng hóa tương tự của Việt Nam;

Hai trường hợp áp dụng thuế bổ sung đối với hàng nhập khẩu này chưa nêu được tên cụ thể, tuy nhiên, theo mô tả thì thuế này tương ứng với biện pháp CBPG (điểm a) và biện pháp chống trợ cấp (điểm b). Theo lộ trình gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) của Việt Nam, quy định bổ sung trong Luật bổ sung thuế xuất nhập khẩu, thuế nhập khẩu 1998 này chính thức là bước tạm thời để pháp luật Việt Nam đáp ứng với hệ thống pháp luật quốc tế đối với nội dung phòng vệ thương mại. Tuy nhiên, các quy định này không chỉ chưa đủ cụ thể để áp dụng trên thực tiễn mà còn tồn tại những xung đột với pháp luật quốc tế. Những quy định như “giá bán quá thấp so với giá thông thường” hay “gây khó khăn cho sự phát triển của ngành sản xuất” chưa phản ánh được bản chất của việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. Như vậy, quy định đầu tiên liên quan đến các biện pháp phòng vệ thương mại ở Việt Nam, về bản chất chưa có giá trị pháp lý và khả năng thực thi.

Hệ thống pháp luật về phòng vệ thương mại được xây dựng trong bối cảnh Việt Nam gấp rút hoàn thiện hệ thống pháp luật để tương thích với các Hiệp định

quốc tế của WTO. Do đó, có thể dễ hình dung ra rằng các quy định về phòng vệ thương mại của Việt Nam được xây dựng dựa trên cơ sở nội luật hóa các Hiệp định này.

Giai đoạn từ 2002 đến 2016 hệ thống pháp luật phòng vệ thương mại của Việt Nam đã đầy đủ quy định về điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, gồm có:

- Pháp lệnh số 42/2002/PL-UBTVQH ngày 25/5/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam (Pháp lệnh Tự vệ).

- Pháp lệnh số 20/2004/PL - UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (Pháp lệnh Chống bán phá giá).

- Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (Pháp lệnh Chống trợ cấp).

- Nghị định 150/2003/NĐ-CP ngày 8/10/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam (Nghị định Tự vệ).

- Nghị định số 90/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/07/2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam (Nghị định Chống bán phá giá).

Bên cạnh 6 văn bản chính nêu trên, Chính phủ cũng đã xây dựng một số văn bản pháp luật liên quan quy định về điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại:

- Nghị định số 04/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/01/2006 về việc Thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ.

- Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Pháp luật về phòng vệ thương mại trong giai đoạn này đã có những bước phát triển nhất định nhằm tái thiết lập trật tự trong cạnh tranh giữa hàng hóa NK và hàng hóa nội địa, đúng với tư duy của chủ nghĩa tự do kinh tế nhưng cũng là công cụ bảo vệ ngành sản xuất trong nước đối với hàng nhập khẩu. Cụ thể, năm 2002, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh số 42/2002/PL-

UBTVQH10 về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam. Tiếp đó, vào năm 2004 Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp tục ban hành Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 về chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam và Pháp lệnh số 22/2004/PL-UBTVQH11 về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam. Kèm theo đó, Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan cũng ban hành các nghị định và thông tư chi tiết hướng dẫn thi hành các điều trong các pháp lệnh nêu trên.

Năm 2016, nội dung về phòng vệ thương mại cũng đã được quy định trong Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016. Trong Luật này, nội dung phòng vệ thương mại mới chỉ được xây dựng trên cơ sở dẫn chiếu lại các Pháp lệnh hiện hành mà chưa có những sửa đổi, bổ sung phù hợp.”¹⁶

“Trong suốt quá trình đàm phán gia nhập WTO từ năm 1995, Việt Nam đã liên tục cải thiện chính sách, biện pháp pháp luật để thực hiện quản lý ngoại thương phù hợp với điều kiện hội nhập. Tuy nhiên, mặc dù hoạt động xuất nhập khẩu diễn ra vô cùng sôi động và có đóng góp quyết định cho quá trình phát triển kinh tế của đất nước cũng như công tác quản lý nhà nước về bảo hộ nên sản xuất đã chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn, song thực tiễn cho thấy Việt Nam vẫn chưa có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, tối ưu để điều hành xuất khẩu, nhập khẩu, tận dụng những biện pháp được WTO cho phép để tạo dựng các biện pháp tự vệ thương mại và những hàng rào cần thiết để bảo vệ sản xuất trong nước đồng thời khuyến khích hoạt động xuất khẩu một cách có hệ thống.”¹⁷

Trước đây các biện pháp phòng vệ thương mại được quy định tại 3 pháp lệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành, tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng đã cho thấy có một số quy định chưa phù hợp và vẫn còn tồn tại những thiếu sót, phát sinh khó khăn, vướng mắc khi điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. Do vậy, việc pháp điển hóa các văn bản pháp luật về chống trợ cấp, chống bán phá giá và các biện pháp tự vệ trong một đạo luật là cần thiết để hoàn thiện và nâng cao hiệu lực pháp lý của các công cụ này. Việc làm này sẽ tạo cơ sở pháp lý thống nhất, linh hoạt và có hiệu lực đủ mạnh trong việc điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại. Đồng thời, giải quyết được những khó khăn về mặt pháp lý và kỹ thuật cho các cơ quan có thẩm quyền, mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam sử dụng hiệu quả một trong số các công cụ quản lý ngoại thương để ngăn chặn những hành vi cạnh tranh không công bằng của hàng hóa nhập khẩu và bảo

¹⁶ <<https://123doc.org/document/5320961-bao-cao-tong-ket-thuc-thi-phap-luat-phong-ve-thuong-mai-viet-nam-giai-doan-2002-2016.htm>>, xem 22/4/2019

¹⁷ Hồng Hạnh (2017). Từ 01/01/2018, Luật Quản lý ngoại thương chính thức có hiệu lực, <<https://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tu-01-01-2018-luat-quan-ly-ngoai-thuong-chinh-thuc-co-hieu-luc-3303-22.html>>, xem 22/4/2019

vệ hữu hiệu ngành sản xuất còn non trẻ trong nước một cách hợp pháp. Cho thấy vai trò và vị trí của pháp luật phòng vệ thương mại trong nền kinh tế Việt Nam ngày càng rõ nét.

Vì vậy, Luật Quản lý ngoại thương đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 12/6/2017, chính thức có hiệu lực từ 1/1/2018. Đây là văn bản luật quan trọng, góp phần bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước về ngoại thương, đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, khuyến khích, tạo điều kiện cho sự phát triển hoạt động ngoại thương của thương nhân và tính cạnh tranh của nền kinh tế.

“Các văn bản hướng dẫn của Luật gồm 5 Nghị định quy định chi tiết:

Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Nghị định số 10/2018/NĐ-CP về phòng vệ thương mại;

Nghị định số 14/2018/NĐ-CP về thương mại biên giới;

Nghị định số 28/2018/NĐ-CP về biện pháp phát triển ngoại thương;

Nghị định số 31/2018/NĐ-CP. Cụ thể hơn về Nghị định số 69/2018/NĐ-CP quy định một số điều của Luật Quản lý ngoại thương gồm các nội dung các biện pháp quản lý hoạt động xuất nhập khẩu; Quản lý hoạt động tạm nhập, tái xuất tái nhập, chuyển khẩu; Các hoạt động ngoại thương khác (Quá cảnh, gia công, đại lý mua bán hàng hóa); Giải quyết tranh chấp và áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương.”¹⁸

Về cơ bản, các nội dung quy định của pháp luật phòng vệ thương mại của Việt Nam tuân thủ các quy định của hệ thống Hiệp định WTO về các biện pháp phòng vệ thương mại. Các quy định trước đây chưa đạt được độ chi tiết, còn gây nhiều hiểu lầm so với quy định tương ứng của WTO đã được sửa đổi, bổ sung hoặc chi tiết nhằm tuân thủ triệt để các quy định của WTO. Bên cạnh đó, cùng với thực tiễn áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam và các quốc gia thành viên WTO, pháp luật phòng vệ thương mại hiện hành của Việt Nam cũng đã sửa đổi, bổ sung thêm một số quy định mới, chưa được đưa vào hệ thống cam kết quốc tế.

Với hệ thống pháp luật mới về phòng vệ thương mại, việc điều tra, áp dụng và xử lý các vụ việc phòng vệ thương mại đã có cơ sở pháp lý mạnh và đầy đủ.

¹⁸ Lan Phuong (2018). Tiếp cận đầy đủ Luật Quản lý ngoại thương về xuất nhập khẩu hàng hóa, <<http://www.ictvietnam.vn/tiep-can-day-du-luat-quan-ly-ngoai-thuong-ve-xuat-nhap-khau-hang-hoa.htm>>, xem 22/4/2019

Cùng với việc thay thế các văn bản pháp luật cũ, hệ thống pháp luật hiện hành đã được hoàn thiện bổ sung thêm các quy định cần thiết nhằm đảm bảo tính thực thi của các biện pháp này.

1.2.2. Những điểm mới cơ bản của pháp luật hiện hành về phòng vệ thương mại

Qua quá trình hội nhập với quốc tế thì Luật quản lý thương mại năm 2017 đã ra đời để phù hợp hơn với quá trình phát triển của nền kinh tế cũng như phù hợp hơn với các quy định của quốc tế. So với các văn bản pháp luật trước đây quy định về việc phòng vệ thương mại thì Luật quản lý ngoại thương 2017 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành đã có một số điểm mới đáng chú ý như sau:

Thứ nhất, quy định về việc cung cấp, thu thập và bảo mật thông tin trong quá trình điều tra các vụ việc phòng vệ thương mại:

- Tại Điều 14 Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 42/2002/PL-UBTVQH10 ngày 25/5/2002 về Tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam về cung cấp thông tin cho quá trình điều tra quy định:

“1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình điều tra và cung cấp thông tin cần thiết theo yêu cầu của Bộ Thương mại.

2. Bộ Thương mại có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.”

- Tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 75 của Luật quản lý ngoại thương năm 2017 quy định về cung cấp, thu thập thông tin, tài liệu và bảo mật trong quá trình điều tra vụ việc phòng vệ thương mại:

“2. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra và những người có quyền tiếp cận thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc có trách nhiệm bảo mật thông tin, tài liệu theo yêu cầu của bên cung cấp thông tin, tài liệu.

3. Trong trường hợp cần thiết, Cơ quan điều tra có quyền tiến hành trưng cầu giám định hoặc kiểm tra, xác minh tính xác thực của thông tin, tài liệu do bên liên quan cung cấp hoặc thu thập thêm thông tin, tài liệu cần thiết để giải quyết vụ việc phòng vệ thương mại. Cơ quan điều tra có quyền tiến hành việc điều tra tại chỗ, bao gồm cả việc điều tra tại nước ngoài.”

Các pháp lệnh về phòng vệ thương mại hiện nay cũng đã quy định về việc cung cấp và bảo mật thông tin. Tuy nhiên, với luật này quy định rõ quyền của cơ quan điều tra trong trường hợp các bên liên quan không hợp tác cung cấp số liệu.

Theo đó, cơ quan điều tra có quyền sử dụng các số liệu, thông tin do các bên liên quan khác cung cấp để tiến hành điều tra. Quy định này phù hợp với các Hiệp định thương mại của WTO và thực tiễn điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại giúp cho việc minh bạch trong các thông tin cũng như góp phần hỗ trợ điều tra đạt kết quả tốt hơn.

Đối với các số liệu thông tin thu thập trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra cũng có thể tiến hành thẩm tra, xác minh tính xác thực đối với các thông tin, tài liệu do các bên liên quan cung cấp. Hoạt động xác minh trên thực tế cũng đã được cơ quan điều tra thực hiện nhưng việc quy định vào Luật sẽ tăng cơ sở pháp lý của các thủ tục này, tạo điều kiện tốt hơn cho việc điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Thứ hai, quy định về cơ quan điều tra vụ việc phòng vệ thương mại và Hội đồng chống bán phá giá, chống trợ cấp:

Pháp luật hiện hành đã có những quy định sơ bộ về các cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý các vụ việc phòng vệ thương mại. Luật hoàn thiện nội dung này theo hướng rõ ràng, thống nhất nhằm làm rõ nhiệm vụ quyền hạn của các cơ quan điều tra và Hội đồng. Tại điều 73 Luật quản lý ngoại thương năm 2017 đã chỉ rõ từng nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan điều tra không giống như trước đây chỉ có hướng dẫn chung làm phát sinh nhiều vấn đề như xung đột thẩm quyền hay việc lẫn tránh trách nhiệm của các cơ quan.

Thứ ba, quy định về chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Đây là điều hoàn toàn mới so với luật cũ.

Điều 72 của Luật Quản lý thương mại năm 2017 quy định về chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

“1. Lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại là hành vi nhằm trốn tránh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thực thi biện pháp phòng vệ thương mại đang có hiệu lực đối với hàng hóa thuộc đối tượng áp dụng biện pháp này khi nhập khẩu vào lãnh thổ Việt Nam.

2. Biện pháp phòng vệ thương mại đang được áp dụng có thể được mở rộng trong trường hợp Cơ quan điều tra xác định có hành vi lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

3. Cơ quan điều tra có thể tiến hành điều tra hành vi lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại căn cứ vào yêu cầu của đại diện ngành sản xuất trong nước hoặc các thông tin mà Cơ quan điều tra có được.

4. Căn cứ vào kết luận của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định việc áp dụng biện pháp chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ

thương mại đối với hàng hóa, cấu phần hàng hóa nhập khẩu từ các nước liên quan bị điều tra.”

“Ngoài ra, tại Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ cũng đã quy định rõ, Đây là nội dung mới hoàn toàn so với các Nghị định trước đây. Nghị định quy định về biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại tại Chương V nhằm tạo ra cơ sở pháp lý đảm bảo việc thực thi hiệu quả.”¹⁹

Trên thực tiễn áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại trên thế giới, các nhà xuất khẩu đã bị áp thuế phòng vệ thương mại có khả năng sử dụng một số phương pháp thương mại để hàng hóa thuộc đối tượng điều tra không phải chịu các biện pháp này, nhằm trốn tránh việc phải nộp thuế bổ sung. Do vậy, hiệu quả của các biện pháp không còn được duy trì trên thực tế. Để xử lý vấn đề này, Luật đã đưa nội dung về chống lẩn tránh các biện pháp phòng vệ thương mại để tạo cơ sở pháp lý cho việc điều tra và áp dụng các biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại. Việc áp dụng các quy định liên quan tới việc lẩn tránh pháp luật tạo tiền đề cũng như sự vững chắc hơn cho việc phòng vệ thương mại giúp công cụ này thêm hoàn thiện và hiệu quả hơn.

Thứ tư, bổ sung quy định về biện pháp tự vệ đặc biệt

Điều 99 của Luật quản lý thương mại năm 2017 quy định về Tự vệ đặc biệt:

“1. Tự vệ đặc biệt là biện pháp tự vệ được Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định áp dụng trong trường hợp gia tăng quá mức hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam do kết quả của việc giảm thuế theo lộ trình của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Biện pháp tự vệ đặc biệt chỉ áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ từ các nước được xác định cụ thể, phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Việc điều tra, áp dụng biện pháp tự vệ đặc biệt phải tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.”

¹⁹ Cục Phòng vệ thương mại (2018). Nghị định mới về các biện pháp phòng vệ thương mại chính thức có hiệu lực, <<https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/nghi-%C4%91inh-moi-ve-cac-bien-phap-phong-ve-thuong-mai-chinh-thuc-co-hieu-luc-10647-22.html?fbclid=IwAR1YA8i49IhjE51zIEXayqCMW995jNIIFDYFPBgeDIx1ln8pPXQ8wQRICUU>>, xem 20/8/2019

Theo đó, biện pháp tự vệ đặc biệt được áp dụng đối với hàng hóa xuất xứ từ các nước và vùng lãnh thổ đặc biệt do việc gia tăng quá mức hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam do kết quả của việc giảm thuế theo lộ trình của các hiệp định thương mại.

Hiện nay, Việt Nam đang trong xu hướng tham gia ký kết rất nhiều các hiệp định thương mại song phương và đa phương. Các hiệp định này hầu hết đều có quy định về biện pháp tự vệ đối với các hiệp định này. Do đó, việc Luật quy định về biện pháp tự vệ đặc biệt sẽ làm hoàn thiện, đầy đủ các nội dung về phòng vệ thương mại, tạo cơ sở pháp lý nội địa cho việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ liên quan đến các hiệp định thương mại này.

Với mục tiêu thay thế các pháp lệnh phòng vệ thương mại hiện hành, nội dung phòng vệ thương mại trong Luật Quản lý ngoại thương đã được rà soát, nghiên cứu xây dựng ở mức hoàn thiện cao nhất, tạo cơ sở pháp lý cho việc điều tra và áp dụng các biện pháp này.

Thứ năm, Luật quản lý ngoại thương đã mở rộng thêm đối tượng của biện pháp tự vệ:

- Tại Điều 3 của Pháp lệnh về tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam năm 2002 quy định thì các biện pháp tự vệ trong nhập khẩu hàng hoá nước ngoài vào Việt Nam bao gồm:

“1. Tăng mức thuế nhập khẩu

2. áp dụng hạn ngạch nhập khẩu;

3. Áp dụng các biện pháp khác do Chính phủ quy định.”

- Tại Khoản 2 Điều 91 của Luật quản lý ngoại thương năm 2017 quy định bao gồm:

“ 2. Các biện pháp tự vệ bao gồm:

a) Áp dụng thuế tự vệ;

b) Áp dụng hạn ngạch nhập khẩu;

c) Áp dụng hạn ngạch thuế quan;

d) Cấp giấy phép nhập khẩu;

đ) Các biện pháp tự vệ khác.”

Theo đó tại Luật Quản lý ngoại thương 2017 đã mở rộng thêm các biện pháp áp dụng tự vệ đó là biện pháp “*áp dụng hạn ngạch thuế quan*” và “*cấp giấy phép nhập khẩu*”. Việc mở rộng thêm các đối tượng trong những quy định luật mới sẽ giúp cho việc phòng vệ thương mại được chặt chẽ bao quát hơn, tránh các trường hợp bỏ sót những đối tượng có thể làm ảnh hưởng đến nền kinh tế. Ngoài ra, việc đa dạng cách thức, mở rộng thêm các biện pháp trong tự vệ giúp cho cơ quan chức năng có thể có thêm nhiều lựa chọn để dễ dàng điều tiết với từng loại hàng hóa phù hợp nhằm nâng cao tính hiệu quả hơn khi áp dụng tự vệ cho một hàng hóa nào đó.

Thứ sáu, quy định về xác định hành vi và điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ²⁰

Nghị định số 10/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại đã quy định chi tiết về các phương pháp tính toán biên độ bán phá giá, tính toán giá trị trợ cấp; giá thông thường, giá xuất khẩu và phương pháp so sánh công bằng giữa giá thông thường và giá xuất khẩu làm cơ sở để tính toán mức thuế chống bán phá giá. Ngoài ra, Nghị định quy định rõ cách xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước cũng như mối quan hệ nhân quả giữa các hành vi bán phá giá, trợ cấp hoặc nhập khẩu quá mức đó đối với thiệt hại của ngành sản xuất trong nước.

Nghị định cũng quy định chi tiết trình tự, thủ tục, thời hạn nộp Hồ sơ yêu cầu, điều tra và áp dụng biện pháp chống bán phá giá, biện pháp chống trợ cấp và tự vệ nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý thực thi hiệu quả. So với các văn bản pháp luật trước đây bị thay thế, Nghị định được xây dựng phù hợp hơn nhằm tuân thủ triệt để các cam kết của WTO và dỡ bỏ một số vướng mắc trên thực tế phát sinh.

Thứ bảy, quy định chi tiết vấn đề rà soát việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ

Tại Nghị định số 10/2018/NĐ-CP, nội dung của rà soát được quy định tại Chương IV, trong đó quy định chi tiết nội dung rà soát, điều kiện nộp hồ sơ yêu cầu rà soát cho từng biện pháp và trình tự thủ tục điều tra rà soát việc áp dụng các

²⁰ Cục Phòng vệ thương mại (2018). Nghị định mới về các biện pháp phòng vệ thương mại chính thức có hiệu lực, <<https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/nguhi-%C4%91inh-moi-ve-cac-bien-phap-phong-ve-thuong-mai-chinh-thuc-co-hieu-luc-10647-22.html?fbclid=IwAR1YA8i49IhjE51zIEXayqCMW995jNIIFDYFPBgeDIx1ln8pPXQ8wQRICUU>>, xem 20/8/2019

biện pháp kể từ khi có quyết định áp dụng chính thức. Các văn bản pháp luật trước đây chỉ dừng lại ở nguyên tắc được tiến hành rà soát và thời hạn rà soát chung, chưa đảm bảo được tính rõ ràng cụ thể khi muốn tiến hành rà soát.

1.2.3. Hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về phòng vệ thương mại

Luật số 05/2017/QH14 về Quản lý ngoại thương, ban hành ngày 12 tháng 06 năm 2017 với 113 điều luật, quy định về các biện pháp quản lý ngoại thương, phát triển hoạt động ngoại thương và giải quyết tranh chấp về áp dụng biện pháp quản lý ngoại thương. Trong đó, chương IV từ Điều 67 đến Điều 99 quy định các nội dung chính liên quan đến điều tra, áp dụng, xử lý các vụ việc phòng vệ thương mại.

Nghị định 10/2018 /NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 01 năm 2018 quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại với 96 Điều luật quy định căn cứ tiến hành, trình tự, thủ tục, thời hạn, nội dung, căn cứ chấm dứt hiệu lực điều tra vụ việc phòng vệ thương mại, cách xác định thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, áp dụng, rà soát biện pháp phòng vệ thương mại. Trách nhiệm phối hợp của các cơ quan liên quan trong quá trình điều tra.

Thông tư 06/2018/TT-BCT của Bộ Công Thương ban hành ngày 20/4/2018 quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại. Thông tư quy định chi tiết về bên liên quan trong vụ việc điều tra, hoạt động cung cấp, thu thập thông tin, tài liệu và bảo mật thông tin. Tài liệu, tiếng nói, chữ viết trong quá trình điều tra, quản lý nhập khẩu hàng hóa thuộc đối tượng điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các trường hợp miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại. Thông tư có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2018.

1.2.4. Một số khái niệm liên quan

- “*Biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là biện pháp được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được xác định bị bán phá giá khi nhập khẩu vào Việt Nam gây ra thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.*”²¹

- “*Biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là biện pháp được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được trợ cấp khi nhập khẩu vào Việt Nam gây ra thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể của*

²¹ Khoản 1 Điều 77 Luật Quản lý ngoại thương 2017

ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.”²²

- “*Biện pháp tự vệ trong nhập khẩu hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam* là biện pháp được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được nhập khẩu quá mức vào Việt Nam gây ra thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất trong nước.”²³

- “*Thuế chống bán phá giá* là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

- *Thuế chống trợ cấp* là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

- “*Thuế tự vệ* là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa quá mức vào Việt Nam gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.”²⁴

Với nội dung các khái niệm trên về thuế quan trong PVTM thì có thể hiểu rằng thuế chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ là những loại thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp khi các biện pháp PVTM được sử dụng. Theo đó, khi có một đối tượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam ngoài việc phải chịu các loại thuế nhập khẩu thông thường đối với loại hàng hóa đó thì sẽ phải chịu thêm thuế bổ sung trong một thời hạn nhất định.

1.3. Các công cụ cơ bản trong phòng vệ thương mại

Cách hiểu phổ biến hiện nay thì các công cụ cơ bản trong PVTM là những quy định về thuế quan và phi thuế quan nhằm hạn chế về di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia.

1.3.1. Công cụ thuế quan

Công cụ thuế quan nói chung được hiểu là biện pháp áp đặt thuế đối với mỗi đơn vị hàng hóa xuất khẩu hoặc nhập khẩu vào mỗi quốc gia. Trong đó:

²² Khoản 1 Điều 83 Luật Quản lý ngoại thương 2017

²³ Khoản 1 Điều 91 Luật Quản lý ngoại thương 2017

²⁴ Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu 2016

- Thuế xuất khẩu là loại thuế đánh vào hàng hóa xuất khẩu. Thuế xuất khẩu hiện nay ít được các quốc gia áp dụng bởi tình hình cạnh tranh trên thế giới ngày càng gay gắt, việc không thu thuế xuất khẩu có tác động lớn trong khuyến khích xuất khẩu cũng như tăng hiệu quả cạnh tranh của hàng xuất khẩu. Vì vậy, hiện thuế xuất khẩu thường chỉ được các nước áp dụng đối với các sản phẩm có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia hoặc các sản phẩm hạn chế xuất khẩu tùy theo tình hình mỗi nước (chủ yếu liên quan tới nguyên nhiên liệu không tái tạo, sản phẩm quý hiếm...).

- Thuế nhập khẩu là loại thuế áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu vào một quốc gia. Công cụ này là loại rào cản khá phổ biến trong thương mại quốc tế giai đoạn trước. Mặc dù vậy hiện nay, thông qua việc cùng nhau đàm phán, ký kết các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA), các nước đang dần loại bỏ thuế nhập khẩu cho đối tác có FTA đối với phần lớn các loại hàng hóa. Tất nhiên, để được hưởng mức thuế quan ưu đãi theo các FTA này, hàng nhập khẩu cần phải đáp ứng các điều kiện về quy tắc xuất xứ theo cam kết từng FTA, tùy từng thị trường.

Đối với công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại được hiểu là những loại thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp khi các biện pháp PVTM được sử dụng. Theo đó, khi có một đối tượng hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam ngoài việc phải chịu các loại thuế nhập khẩu thông thường đối với loại hàng hóa đó thì sẽ phải chịu thêm thuế bổ sung trong một thời hạn nhất định.

1.3.1.1. Thuế nhập khẩu:

Thuế nhập khẩu là một loại thuế mà một quốc gia hay vùng lãnh thổ đánh vào hàng hóa có nguồn gốc từ nước ngoài trong quá trình nhập khẩu. Khi phương tiện vận tải (tàu thủy, máy bay, phương tiện vận tải đường bộ hay đường sắt) đến cửa khẩu biên giới (cảng hàng không quốc tế, cảng sông quốc tế hay cảng biển quốc tế, cửa khẩu biên giới bộ) thì các công chức hải quan sẽ tiến hành kiểm tra hàng hóa so với khai báo trong tờ khai hải quan đồng thời tính số thuế nhập khẩu phải thu theo các công thức tính thuế nhập khẩu đã quy định trước. Về mặt nguyên tắc, thuế nhập khẩu phải được nộp trước khi thông quan để nhà nhập khẩu có thể đưa mặt hàng nhập khẩu vào lưu thông trong nội địa, trừ khi có các chính sách hạn thuế hay có bảo lãnh nộp thuế, nên đây có thể coi là một trong những loại thuế dễ thu nhất, và chi phí để thu thuế nhập khẩu là khá nhỏ.

Thuế nhập khẩu có những đặc điểm sau²⁵:

²⁵ <<http://doc.edu.vn/tai-lieu/tieu-luan-thuc-tien-ap-dung-phap-luat-thue-nhap-khau-va-giai-phap-nham-khac-phuc-nhung-han-che-bat-cap-cua-phap-luat-39038/>>, xem 12/05/2019

Thứ nhất, thuế nhập khẩu có đối tượng chịu thuế là các hàng hóa được phép vận chuyển qua biên giới. Thuế nhập khẩu không tác động vào đối tượng nhập khẩu là các loại hình dịch vụ.

Thứ hai, thuế nhập khẩu không hoàn toàn là thuế trực thu hoặc gián thu: nếu nhà nhập khẩu nộp thuế nhập khẩu và tự tiêu dùng số hàng hóa nhập khẩu thì khoản thuế nhập khẩu đã nộp có tính chất là thuế trực thu; ngược lại khi nhà nhập khẩu đã nộp xong thuế nhập khẩu và bán số hàng hóa đó cho người khác thì khoản thuế nhập khẩu đã nộp có tính chất là thuế gián thu.

Thứ ba, thuế nhập khẩu gắn liền với hoạt động kinh tế đối ngoại của mỗi quốc gia trong từng thời kỳ bởi hoạt động ngoại thương là một trong những hoạt động cơ bản của nền kinh tế đối ngoại mà thuế nhập khẩu là công cụ góp phần thực hiện vai trò quản lý, kiểm soát hoạt động ngoại thương của Nhà nước.

Thứ tư, thuế nhập khẩu bị chi phối bởi nhiều yếu tố, đặc biệt là yếu tố hội nhập nền kinh tế của quốc gia. Các yếu tố cơ bản chi phối đến chính sách thuế như nhu cầu thu ngân sách nhà nước, yếu tố thực trạng kinh tế xã hội, chính sách thuế nhập khẩu phải phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của Nhà nước.

Tác động tích cực:

+ Thuế quan nhập khẩu tạo điều kiện cho các nhà sản xuất trong nước mở rộng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm do hàng nhập khẩu bị giảm bớt, tạo thêm công ăn việc làm, nâng cao đời sống xã hội.

+ Thuế quan nhập khẩu làm tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

+ Thuế quan nhập khẩu tạo điều kiện cho những ngành công nghiệp còn non trẻ, có khả năng cạnh tranh còn yếu trên thị trường quốc tế phát triển.

+ Thuế quan nhập khẩu có thể điều chỉnh hàng hóa từ thị trường nước ngoài vào thị trường trong nước.

+ Thuế quan nhập khẩu có tác động chính sách phân phối thu nhập giữa các tầng lớp dân cư; từ người tiêu dùng sản phẩm nội địa sang nhà sản xuất trong nước và chính phủ, chính phủ có thể sử dụng nguồn thu này để làm phúc lợi xã hội, tạo điều kiện cho người nghèo có cuộc sống tốt hơn.

Tác động tiêu cực

+ Thuế nhập khẩu làm cho giá trị hàng hóa trong nước cao vượt hơn mức giá nhập khẩu và chính người tiêu dùng trong nước phải trang trải cho gánh nặng thuế này. Điều đó đưa đến tình trạng giảm mức cầu của người tiêu dùng đối với hàng nhập khẩu và làm hạn chế mức nhập khẩu thiệt hại lợi ích người tiêu dùng.

+ Thuế quan nhập khẩu khuyến khích một số doanh nghiệp sản xuất không hiệu quả trong nước gây tổn thất cho nhà sản xuất và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia.

+ Về lâu dài thuế quan nhập khẩu sẽ tạo ra những vấn đề buôn lậu, trốn thuế tạo nên sản xuất nội địa kém hiệu quả, gây ảnh hưởng xấu đến đời sống xã hội.

1.3.1.2. Thuế xuất khẩu:²⁶

Thuế xuất khẩu là loại thuế đánh vào những mặt hàng mà Nhà nước muốn hạn chế xuất khẩu. Nhằm bình ổn giá một số mặt hàng trong nước, bảo vệ nguồn cung trong nước của một số mặt hàng, hạn chế xuất khẩu để giảm xung đột thương mại với nước khác, hoặc có thể nhằm nâng giá mặt hàng nào đó trên thị trường quốc tế (đối với nước chiếm tỷ trọng chi phối trong sản xuất mặt hàng đó) việc hạn chế xuất khẩu có thể được Nhà nước cân nhắc. Trong các biện pháp hạn chế xuất khẩu, thuế xuất khẩu là biện pháp tương đối dễ áp dụng. Ngoài ra, Nhà nước cũng có thể sử dụng thuế xuất khẩu như một biện pháp để phân phối lại thu nhập, tăng thu ngân sách.

“Là công cụ quan trọng của nhà nước trong chính sách ngoại thương thuế xuất khẩu có đặc điểm cơ bản:

Thứ nhất, thuế xuất khẩu là loại thuế gián thu. Nhà nước sử dụng thuế xuất khẩu để điều chỉnh hoạt động ngoại thương thông qua việc tác động vào cơ cấu giá cả của hàng hóa xuất khẩu. Vì vậy, thuế xuất khẩu là một yếu tố cấu thành trong giá của hàng hóa xuất khẩu. Người nộp thuế là người thực hiện hoạt động xuất khẩu còn người chịu thuế là người tiêu dùng cuối cùng, buộc các nhà sản xuất và nhập khẩu hàng hóa phải điều chỉnh sản xuất kinh doanh của mình cho phù hợp.

Thứ hai, thuế xuất khẩu là loại thuế gắn liền với hoạt động ngoại thương. Hoạt động ngoại thương giữ một vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân, tuy nhiên hoạt động này đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ của nhà nước. Thuế xuất khẩu là một công cụ quan trọng của nhà nước nhằm kiểm soát hoạt động ngoại thương thông qua việc kê khai, kiểm tra, tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu. Việc đánh thuế xuất khẩu thường căn cứ vào giá trị và chủng loại hàng hóa xuất khẩu. Giá trị hàng hóa được xác định làm căn cứ tính thuế xuất khẩu là giá trị cuối cùng của hàng hóa tại cửa xuất. Giá trị tính thuế xuất khẩu phải phản ánh khách quan, trung thực giá trị giao dịch thực tế của hàng hóa xuất khẩu.

²⁶ <https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%BF_xu%E1%BA%A5t_kh%E1%BA%A9u> xem 12/03/2019

Thứ ba, thuế xuất khẩu chịu ảnh hưởng trực tiếp của các yếu tố quốc tế như sự biến động kinh tế thế giới, xu hướng thương mại quốc tế... Thuế xuất khẩu điều chỉnh hoạt động xuất khẩu hàng hóa của một quốc gia. Sự biến động kinh tế thế giới, xu hướng thương mại quốc tế trong từng thời kỳ sẽ tác động trực tiếp tới hàng hóa xuất của các quốc gia, nhất là trong xu thế tự do hóa thương mại, mở cửa và hội nhập kinh tế như hiện nay. Từ đó, các yếu tố quốc tế sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới chính sách thuế xuất khẩu từng quốc gia. Để đạt được những mục tiêu đặt ra đòi hỏi chính sách thuế xuất khẩu phải có tính linh hoạt cao, có sự thay đổi phù hợp tùy theo sự biến động của kinh tế thế giới và thương mại quốc tế, ngoài ra chính sách thuế xuất khẩu còn đảm bảo phù hợp với hiệp định cam kết quốc tế mà mỗi quốc gia ký kết tham gia.²⁷

Tác động tích cực:

- + Thuế xuất khẩu làm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước
- + Thuế xuất khẩu làm hạn chế xuất khẩu quá mức những mặt hàng khai thác từ tài nguyên thiên nhiên, gây mất cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm môi trường, những mặt hàng ảnh hưởng tới an ninh lương thực quốc gia nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia.

Tác động tiêu cực:

- + Thuế xuất khẩu tạo nên bất lợi cho khả năng xuất khẩu của quốc gia do nó làm cho giá cả của hàng hóa bị đánh thuế vượt quá giá cả trong nước làm giảm sản lượng hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt là đối với nước nhỏ.
- + Thuế xuất khẩu làm giảm sản lượng xuất khẩu, điều này dẫn đến các nhà sản xuất thu hẹp quy mô sản xuất dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội.
- + Một mức thuế xuất khẩu cao và duy trì quá lâu có thể làm lợi cho các đối thủ cạnh tranh dựa trên cơ sở cạnh tranh về giá cả.

1.3.1.3. Vai trò của thuế quan trong phòng vệ thương mại

Thuế quan trước hết là nhằm điều tiết hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu. Bởi vì lượng hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu phụ thuộc vào sự tiêu thụ hàng hoá, yếu tố này lại phụ thuộc vào giá cả. Giá cả lên xuống, nó làm giảm hoặc tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Một bộ phận quan trọng của giá cả hàng hoá ngoại thương đó là thuế quan. Thuế quan đánh thấp hay đánh cao ảnh hưởng đến sức

²⁷ <<https://xemtailieu.com/tai-lieu/phan-tich-tac-dong-cua-thue-xuat-khau-tai-viet-nam-209847.html>>. xem 12/03/2019

cạnh tranh của hàng hoá, do đó thông qua mức thuế quan đánh vào hàng hoá xuất nhập khẩu người ta gián tiếp điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá.

Thuế quan có tác dụng bảo hộ thị trường nội địa vì đánh thuế cao vào những hàng hoá nhập khẩu, giúp các nhà sản xuất trong nước bằng giá rẻ có thể cạnh tranh với hàng hoá nhập khẩu. Đặc biệt thuế quan giúp các xí nghiệp sản xuất non trẻ ở trong nước có thời gian để phát triển và sinh lời nhằm có thể cạnh tranh với hàng nhập khẩu trong tương lai. Vì những xí nghiệp non trẻ thường phải chi phí ban đầu cao, chưa có thị trường rộng lớn nên những xí nghiệp này có thể bị bóp chết trong trường hợp thương mại tự do khi bị hàng nhập khẩu cạnh tranh.

Thuế nhập khẩu có tác dụng giảm bớt nạn thất nghiệp vì sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu là do việc đánh thuế cao gây nên sẽ đòi hỏi mở thêm sản xuất tạo thêm công ăn việc làm giải quyết bớt nạn thất nghiệp trong nội địa.

Thuế quan có thể có mấy loại sau theo quan điểm mục đích đánh thuế:

+ Thuế quan nhằm tăng thu ngân sách: vai trò của nó nhằm tăng thu nhập cho ngân sách nhà nước, mức đánh thuế loại hình này thường là thấp.

+ Thuế quan bảo hộ nhằm đánh vào hàng xuất nhập khẩu để làm giảm giá bán hàng xuất khẩu ra thị trường nước ngoài và làm tăng giá hàng nhập khẩu sao cho cao hơn hàng sản xuất trong nội địa. Nó có thể bao gồm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế quá cảnh.²⁸

1.3.2. Công cụ phi thuế quan

Công cụ phi thuế quan là các biện pháp phi thuế do chính phủ một quốc gia áp đặt nhằm kiểm soát luồng hàng nhập khẩu/xuất khẩu ngoài thuế quan. Đó có thể là các biện pháp hành chính, hạn chế định lượng như: hạn ngạch, cấm nhập khẩu, cấp giấy phép... Sau đây là các biện pháp chính.

1.3.2.1. Hạn ngạch²⁹

Hạn ngạch là quy định của Nhà nước về số lượng cao nhất của một hàng hoá hay một nhóm hàng hoá được phép xuất khẩu hay nhập khẩu trong một thời gian nhất định thường là một năm đối với một thị trường cụ thể.

Như vậy hạn ngạch nó hạn chế số lượng nhập khẩu đồng thời cũng ảnh hưởng đến giá nội địa của hàng hoá. Do mức cung thấp giá cân bằng sẽ cao hơn trong điều kiện thương mại tự do. Theo đó hạn ngạch tương đối giống với thuế nhập khẩu. Giá hàng nhập nội địa đối với người tiêu dùng tăng lên và chính giá cao này

²⁸ <<http://www.dankinhte.vn/vai-tro-cua-thue-quan-la-gi/>>, xem 04/04/2019

²⁹ <<https://voer.edu.vn/m/vi-tri-vai-tro-va-cac-cong-cu-cua-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te/1975eb27>>
xem 04/04/2019

cho phép nhà sản xuất nội địa kém hiệu quả sản xuất ra một sản lượng cao hơn so với điều kiện thương mại tự do. Xét về ý nghĩa bảo hộ, hạn ngạch cũng có tác động như thuế quan.

*a) Tác động đối với nhập khẩu*³⁰

Áp dụng đối với mặt hàng thiết yếu, kiểm soát để đảm bảo nhu cầu trong nước hoặc thị trường nhập khẩu quy định hạn ngạch nhập khẩu.

Hạn ngạch nhập khẩu là công cụ quan trọng để thực hiện chiến lược sản xuất thay thế nhập khẩu, bảo hộ sản xuất nội địa. Đối với Chính phủ và các doanh nghiệp, hạn ngạch cho biết trước số lượng nhập khẩu. Đối với thuế quan lượng hàng hoá nhập khẩu phụ thuộc vào mức độ linh hoạt của cung cầu và thường không thể biết trước được. Như vậy xét về mặt bảo hộ không có sự khác biệt nào giữa thuế quan và hạn ngạch. Tuy nhiên sự tác động của hạn ngạch nhập khẩu khác với sự tác động của thuế quan ở hai mặt. Mức thuế quan tối thiểu ít nhất cũng mang lại thu nhập cho Chính phủ, có thể cho phép giảm những loại thuế khác và do đó nó bù đắp một phần nào cho người tiêu dùng trong nước. Trong khi đó, hạn ngạch nhập khẩu lại đưa lại lợi nhuận có thể rất lớn cho những người may mắn xin được giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch.

Hạn ngạch nhập khẩu thường được quy định cho một loại sản phẩm đặc biệt hay sản phẩm và thị trường đặc biệt.

Hạn ngạch nhập khẩu làm cho giá hàng nhập nội địa tăng lên và tạo điều kiện cho các nhà sản xuất trong nước mở rộng quy mô sản xuất, tạo việc làm cho người lao động.

Hạn ngạch nhập khẩu nhằm bảo vệ các ngành công nghiệp còn non trẻ, chưa đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế phát triển

Hạn ngạch nhập khẩu làm giảm lượng hàng nhập khẩu, dẫn tới lượng tiêu dùng trong nước giảm làm giảm lợi ích của người tiêu dùng và lợi ích ròng của xã hội do cơ hội lựa chọn ít hơn và mua với giá đắt hơn.

*b) Tác động đối với xuất khẩu*³¹

Thường áp dụng với các loại hàng hóa thực thi chế độ bảo hộ cao, chặt chẽ cho ngành sản xuất trong nước đặc biệt ngành non trẻ có khả năng phát triển trong tương lai hoặc mang lại phúc lợi xã hội lớn.

³⁰ <<https://tailieu.vn/doc/cac-cong-cu-chu-yeu-trong-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te--1507152.html>>, xem 12/05/2019

³¹ <<https://123doc.org/document/1237146-cac-cong-cu-chu-yeu-trong-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te-pot.htm>>, xem 21/7/2019

- Hạn ngạch xuất khẩu làm giảm lượng hàng xuất khẩu, làm giảm quy mô sản xuất dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng, thu nhập người lao động giảm, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế xã hội.

- Hạn ngạch xuất khẩu làm giảm thu ngân sách của nhà nước.

- Hạn ngạch xuất khẩu nhằm đảm bảo lượng cung hàng hoá cho thị trường trong nước.

- Tác động tới người tiêu dùng: Hạn ngạch xuất khẩu làm hạn chế sản lượng xuất khẩu, cung hàng hoá tại thị trường trong nước sẽ tăng lên làm giá cả hàng hoá thị trường trong nước giảm, tăng cơ hội lựa chọn cho người tiêu dùng.

c) Tác động chung của hạn ngạch:³²

- Chính phủ có thể kiểm soát chặt chẽ lượng hàng xuất nhập khẩu.

- Chính phủ không có được nguồn thu như thuế nếu chính phủ không tổ chức bán đấu giá hạn ngạch.

- Hạn ngạch có thể dẫn đến độc quyền trong kinh doanh dẫn đến các tiêu cực trong tìm kiếm cơ hội để có được hạn ngạch.

- Gây tổn kém trong quản lý hành chính, bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp.

1.3.2.2. Hàng rào kỹ thuật³³

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại là một loại hàng rào phi thuế quan, là một hình thức bảo hộ mậu dịch thông qua việc các nước nhập khẩu đưa ra các yêu cầu về tiêu chuẩn đối với hàng hóa nhập khẩu vào nước mình hết sức khắt khe, được xem là một trong những nhóm biện pháp hữu hiệu nhất để ngăn chặn hàng nhập khẩu. Hàng rào này liên quan tới việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật như tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, các biện pháp nhằm đảm bảo quá trình sản xuất hàng hóa phải an toàn, vệ sinh, bảo vệ môi trường, các vấn đề liên quan tới ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản hàng hóa... Chúng là các rào cản hợp lý và hợp pháp, cần được duy trì.

Hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc tế rất đa dạng, phức tạp và được quy định bởi cả hệ thống pháp luật quốc tế, cũng như luật pháp của từng quốc gia, được sử dụng không giống nhau ở các quốc gia và vùng lãnh thổ. Hàng rào kỹ thuật là những biện pháp kỹ thuật cần thiết để bảo vệ người tiêu dùng trong nước,

³² <<https://tailieu.vn/doc/cac-cong-cu-chu-yeu-trong-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te--1507152.html>>, xem 21/7/2019

³³ <<https://xemtailieu.com/tai-lieu/hang-rao-ky-thuat-trong-thuong-mai-quoc-te-1728676.html>>, xem 21/7/2019

lợi ích quốc gia, bảo hộ sản xuất trong nước, song có thể gây trở ngại cho thương mại quốc tế do việc đưa ra những quy định quá mức cần thiết.

Khi chưa hội nhập với tổ chức thương mại khu vực hay quốc tế, các nước thường áp dụng ba biện pháp: thuế quan, hạn ngạch và hàng rào kỹ thuật để hạn chế sức cạnh tranh của hàng hoá nước ngoài với hàng hoá trong nước. Nhưng sau khi hội nhập, tham gia vào các tổ chức thương mại tự do của khu vực và thế giới thì các nước phải xoá bỏ hạn ngạch, cắt giảm thuế. Do đó, hàng rào kỹ thuật là biện pháp rất quan trọng và được các nước sử dụng ngày càng nhiều. Các quốc gia khi áp dụng hàng rào kỹ thuật thường đưa ra những quy định rất nghiêm ngặt và khó vượt qua về chất lượng và các tiêu chuẩn của hàng hoá, vì vậy hàng rào kỹ thuật là một biện pháp hết sức tinh vi và hiệu quả.

1.3.2.3. Giấy phép nhập khẩu³⁴

Giấy phép nhập khẩu hàng hoá là một biện pháp quản lý nhập khẩu của Nhà nước. Nó đòi hỏi khi nhập khẩu hàng hoá phải có giấy phép của cơ quan quản lý Nhà nước. Trong hiệp định về thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu của WTO, giấy phép nhập khẩu được coi là thủ tục hành chính của chế độ giấy phép nhập khẩu, yêu cầu các nhà nhập khẩu phải đệ trình đơn hoặc các tài liệu khác cho cơ quan quản lý hành chính có liên quan như là một số điều kiện để nhập khẩu.

Giấy phép nhập khẩu có hai loại thường gặp: Giấy phép tự động và giấy phép không tự động. Với loại giấy phép thứ nhất: Người nhập khẩu xin phép nhập khẩu thì cấp ngay không cần đòi hỏi gì cả. Với loại giấy phép thứ hai: người nhập khẩu bị ràng buộc bởi các hạn chế nhập khẩu.

Giấy phép nhập khẩu ngày nay ít được sử dụng hơn so với trước. Mặc dù vậy, hệ thống giấy phép này vẫn cần để quản lý nhập khẩu một số mặt hàng.

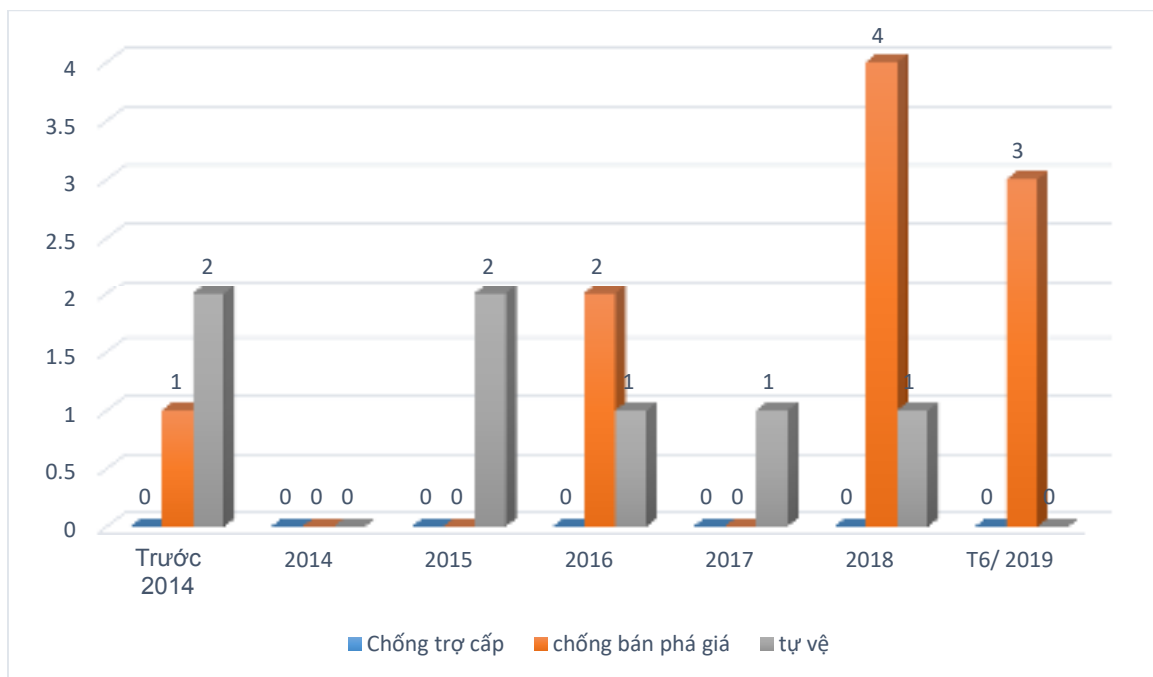
³⁴ <<https://xemtailieu.com/tai-lieu/cac-bien-phap-thue-quan-va-phi-thue-quan-trong-chinh-sach-ngoai-thuong-cua-nhat-ban-147426.html>>, xem 21/7/2019

Chương 2

THỰC TIỄN PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI BẰNG CÔNG CỤ THUẾ QUAN

2.1. Phòng vệ thương mại bằng thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam

2.1.1. Thực tiễn áp dụng công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại tại Việt Nam (tính đến tháng 6/2019)



Biểu đồ: 2.1. Thể hiện tổng số vụ, việc Việt nam khởi kiện
(xem thêm tại bảng số 1,2, phụ lục)

Nhận xét chung:

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, tự do hóa thương mại sâu rộng, hàng hóa sản xuất trong nước phải chịu sức ép cạnh tranh gay gắt với hàng hóa nhập khẩu, gây ra những tác động tiêu cực và khó khăn cho các doanh nghiệp và ngành sản xuất trong nước. Trước tình hình ngành sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn và thiệt hại do hàng hóa nhập khẩu bán phá giá hoặc gia tăng đột biến, Việt Nam đã tiến hành nhiều vụ việc điều tra phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của các doanh nghiệp sản xuất trong nước. Cụ thể, tính đến tháng 8 năm 2019, Việt Nam đã tiến hành 17 vụ việc điều tra (10 vụ việc chống bán phá giá, 07 vụ việc tự vệ)

Nhìn chung tổng thể với bảng số liệu thống kê về số vụ việc trên, ta có thể thấy được tình hình thực tế áp dụng PVTM của nước ta là rất hạn chế. “Nếu nhìn vào con số trên, đặc biệt là trong tương quan với số lượng rất lớn các vụ việc được tiến hành trên thế giới (311 vụ Tự vệ, 4757 vụ Chống bán phá giá và 380 vụ Chống trợ cấp), có thể thấy Việt Nam đã sử dụng rất ít các biện pháp phòng vệ thương mại.”³⁵ Mặc dù pháp luật về phòng vệ thương mại đã được ban hành hơn 10 năm nhưng các biện pháp này mới chỉ bắt đầu thực sự được sử dụng trong khoảng 5 năm trở lại đây và đang có xu hướng tăng lên về số lượng vụ việc. Đặc biệt, tính đến thời điểm này Việt Nam chưa từng khởi kiện một vụ việc nào về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào nước ta. Điều này thể hiện tính ứng dụng công cụ này ở Việt Nam vẫn còn rất nhiều hạn chế so với các nước phát triển. Việc không thể tối ưu sử dụng công cụ này sẽ gây ra nhiều thiệt hại và tổn thất đối với nền kinh tế, sản xuất nội địa.

Có nhiều nguyên nhân giải thích cho vấn đề này. Trong đó có 2 yếu tố chính, cốt lõi đó là vấn đề của pháp luật Việt Nam hiện hành và tình hình hiểu biết chung, khả năng sử dụng của doanh nghiệp Việt Nam đang là hạn chế. Chính bởi vậy, năm 2018 ta có thêm Luật Quản lý ngoại thương với các sửa đổi bổ sung các quy định về phòng vệ thương mại nhằm sửa đổi những hạn chế này cũng như tăng thêm tính tương thích của pháp luật Việt Nam trong xu hướng ngày càng hội nhập và mở rộng hợp tác quốc tế.

2.1.2. Phân tích một số vụ việc tiêu biểu Việt Nam đã khởi kiện

2.1.2.1. Chống bán phá giá thép không gỉ cán nguội(AD01)

1. Một số thông tin chung về vụ việc

- Nguyên đơn: Công ty TNHH POSCO VST và Công ty cổ phần Inox Hòa Bình;

- Sản phẩm bị điều tra: Thép không gỉ cán nguội

- Cơ quan điều tra: Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương;

“Trên cơ sở hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá của các doanh nghiệp trong nước, sau khi tiến hành điều tra và xác minh có hành vi bán phá giá gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước, Bộ trưởng Bộ công thương đã ban hành quyết định số 7896/QĐ-BCT ngày 5 tháng 9 năm 2014 về áp dụng thuế chống bán phá giá đối với một số mặt hàng thép không gỉ cán nguội có xuất xứ từ Trung Quốc, Ma – lai – xi – a, In – do – ne – xi – a và Đài Loan. Mức thuế chống bán phá giá

³⁵ <<https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/bien-phap-phong-ve-thuong-mai-cong-cu-hieu-qua-giam-ap-luc-hang-nhap-khau-107138-22.html>> xem 03/06/2019

được áp dụng từ 3,07% đến 37,29%. Theo đó, mức thuế chống bán phá giá sẽ được áp dụng cho hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam, cụ thể như sau:

Nước/Vùng lãnh thổ	Tên nhà sản xuất/xuất khẩu	Biên độ bán phá giá
Trung Quốc	LISCO	4,64%
	FSSS	6,87%
	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác	6,58%
Indonesia	JSI	3,07%
	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác	3,07%
Malaysia	Bahru	10,71%
	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác	10,71%
Đài Loan	YUSCO	13,79%
	YLSS	37,29%
	Các nhà sản xuất/xuất khẩu khác	13,79%

Ngày 29 tháng 4 năm 2016, Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Quyết định số 1656/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với các mặt hàng nêu trên, với mức thuế được điều chỉnh cho thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ Trung Quốc là từ 17,47% đến 25,35%, cho Ma-lai-xi-a là mức 9,55% mức thuế của Đài loan không thay đổi”³⁶

Ngày 4 tháng 7 năm 2018, Bộ trưởng Bộ công thương ban hành Quyết định số 2398/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội, với mức thuế cho In-

36 Thép không gỉ cán nguội - Việt Nam điều tra chống bán phá giá (13-KN-BPG-01)
<<http://chongbanphagia.vn/thep-khong-gi-can-nguoi-n4381.html>>, xem 04/09/2019

do-ne-xi-a từ 6,64% đến 13,03% cho Ma-lai-xi-a là 9,31%,mức thuế của Trung Quốc và Đài loan không thay đổi

Hiện tại, vụ việc đang được tiến hành rà soát cuối kỳ theo quy định để quyết định việc chấm dứt hoặc tiếp tục áp dụng biện pháp. Dự kiến việc điều tra sẽ kết thúc và quyết định được ban hành vào tháng 5 năm 2019.

2. Nguyên nhân dẫn đến vụ việc

Vào tháng 7/2013 sau khi Công ty TNHH Posco VST và Công ty Cổ phần Inox Hòa Bình gửi văn bản tới Bộ Công Thương yêu cầu áp thuế chống bán phá giá bình quân 20% đối với sản phẩm thép không gỉ nhập từ Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và Đài Loan (Trung Quốc). Posco VST và Hòa Bình đang chiếm 80% thị phần inox trong nước.

Thép không gỉ là nguyên liệu đầu vào cho ngành sản xuất đồ gia dụng như bồn rửa bát, xoong, nồi đồ nội thất dạng ống, hệ thống nước nóng, bồn tắm hoặc các bộ phận của xe hơi, vật liệu xây dựng... Hàng nhập từ Trung Quốc, Malaysia, Indonesia và Đài Loan hiện hưởng thuế suất 0% do có quan hệ AFTA nên mức thuế hiện là 0%.

Theo Posco VST và Inox Hòa Bình, giá thép không gỉ nhập khẩu từ 4 nước trên thấp hơn 25% sản phẩm trong nước, thậm chí thấp hơn giá thành tại chính thị trường của họ. Điều này đã tác động tiêu cực tới sản xuất trong nước như công suất giảm, tỷ lệ thua lỗ tăng cao, doanh thu giảm, giảm giá bán, lượng hàng tồn kho tăng.

3. Tiến trình vụ việc

Thời gian	Sự kiện
6/5/2013	Công ty TNHH Posco VST và Công ty Cổ phần Inox Hòa Bình gửi văn bản tới Bộ Công Thương yêu cầu áp thuế chống bán phá
02/07/2013	Ban hành Quyết định số 4460/QĐ-BCT về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá
02/12/2013	Công bố kết luận điều tra sơ bộ vụ việc điều tra
25/12/2013	Áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời (Quyết định số 9990/QĐ-BCT)
05/09/2014	Áp dụng biện pháp chống bán phá giá (Quyết định số 7896/QĐ-BCT)
21/10/2015	Tiến hành rà soát đối với vụ việc nêu trên (Quyết định số 11353/QĐ-BCT)
29/04/2016	Kết quả rà soát lần thứ nhất (Quyết định số 1656/QĐ-BCT)

02/10/2018	Tiến hành rà soát cuối kì (Quyết định số 3551/QĐ-BCT)
23/05/2017	Tiến hành rà soát lần thứ 2 (Quyết định 1849/QĐ-BCT)
04/07/2018	Kết quả rà soát lần thứ 2 (Quyết định số 2398/QĐ-BCT)

4. Đánh giá tác động sau khi áp dụng biện pháp

- Tích cực

+ Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, sau khi biện pháp chống bán phá giá được áp dụng đến nay, thép inox vẫn tiếp tục được nhập khẩu từ 4 nước/vùng lãnh thổ bị áp thuế cũng như từ các nước khác. Tổng lượng nhập khẩu thép không gỉ cán nguội từ tất cả các nguồn sau khi có biện pháp chống bán phá giá vẫn tăng so với giai đoạn trước khi áp thuế. Chẳng hạn như thép inox đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan... nên người sử dụng thép inox tại Việt Nam có nhiều sự lựa chọn khác nhau ngoài nguồn sản xuất trong nước.

+ “Trong giai đoạn điều tra gần nhất (từ ngày 1/7/2017 tới ngày 30/6/2018), nhập khẩu thép inox vẫn chiếm tới 57,2% tổng tiêu thụ trong nước (trong đó nhập khẩu từ các nước không bị áp thuế chống bán phá giá chiếm 68,5% tổng nhập khẩu), sản xuất trong nước chỉ chiếm 42,8% tiêu thụ trong nước.

Thống kê cũng cho thấy, thép inox của Trung Quốc, Indonesia, Malaysia và vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) đã từng bị nhiều nền kinh tế trên thế giới điều tra chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu (EU), Brazil, Mexico, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Liên minh kinh tế Á Âu (EAEU).

Trong bối cảnh mặt hàng này phải chịu nhiều áp lực từ việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại ở nước ngoài, nếu không áp dụng biện pháp chống bán phá giá hàng nhập khẩu giá rẻ sẽ ồ ạt xuất khẩu vào Việt Nam.

Khi đó, không những ngành sản xuất thép không gỉ trong nước phải chịu thiệt hại mà các mặt hàng ống thép, đồ gia dụng do Việt Nam sản xuất từ nguyên liệu đầu vào là thép không gỉ cán nguội nhập khẩu khi xuất khẩu sẽ đối mặt với việc bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá của các nước khác.”³⁷

+ Mặt khác, sau khi áp dụng biện pháp chống bán phá giá từ tháng 10/2014, ngành sản xuất trong nước bắt đầu phục hồi và dần tăng trưởng. Vì thế, nếu không

³⁷ Cục Phòng vệ thương mại (2019). Phản hồi một số thông tin phản ánh của báo chí về biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu vào Việt Nam, <http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=91b07cfl-3658-4f39-b688-73b9e8ff8a05&id=71e65222-7b8c-4011-a4c9-e4cf67069381>, Xem 04/09/2019

có biện pháp chống bán phá giá với việc hàng nhập khẩu gia tăng ồ ạt vào Việt Nam thì ngành sản xuất trong nước khó có thể tồn tại và phát triển.

- Hạn chế

Ngoài những ảnh hưởng tích cực trên, thì khi biện pháp chống bán phá giá được sử dụng đối với thép không gỉ cán nguội cũng mang đến một số hệ quả phụ từ việc áp dụng này đó là:

Khi công cụ PVTM được sử dụng, đáng ra sẽ mang lại sự cân bằng giữa các doanh nghiệp đầu nguồn, từ đó tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh và mang đến lợi ích giá cả cho người tiêu dùng cũng như một số doanh nghiệp lệ thuộc liên quan trực tiếp đến nguồn nguyên liệu này.

“Tuy nhiên, theo phản ánh của một số doanh nghiệp trong nước chuyên kinh doanh các mặt hàng gia dụng gặp nhiều khó khăn khi sản xuất các sản phẩm (nồi, xoong chảo bằng nhôm và inox) đây là những sản phẩm phải sử dụng nguyên vật liệu từ loại thép không gỉ cán nguội để sản xuất. việc áp thuế nhập khẩu đối với thép inox khiến tình trạng nguyên liệu bị áp giá cao còn hàng inox sản xuất trong nước lại chỉ phụ thuộc một vài doanh nghiệp. Trong đó cty Posco VST với 100% vốn Hàn Quốc chiếm thị phần áp đảo, hầu hết các đơn vị sản xuất đều phải mua nguyên liệu từ doanh nghiệp này mà không có nhiều lựa chọn khác. việc nguồn nguyên liệu thép inox trong nước khan hiếm, giá thép không gỉ cán nguội nhập khẩu sau áp thuế tăng giá từ 15-20% khiến các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa lao đao. Điều này dẫn đến hệ quả liệu có hay không dấu hiệu của việc độc quyền.”³⁸

Về vấn đề này, Cục phòng vệ thương mại đã có kết quả phản hồi là không có phát hiện về dấu hiệu độc quyền trong nước, tuy nhiên vẫn đang điều tra xem xét thêm để đảm bảo chính xác về vấn đề này. Có thể nói nếu tình trạng độc quyền thực sự xảy ra sau khi có biện pháp PVTM thì những tác động như vậy sẽ làm cho các nhà sản xuất sản phẩm bằng inox thật sự rất khó cạnh tranh với các sản phẩm inox nhập khẩu khi giá nguyên liệu luôn giữ ở giá cao. Người tiêu dùng cũng từ đó sẽ chọn những sản phẩm nhập khẩu với chất lượng tương đương sản phẩm trong nước với giá thành rẻ hơn nhiều. Lúc đó, mặt hàng Việt Nam sẽ dần mất đi chỗ đứng trên thị trường của mình. Đối mặt với việc giá thành thép không gỉ cán

³⁸ Cục Phòng vệ thương mại (2019). Phản hồi một số thông tin phản ánh của báo chí về biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu vào Việt Nam, <http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=91b07cf1-3658-4f39-b688-73b9e8ff8a05&id=71e65222-7b8c-4011-a4c9-e4cf67069381>, Xem 04/09/2019

nguồn cao hơn so với các thị trường các trong khu vực dẫn đến việc các nhà sản xuất khó có thể mang sản phẩm trong nước ra cạnh tranh với các sản phẩm các nước trong khu vực và nước ngoài vì giá thành sản phẩm tăng theo giá nguyên liệu.

Việc các doanh nghiệp sản xuất trong nước được bảo hộ nhưng nếu tạo ra tình trạng độc quyền, dễ dàng thống lĩnh thị trường khi không phải cạnh tranh với các nhà nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam vừa có lợi cũng có hại. Khi các nhà sản xuất sản phẩm lệ thuộc không thể mua thép không gỉ cán nguội từ nước ngoài với chất lượng và giá thành rẻ hơn vì bị áp thuế quá cao nên chỉ còn có thể lựa chọn thị trường ở trong nước. Sự giảm thiểu tính cạnh tranh sẽ không có lợi ích cho người tiêu dùng trong nước và các nhà sản xuất mặt hàng lệ thuộc.

5. Đánh giá nhân xét

Trước tình trạng bán phá giá của nhà sản xuất, xuất khẩu nước ngoài gây thiệt hại đối với sản xuất trong nước thì việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá là cần thiết giúp duy trì môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu nước ngoài, góp phần thúc đẩy cạnh tranh ở thị trường nội địa.

Hơn nữa, điều này còn giúp thu hút sự tham gia của nhiều doanh nghiệp sản xuất; đồng thời vẫn đảm bảo người tiêu dùng tiếp tục có nhiều sự lựa chọn khác nhau, cả sản xuất trong nước và nhập khẩu.

Mặc dù việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại là để bảo vệ các doanh nghiệp trong nước, tăng tính cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển. Nhưng có thể thấy việc bãi bỏ các hàng rào thuế quan bất hợp lý là một vấn đề hết sức cần chú trọng. Sự cần thiết của bảo hộ là đương nhiên, tuy nhiên để tránh tình trạng độc quyền sau khi bảo hộ thì nhà nước cần phải xem xét cân nhắc từ nhiều phía, cụ thể là cá đối tượng bị tác động trong vụ việc để điều chỉnh cân cân một cách phù hợp nhất.

2.1.2.2. Tự vệ đối với phân bón DAP và MAP (SG06)

1. Một số thông tin chung về vụ việc

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần DAP – Vinachem và Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem
- Sản phẩm bị điều tra: phân bón DAP và MAP (SG06)
- Cơ quan điều tra: Cục Quản lý cạnh tranh – Bộ Công Thương

“Trên cơ sở hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ của các doanh nghiệp trong nước sản xuất phân bón DAP và MAP, sau khi tiến xa điều tra và xác minh

sự gia tăng nhập khẩu là nguyên nhân chính làm cho ngành sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn điều tra, ngày 02 tháng 3 năm 2018, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-BCT áp dụng biện pháp chính thức trong vòng 2 năm. Theo đó, mức thuế tự vệ đối với năm đầu tiên (từ ngày 07 tháng 3 năm 2018 đến ngày 06 tháng 4 năm 2019) là 1.128.531 đồng/tấn.

Hiện tại, mức thuế tự vệ là 1.072.104 đồng/tấn, áp dụng cho giai đoạn từ ngày 07 tháng 3 năm 2019 đến ngày 6 tháng 4 năm 2020.”³⁹

2. Nguyên nhân

Ngày 31 tháng 3 năm 2017 Công ty TNHH Tư vấn WTL đại diện cho các nhóm công ty sau đây: Công ty Cổ phần DAP – Vinachem và Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem gửi văn bản tới Bộ Công Thương yêu cầu áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu đối với sản phẩm phân bón DAP nhập khẩu từ các quốc gia, vùng lãnh thổ vào Việt Nam, với cáo buộc việc gia tăng hàng hóa nhập khẩu đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất hàng hóa tương tự trong nước.

Theo Công ty TNHH Tư vấn TWL thì thực tế, ngành sản xuất phân bón DAP trong nước trong những năm gần đây và đặc biệt là trong năm 2016 đã chịu thiệt hại nghiêm trọng và tình trạng này cũng đang tiếp diễn trong 8 tháng đầu năm 2017.

3. Tiến trình vụ việc:

Thời gian	Sự kiện
12/05/2017	Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 1682A/QĐ-BCT khởi xướng vụ việc điều tra áp dụng biện pháp tự vệ.
04/08/2017	Trên cơ sở Kết luận điều tra sơ bộ cho thấy hàng hóa nhập khẩu đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho sản xuất trong nước, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3044/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ tạm thời đối với phân bón DAP và MAP nhập khẩu, với mức thuế tự vệ tạm thời là 1.855.790 đồng/tấn và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2018.
10/11/2017	Bộ Công Thương đã quyết định gia hạn thời gian điều tra thêm 2 tháng (tức là đến ngày 12 tháng 01 năm 2018)

³⁹ Cục phòng vệ thương mại (2019). *báo cáo phòng vệ thương mại 2018*, Hà nội tháng 4 năm 2019, tr 27

02/03/2018	Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 686/QĐ-BCT về việc áp dụng biện pháp tự vệ chính thức đối với sản phẩm phân bón DAP và MAP nhập khẩu vào Việt Nam với mức thuế: 1.128.531 VND/tấn trong thời gian 2 năm.
------------	---

4. Đánh giá tác động sau khi áp dụng biện pháp tự vệ:

“Về phía các doanh nghiệp, áp dụng thuế tự vệ giống như "đũa thần" giúp các công ty này thoát khỏi "vũng lầy" ổn định tài chính, là cơ sở để thoái vốn thành công theo đề án của Chính phủ. Khi áp dụng phòng vệ thương mại sẽ đảm bảo việc chống bán phá giá của nước ngoài vào Việt Nam, đặc biệt là từ phía Trung Quốc, giúp phần nào bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nước.”⁴⁰

Theo đó, khi áp thuế tự vệ các nhà sản xuất trong nước sẽ được hưởng lợi, còn nhà nhập khẩu sẽ gặp khó khăn vì giá thành nhập cao hơn. Nhưng đối tượng cần quan tâm nhất đó là người nông dân.

“Nếu biện pháp tự vệ không được áp dụng, các nhà máy sản xuất trong nước sẽ bị giải thể, đóng cửa, gây nên tình trạng lao động mất việc làm, lãng phí tiền của của Nhà nước và nhân dân do không thể cạnh tranh trước hàng hoá đang được nhập khẩu một cách ồ ạt. Về lâu dài, nếu thị trường chỉ còn hàng hoá nhập khẩu, người tiêu dùng sẽ chịu thiệt hại trực tiếp khi giá bán có thể tăng cao do yếu tố về độc quyền cũng như thiếu sự đa dạng về hàng hoá để lựa chọn. Thực tế đã cho thấy, kể từ khi hai nhà máy DAP đi vào hoạt động, giá phân bón trên thị trường trong nước đã giảm đi rõ ràng, đặc biệt giá bán của hàng nhập khẩu (từ khoảng 18 triệu đồng /tấn năm 2008 xuống khoảng 7.7 triệu đồng/tấn năm 2016).

Như vậy, biện pháp này đã mang lại lợi thế cạnh tranh cho toàn bộ ngành sản xuất trong nước, không phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp. Cơ quan điều tra khẳng định, việc áp dụng biện pháp tự vệ thương mại là cân đối bảo vệ lợi ích chung và lâu dài của toàn ngành phân bón chứ không phải của riêng doanh nghiệp nào hoặc nhóm doanh nghiệp nào.”⁴¹

Để việc áp thuế không gây ảnh hưởng lớn đến người nông dân thì các nhà sản xuất khi được Chính phủ hỗ trợ về cơ chế chống bán phá giá thì giữ nguyên giá thành hoặc hạ giá cho người tiêu dùng. Vì nếu khi nâng giá thì sẽ khiến cho người nông dân gặp khó khăn trong khi chọn sản phẩm, giá quá cao khó tiếp cận sẽ khiến người nông dân quay lưng với các sản phẩm trong nước và hướng đến các sản phẩm khác rẻ hơn hay cùng giá thành với phân bón trong nước nhưng chất lượng thì tốt hơn.

⁴⁰ <<http://vneconomy.vn/ap-thue-tu-ve-phan-bon-cuoc-choi-cho-doanh-nghiep-noi-2018012819394493.htm>>, Xem 07/9/2019

⁴¹ <<https://www.moit.gov.vn/documents/36315/0/SG06+-+Ket+luan+cuoi+cung.pdf/c9b2a07d-9d39-4811-86d0-c82d5e669ffd>>, Xem 07/9/2019

5. Đánh giá, nhận xét

Trước tình hình thiệt hại nghiêm trọng của ngành sản xuất DAP hiện nay, biện pháp tự vệ là sự hỗ trợ mang tính cấp bách để cứu ngành sản xuất phân bón DAP trong nước khỏi nguy cơ bị xóa sổ do sức ép của hàng hóa nhập khẩu. Điều này sẽ giúp ngành sản xuất DAP trong nước duy trì, phát triển, và cuối cùng đem lại lợi ích lâu dài cho người nông dân, tránh sự lệ thuộc hoàn toàn vào hàng hóa nhập khẩu.

Việc cơ quan chức năng chỉ áp dụng thời hạn 2 năm áp thuế tự vệ cho vụ việc này thể hiện sự cân nhắc điều chỉnh phù hợp với tình hình trong nước. Hướng đến mục tiêu cao, không chỉ bảo vệ nhà sản xuất nội địa mà còn cân nhắc xem xét sự tác động đến chủ thể khác. Đây là điểm tích cực mà ta cần phát huy hơn nữa trong các vụ kiện khác về phòng vệ thương mại. Biện công cụ phòng vệ thương mại được sử dụng một cách hiệu quả, mang lại lợi ích lớn nhất cho quốc gia. Qua đây có thể nhận thấy rằng kinh nghiệm của Việt Nam về các vụ kiện phòng vệ thương mại đang dần được nâng cao xét về cả số lượng vụ việc cũng như là tính hiệu quả của việc áp dụng.

2.1.3. Đánh giá tác động chung khi sử dụng công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại

Khi một vụ việc phòng vệ thương mại xảy ra, nhìn chung một cách tổng thể tác động của nó là rất lớn, không chỉ đối với doanh nghiệp trong ngành mà còn tác động đến những đối tượng khác như là nhà nước, người tiêu dùng, nhà sản xuất, nhà nhập khẩu. Những tác động đó có thể là tích cực và tiêu cực, tùy thuộc vào chủ thể cũng như là các yếu tố khách quan khác phát sinh từ vụ việc. Phân tích tìm hiểu đánh giá tác động đến những đối tượng này, sẽ giúp chúng ta có cái nhìn tổng quát về sự tác động của vụ việc phòng vệ thương mại, trên cơ sở đó có thể cân nhắc xem xét và điều chỉnh một cách phù hợp để việc sử dụng công cụ phòng vệ thương mại được phát huy được tính hiệu quả cao nhất.

2.1.3.1. Nhà nước và cơ cấu kinh tế

Nhà nước đóng vai trò điều phối, quản lý định hướng nền kinh tế. Do đó khi áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam thì có một số ảnh hưởng tác động như sau:

+ Tích cực:

- Mức độ uy tín của nhà nước được nâng lên trên trường quốc tế, bởi khả năng bảo vệ được nền kinh tế trong nước, các doanh nghiệp sản xuất nội địa. Trả đũa trước các hành vi dựng hàng rào thuế quan do quốc gia khác đánh thuế đối với hàng hóa xuất khẩu của nước mình, nhất là trong các cuộc chiến tranh thương

mai. Việc nhà nước có thể hỗ trợ doanh nghiệp tốt sẽ đảm bảo góp phần nâng cao tính cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp nước ngoài nhập khẩu và doanh nghiệp trong nước.

- “Bảo hộ cho các lĩnh vực sản xuất then chốt, bảo vệ các ngành công nghiệp non trẻ hạn chế được thiệt hại cho doanh nghiệp trong nước nói riêng cũng như là nền kinh tế Việt Nam nói chung.

- Thuế nhập khẩu thông qua việc phòng vệ thương mại có thể được dùng để tăng thu ngân sách cho nhà nước. Công cụ của chính phủ là hàng rào hải quan việc đóng thuế nhập khẩu là bản đồ chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong nước, nâng cao tỉ lệ giá trị nội địa giảm giá thành tăng khả năng cạnh tranh của các nhà sản xuất trong nước đối với nhà sản xuất nước ngoài.”⁴²

+ Tác động tiêu cực

- Tuy nhiên nó sẽ làm cho thị trường hội nhập trở nên hạn hẹp khó khăn hơn. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ e ngại, không dám đầu tư vào vì sợ rủi ro bị kiện phòng vệ thương mại như các nhà sản xuất trước. Nó sẽ làm giảm đi các mối quan hệ song phương, đa phương của các nước.

- Tốc độ phát triển của nền kinh tế có khả năng chậm lại vì không thể hội nhập thị trường thế giới chung một cách toàn diện. Phải chuyển đổi nền kinh tế theo hướng khác, cơ cấu lại thành phần kinh tế, ngay cả các chính sách đối ngoại cũng phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Điều này tạo ra một thách thức lớn cho nhà nước, đòi hỏi nhà nước phải vào cuộc mạnh mẽ, có sự chuẩn bị kỹ càng về con người nhân lực, trí lực, tài chính, thời gian...Để đảm bảo được nền kinh tế vẫn phát triển ổn định lâu bền.

2.1.3.2. Ngành sản xuất khởi kiện vụ việc

Phòng vệ thương mại được thực thi thì có thể nói các nhà sản xuất trong nước là đối tượng chịu sự tác động nhất. Theo đó, ảnh hưởng từ vụ việc phòng vệ thương mại đem lại cho các nhà sản xuất trong nước một số thuận lợi, khó khăn nhất định được thể hiện ở một số khía cạnh như sau:

+ Thuận lợi

“Khả năng phát triển thị trường, cơ hội để doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm không những trên những thị trường cũ mà còn trên các thị trường mới.

Khả năng phát triển sản phẩm: cơ hội để doanh nghiệp lựa chọn các sản phẩm mới kể cả sản phẩm cải tiến để đưa vào tiêu thụ trên các thị trường hiện tại.

⁴² <https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%BF_quan>, xem 29/8/2019

Khả năng đa dạng hoá: cơ hội để doanh nghiệp mở rộng, phát triển hoạt động thương mại trên cơ sở đưa ra các sản phẩm mới vào bán trên các thị trường mới, kể cả hoạt động trên lĩnh vực không truyền thống.

Đa dạng hoá sản phẩm tiêu thụ những sản phẩm mới trên thị trường mới thuộc lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh truyền thống của doanh nghiệp.

Các nhà sản xuất có thể chủ động tấn công vào thị trường, phá vỡ mối liên hệ giữa khách hàng và những nhà cung cấp nước ngoài. Chính điều này loại bỏ trực tiếp một cách có hiệu quả sự so sánh sản phẩm của người tiêu dùng và sự cạnh tranh chủ yếu từ trong nước và ngoài nước.

Doanh nghiệp trong nước có cơ hội tiếp cận được với người tiêu dùng, tạo nên được niềm tin vào sản phẩm. Do vậy doanh nghiệp có đủ điều kiện thuận lợi để khai thác và thu lợi nhuận cao hơn nhiều lần.”⁴³

Đặc biệt nhà sản xuất xây dựng được chiến lược phát triển thị trường: tìm kiếm những thị trường mới mà nhu cầu của những thị trường đó có thể đáp ứng được những sản phẩm hiện có của doanh nghiệp.

+ Khó khăn

Việc áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại không phải khi nào cũng luôn có lợi cho các doanh nghiệp, chẳng hạn như nếu áp dụng biện pháp tự vệ, mặc dù có thể bảo vệ nền sản xuất trong một thời gian nhất định để các doanh nghiệp trong nước có điều kiện phát triển. Nhưng điều này cũng có thể dẫn đến khả năng làm cho doanh nghiệp trong nước yếu đi tính đối kháng nếu việc sử dụng biện pháp phòng vệ trong thời gian kéo dài. Bởi tính cạnh tranh là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, khi ta lạm dụng công cụ này quá lâu, trong thời gian dài sẽ thực sự mang lại bất lợi cho doanh nghiệp sau này khi tham gia hội nhập.

2.1.3.3. Đơn vị nhập khẩu hàng hóa trong nước

Nếu như có sự hợp tác giữa doanh nghiệp Việt Nam và doanh nghiệp nước ngoài thì sẽ mang lại lợi ích rất lớn. Đặc biệt, việc hợp tác sẽ giúp doanh nghiệp Việt cho ra đời những dịch vụ sản phẩm mới có chất lượng tốt hơn thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, có khả năng cũng như tăng vị thế cạnh tranh trên thị trường. Tính cạnh tranh cao thì dẫn đến giá thành giảm mang lại lợi ích cho đơn vị, cá nhân sử dụng loại hàng hóa này. Nhưng khi chúng ta sử dụng biện pháp

⁴³ <<https://voer.edu.vn/m/cac-kha-nang-mo-rong-thi-truong-cua-doanh-nghiep/7bb7b4ad>>, xem 20/8/2019

phòng vệ thương mại thì sẽ tạo nên hàng rào ngăn cách giữa nhà sản xuất nước ngoài với những nhà nhập khẩu trong nước thì tạo nên một số ảnh hưởng tác động như sau:

Doanh nghiệp trong nước bị hạn chế lại các nguồn sản phẩm nhập khẩu làm cho không đủ khả năng cung cấp ra thị trường. Điều này làm cho người tiêu dùng ít quan tâm hơn dẫn đến nhu cầu của người tiêu dùng giảm xuống đáng kể.

Các đơn vị nhập khẩu trong nước sẽ phải nhập khẩu với giá thành cao hơn hoặc phải thay thế sản phẩm tương tự khác. Điều này dẫn đến bất lợi cho doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa trong nước.

Việc không có sự cạnh tranh của hàng hóa nước ngoài trong một thời gian nhất định cũng dễ dẫn đến tình trạng độc quyền của hàng hóa trong nước nếu không được quản lý chặt chẽ. Nếu tình trạng độc quyền này xảy ra thì các doanh nghiệp lệ thuộc vào sản phẩm này bị thiệt hại nặng nề khi phải phụ thuộc vào các doanh nghiệp độc quyền. Điều này đã xảy ra trên thực tế. Ví dụ đối với vụ việc thép không gỉ cán nguội (AD01) năm 2014 mà Việt Nam đã khởi kiện. Theo đó, một số doanh nghiệp nhập khẩu loại mặt hàng này ở trong nước đã gửi đơn yêu cầu đến cục phòng vệ thương mại để xem xét tình trạng độc quyền.

Khi các mặt hàng không được nhập khẩu vào hoặc hạn chế nhập khẩu vào Việt Nam. Các hợp đồng với bên thứ ba như nhà phân phối, các đại lý... dễ bị vi phạm và dẫn đến khả năng bồi thường thiệt hại cao. Kéo theo đó là uy tín của doanh nghiệp đi xuống. Nếu như mức độ uy tín này giảm thì giảm khả năng kinh doanh là điều tất yếu bởi uy tín của doanh nghiệp là hết sức quan trọng sẽ tạo lòng tin cho khách hàng, nhà cung cấp và cho các đối tác kinh doanh và doanh nghiệp sẽ có nhiều thuận lợi. Từ đây ta có thể thấy nhà nhập khẩu có hai hướng để tiếp tục:

+ Tìm lại nhà sản xuất mới hoặc tìm hướng kinh doanh mới để đáp ứng được nhu cầu của thị trường thì việc này gặp nhiều khó khăn, tốn rất nhiều chi phí tài chính, công sức, thời gian,... để kinh doanh tiếp tục.

+ Hoặc tiếp tục hướng kinh doanh cũ của mình thì chấp nhận đứng trước rất nhiều rủi ro như chấp nhận bù những khoản tăng giá do áp thuế hay chờ đợi các sản phẩm này tiếp tục được cấp phép vào thị trường nội địa thì làm cho tốn thời gian và công sức.

2.1.3.4. Đối với người tiêu dùng trong nước

Người tiêu dùng là các cá nhân hoặc hộ gia đình dùng sản phẩm hoặc dịch vụ sản xuất trong nền kinh tế. Người tiêu dùng là người có nhu cầu, có khả năng mua sắm các sản phẩm dịch vụ trên thị trường phục vụ cho cuộc sống, là một

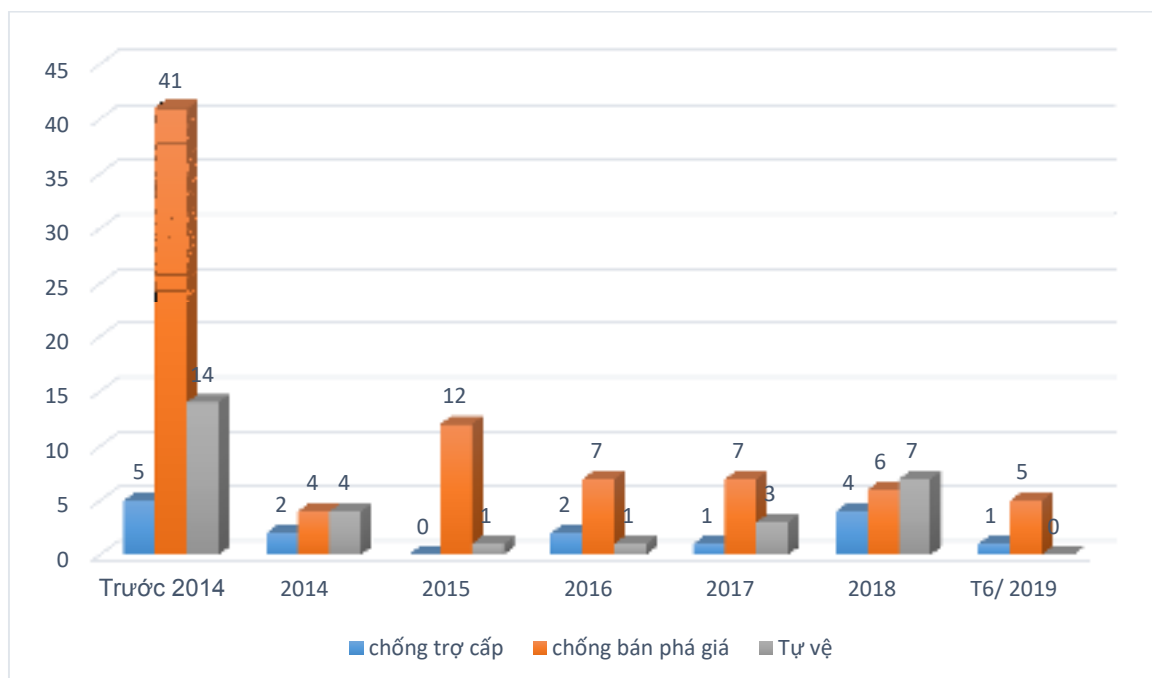
trong những nhân tố tạo nên nền kinh tế của một đất nước. Khi áp dụng phòng vệ thương mại thì người tiêu dùng sẽ gặp nhiều bất lợi như:

Chi phí người tiêu dùng tăng cao. Khi áp dụng hàng rào thuế quan thì làm cho đa số các mặt hàng này có giá thành sản phẩm sẽ tăng lên. Khi đó người tiêu dùng phải cân nhắc lại nhu cầu của mình có tiếp tục với hàng hóa đó hay chuyển sang sản phẩm tương tự. Nếu như tiếp tục với sản phẩm đó thì họ chấp nhận bỏ ra chi phí cao hơn hoặc nếu chuyển sang sản phẩm tương tự thì họ gặp một số khó khăn như lo ngại về chất lượng, tâm lý khó thay đổi sản phẩm mới....

Sự lựa chọn hàng hóa của người dân bị giảm xuống. Thị trường nhiều nhà sản xuất thì sẽ tung ra nhiều sản phẩm tạo nên sự đa dạng hóa của sản phẩm cũng như chuẩn loại nếu áp dụng phòng vệ thương mại thì làm cho người tiêu dùng có ít sự lựa chọn hơn, kém chọn hoặc không có sự lựa chọn thay thế sản phẩm. Người mua luôn mong muốn đạt được chất lượng tối đa với giá rẻ nhất, thị trường thiếu tính cạnh tranh thì sẽ gây phương hại tới người tiêu dùng, người tiêu dùng khó đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống. Sự đa dạng hóa sản phẩm là một trong những giúp cho nền kinh tế phát triển kích ứng được lượng nhu cầu lớn đối với người tiêu dùng. Nếu như thay đổi, hạn chế đi lượng sản phẩm thì làm cho lượng cầu giảm đáng kể.

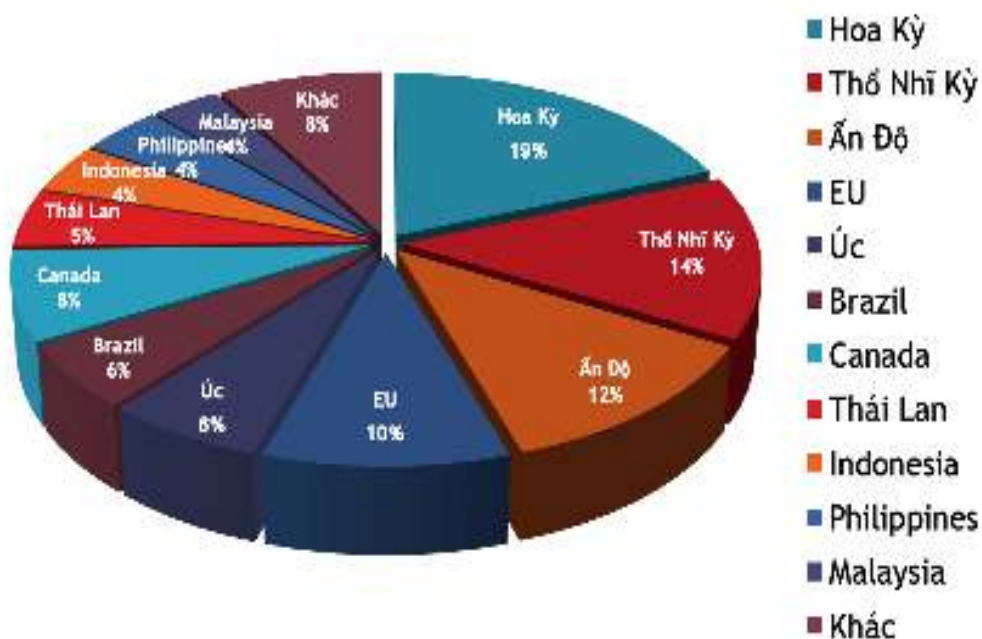
2.2. Phòng vệ thương mại bằng thuế quan đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang các nước.

2.2.1. Số lượng vụ việc hàng hóa Việt Nam xuất khẩu bị kiện Phòng vệ thương mại (tính đến tháng 6/2019)

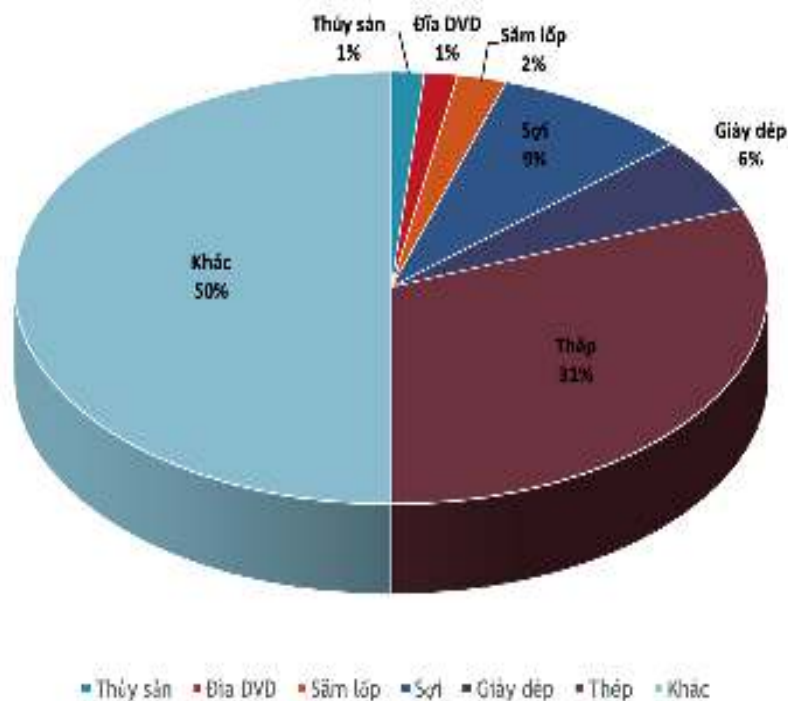


Biểu đồ: 2.2. Thể hiện tổng số vụ việc Việt nam bị kiện

(xem thêm tại bảng số 3,4,5 phụ lục)



Biểu đồ: 2.3. Các vụ điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam theo thị trường (tính đến tháng 11/2018)
(Theo Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương)



Biểu đồ: 2.4. Các vụ điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng xuất khẩu Việt Nam theo sản phẩm (tính đến tháng 11/2018)

*(Theo Cục Phòng vệ thương mại, Bộ Công Thương)*⁴⁴

Nhận xét chung:

Thời gian qua, các quốc gia trên thế giới đang có xu hướng áp dụng nhiều hơn các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM). Đặc biệt, khi chủ nghĩa bảo hộ ngày càng gia tăng tại một số nước, số lượng các vụ việc liên quan đến PVTM trên thế giới và ở Việt Nam cũng gia tăng nhanh, gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Tính đến Tháng 6 năm 2019, Việt Nam đã phải đối mặt với 127 vụ điều tra PVTM, bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ. Trong đó mỗi năm đều phát sinh các vụ việc chống bán phá giá và tăng nhiều nhất từ năm 2015 trở lại đây (trung bình mỗi năm có 7 vụ, đỉnh điểm là 12 vụ năm 2015) phát sinh đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Các vụ điều tra chống trợ cấp xảy ra tuy có muộn hơn chống bán phá giá nhưng mỗi năm cũng có từ 1 - 2 vụ việc, riêng năm 2018, Việt Nam đã phải đối mặt với 4 vụ việc đến từ các quốc gia khác nhau. Bên cạnh đó, thời gian qua Việt Nam cũng đối mặt với 30 vụ điều tra tự vệ. Ngoài ra, nếu tính trung bình vụ việc, tính đến tháng 6 năm 2019 thì mỗi tháng diễn ra một vụ kiện. Điều này cho thấy tỉ lệ vụ việc bị kiện ngày càng có xu hướng tăng nhanh và tập trung vào các vụ kiện bán phá giá.

Phạm vi sản phẩm bị điều tra áp dụng các biện pháp PVTM ngày càng đa dạng. Trước đây, các sản phẩm của Việt Nam bị điều tra thường tập trung ở các sản phẩm như thép, dệt may, giày dép hay thủy sản... thì hiện nay sản phẩm khác cũng bị điều tra áp dụng biện pháp PVTM kể cả các sản phẩm ít ai ngờ đến như đinh thép, túi dệt, mắc áo thép...

Nhìn chung tổng thể có thể thấy rằng số lượng vụ việc đang ngày càng có xu hướng tăng cao và đa dạng đến từ nhiều quốc gia khác nhau, đây là hệ quả tất yếu của xu hướng hội nhập, Việt Nam đang tham gia và ký kết nhiều hiệp định FTA, với xu hướng này nền kinh tế được hội nhập và phát triển, theo lẽ đó sẽ mang đến những thách thức nhất định, trong đó việc bị kiện về phòng vệ thương mại là điều tất yếu. Bởi các nước, với chủ nghĩa bảo hộ nền sản xuất nội địa, nên việc điều tra và sử dụng công cụ này ngày càng gắt gao. Bên cạnh đó, nước ta là nền kinh tế non trẻ, các doanh nghiệp chưa có nhiều kinh nghiệm đối phó với tình hình này. dẫn đến việc chịu nhiều thiệt hại trong các vụ kiện mà không có tính kháng cự cao.

2.2.2. Phân tích Một số vụ việc tiêu biểu Việt Nam bị kiện

⁴⁴ <<http://doanhnghiepthuonghieu.vn/dieu-tra-phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-viet-phai-doi-mat-voi-tac-dong-the-nao.html>>, xem 20/8/2019

2.2.2.1. Hoa kỳ- Chống bán phá giá – Tôm

1. Một số thông tin chung về vụ việc⁴⁵

- Nguyên đơn: Hiệp hội Tôm Louisiana;
- Sản phẩm bị điều tra: Tôm;
- Cơ quan điều tra: Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC);

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) ban hành kết quả cuối cùng của đợt rà soát thuế CBPG tôm thứ 12 (POR12) cho giai đoạn từ ngày 01/02/2016 đến ngày 31/01/2017.

Theo đó, mức thuế cuối cùng áp dụng với bị đơn bắt buộc và các bị đơn tự nguyện (32 công ty được DOC xác nhận đủ điều kiện được hưởng mức thuế này) là 4,58%, thuế suất toàn quốc là 25,76% (giữ nguyên do các bên không yêu cầu rà soát). Trong đợt rà soát này, DOC sử dụng giá trị thay thế của Băng-la-đét để tính toán biên độ phá giá.

Mức thuế CBPG cuối cùng nêu trên thấp hơn rất nhiều so với mức thuế sơ bộ (từ 25,39% giảm xuống còn 4,58%) và thấp hơn so với mức thuế cuối cùng trong đợt rà soát trước đó (POR11) là 4,78%. Điều này xuất phát từ DOC đã thừa nhận có sự sai sót khi áp các hệ số chuyển đổi từ tôm nguyên con sang tôm bóc vỏ đầu khiến cho kết quả sơ bộ bị sai lệch đáng kể. DOC đã điều chỉnh lại phương pháp tính khiến mức thuế giảm đi đáng kể.

Đây là vụ việc CBPG mà DOC đã áp thuế tới sản phẩm tôm của Việt Nam từ năm 2005. Hàng năm, DOC đều tiến hành rà soát hành chính (POR) để đánh giá, phân tích, điều chỉnh mức thuế phù hợp với thực tiễn của hàng hóa xuất khẩu.

Nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp Việt Nam đạt được kết quả tích cực, ngay sau khi DOC ban hành kết luận sơ bộ, Bộ Công Thương đã có thư gửi Đại diện Thương mại, Bộ trưởng Thương mại Hoa Kỳ đề nghị Hoa kỳ cân nhắc lập luận của các bên để điều chỉnh cách tính toán cuối cùng theo hướng có lợi cho Việt Nam.

2. Nguyên nhân

Sau khi nguyên đơn là Hiệp hội Tôm Louisiana gửi đơn Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) yêu cầu áp thuế chống bán phá giá đối với tôm nhập khẩu vào Mỹ.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do tôm cá Việt Nam sản xuất quy mô lớn, chi phí thấp nên giá xuất khẩu cạnh tranh. Khi giá bán cạnh tranh với ngành

⁴⁵ Cục phòng vệ thương mại (2019) *báo cáo phòng vệ thương mại 2018*, Hà nội tháng 4 năm 2019, Tr 29

nuôi thủy sản tại Mỹ, ảnh hưởng đến quyền lợi của các nhà sản xuất thủy sản nội địa nên bị kiện, điều tra áp thuế cao. Dù phía Việt Nam đã nỗ lực chứng minh, kiện ra WTO nhưng vẫn không tránh khỏi bị trừng phạt, áp thuế cao vì chính sách bảo hộ hàng nội địa của Mỹ.

3. Tiến trình vụ việc

Thời gian	Sự kiện
20/01/2004	DOC bắt đầu điều tra vụ kiện
17/02/2004	ITC đưa ra kết luận sơ bộ
16/7/2004	DOC đưa ra kết luận sơ bộ
24/08/2004	DOC áp dụng biên độ phá giá sơ bộ cho các công ty Việt Nam
01/12/2004	DOC đưa ra quyết định cuối cùng
31/10/2005	ITC đưa ra quyết định cuối cùng: Việc nhập khẩu tôm từ Việt Nam vào Hoa Kỳ đã gây ra tổn hại nghiêm trọng cho ngành nội địa của Hoa Kỳ
03/03/2016	Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) đã ban hành kết luận sơ bộ của đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá tôm lần thứ 10 (POR10) cho giai đoạn từ 01/02/2014 đến ngày 31/01/2015. Theo đó, mức thuế sơ bộ đối với 02 bị đơn bắt buộc là 2,86% và 4,78%; mức thuế sơ bộ cho các bị đơn tự nguyện là 3,56%, và mức thuế suất toàn quốc vẫn giữ nguyên là 25,76%

4. Đánh giá tác động sau khi bị áp dụng biện pháp:

- **Hạn chế:**

Theo Hiệp Hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP): Mỹ là thị trường lớn của tôm Việt. Tuy nhiên, sau khi bị vụ kiện chống bán phá giá, thị phần tại thị trường này có xu thế giảm, hiện nay chỉ đạt khoảng 10%. Tham gia thị trường này có sự phân hóa khá lớn, Minh Phú chiếm 44% doanh số xuất khẩu tôm Việt và không có thuế chống bán phá giá, STAPIMEX chiếm 17% và có mức thuế 0.71%. Còn lại trên 30 doanh nghiệp tôm có thuế 4.58% và chiếm thị phần còn lại, 39%.

Năm 2017, xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ đạt 659 triệu đô la Mỹ, giảm 7% so với năm trước đó do ảnh hưởng của thuế chống bán phá giá

Khi tiếp cận thị trường Mỹ việc bị áp dụng thuế chống bán phá giá khiến cho các nhà sản xuất tôm bị thiệt hại nặng nề, sản xuất nhưng khó có thể bán được hàng khiến hàng bị tồn đọng. Việc Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá cao trong khi nguyên liệu đầu vào ở trong nước đắt đỏ khiến các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản gặp nhiều khó khăn và khó cạnh tranh về giá ở thị trường này.

“Ví dụ: giá thành tôm Việt Nam trong điều kiện chưa áp thuế bán phá giá, đã cao hơn so với các đối thủ như Thái Lan, Indonesia, Ấn Độ, Ecuador. Đáng chú ý, giá tôm nội địa hiện đang cao hơn giá tôm xuất khẩu của doanh nghiệp chào bán trên thị trường. Theo ông Trần Văn Lĩnh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy sản và thương mại Thuận Phước (Đà Nẵng): “giá tôm nguyên liệu tăng cao hơn so với giá xuất khẩu là do chi phí sản xuất của Việt Nam còn quá cao. Thức ăn chăn nuôi, con giống, thuốc thú y... chiếm tới hơn 70% tổng chi phí cho mỗi chu kỳ nuôi tôm. Trong khi đó, hầu hết chi phí đầu vào này lại phụ thuộc hoàn toàn vào các tập đoàn nước ngoài, khiến giá thành sản xuất tôm Việt luôn cao hơn so với các nước khác”. Điều này đã khiến chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng lên rất nhiều khi xuất vào thị trường Hoa Kỳ và khiến cho con tôm Việt khó cạnh tranh được với tôm Ấn Độ, Ecuador, Thái Lan... về giá bán, trong khi tôm Việt Nam lại phải chịu thêm mức thuế chống bán phá giá cao hơn. Hiện đối thủ chính của tôm Việt ở thị trường Hoa Kỳ là Indonesia, Ấn Độ, Thái Lan, tuy nhiên Indonesia không bị kiện bán phá giá, còn Ấn Độ và Thái Lan dù cũng bị áp thuế chống bán phá giá nhưng có mức thuế thấp hơn so với Việt Nam. Không những vậy, giá thành sản xuất tôm ở các nước này cũng thấp hơn Việt Nam rất nhiều nên các doanh nghiệp Việt khó có thể cạnh tranh về giá bán.”⁴⁶

5. Đánh giá, nhận xét

Xem xét một tiến trình dài của vụ kiện này thì có thể nhận thấy khi nước ta bị kiện phòng vệ thương mại, ảnh hưởng tác động của vụ kiện là rất lớn, các doanh nghiệp trong ngành xuất khẩu tôm gặp rất nhiều bất lợi, khó khăn sau khi bị kiện. Đây là một vụ kiện tiêu biểu và có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam, bắt đầu từ 2005 và kéo dài đến nay. Với nền kinh tế non trẻ, kinh nghiệm cũng như hiểu biết về phòng vệ thương mại lúc mới đầu còn chưa nhiều, Việt Nam tham gia hội nhập rất dễ bị xảy đến các vụ kiện phòng vệ tương tự. Nếu như việc nước ngoài áp dụng biện pháp tự vệ là đúng, chính xác thì Việt Nam cũng đã bị ảnh hưởng nhiều và nếu bị áp dụng sai nữa, mà nước ta không có khả năng kháng kiện để đảm bảo quyền lợi thì chúng ta lại càng chịu tổn thất nặng nề hơn nữa không chỉ ảnh hưởng đối với kinh tế mà còn là uy tín trên trường quốc tế.

⁴⁶ <http://vias.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/Tintucsukien/View_Detail.aspx?ItemID=120>, Xem 07/9/2019

Từ vụ kiện Hoa Kỳ áp dụng sai biện pháp chống bán phá giá với Việt Nam dẫn đến vụ kiện ra WTO “Đây là vụ kiện đầu tiên mà Việt Nam khởi xướng với tư cách người đi kiện – nguyên đơn - trong khuôn khổ WTO. Vụ kiện được xem là thành công lớn ở cả hai phương diện: lựa chọn đúng và đúng vấn đề - những vấn đề có khả năng thắng cao; đồng thời là những biện pháp, phương pháp, thông lệ mà Hoa Kỳ áp dụng cho tất cả các cuộc điều tra đã hoặc sẽ xảy ra trong tương lai - và chuẩn bị các lập luận xác đáng, thuyết phục để đạt được kết quả tốt nhất.

Với thành công này, vụ việc có ý nghĩa đảm bảo rằng Mỹ sẽ không áp dụng các biện pháp bất lợi liên quan đối với hàng hóa Việt Nam. Vấn đề kiện chống bán phá giá ở Hoa Kỳ đối với hàng hóa Việt Nam có thể sẽ bớt khắt nghiệt hơn; mức độ thiệt hại từ các vụ kiện được hy vọng sẽ giảm đáng kể. Đây là một kinh nghiệm thực tế quý báu, khích lệ Việt Nam tự tin, chủ động sử dụng công cụ giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thương mại quốc tế mà không làm ảnh hưởng đến quan hệ ngoại giao. Cũng thông qua vụ việc, Việt Nam gửi một thông điệp ra thế giới, rằng sẽ đấu tranh tích cực để bảo vệ các quyền lợi của nhà xuất khẩu trong các vụ kiện chống bán phá giá tại bất kỳ nước nào.”⁴⁷

2.2.2.2. Malaysia - chống bán phá giá - thép cuộn cán nguội

1. Một số thông tin chung về vụ việc

- Nguyên đơn: Công ty CSC Steel Sdn. Bhd
- Sản phẩm bị điều tra: Thép cuộn cán nguội;
- Cơ quan điều tra: Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI);

“Ngày 27/08/2015, Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI) chính thức thông báo khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với thép cuộn cán nguội (Cold Rolled Coils of Alloy and Non-alloy Steel) nhập khẩu từ Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc.

Ngày 23/05/2016, Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI) đã ban hành quyết định cuối cùng về vụ việc điều tra chống bán phá giá với sản phẩm thép cuộn cán nguội nhập khẩu từ Việt Nam.

Theo đó, mức thuế chống bán phá giá sơ bộ dành cho các sản phẩm thép cuộn cán nguội của Việt Nam có biên độ từ 4,58 – 10,55% và Mức thuế cuối cùng từ 3.06% 13.68%.

⁴⁷ <<http://chongbanphagia.vn/vu-giai-quyet-tranh-chap-dau-tien-cua-viet-nam-tai-wto--cac-bien-phap-chong-ban-pha-gia-doi-voi-san-pham-tom-nuoc-am-dong-lanh-n3257.html>>, Xem 07/9/2019

Lệnh áp thuế chống bán phá giá sẽ có hiệu lực trong 5 năm kể từ ngày 24 tháng 5 năm 2016 đến ngày 23 tháng 5 năm 2021.”⁴⁸

Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương) cho biết, ngày 8/5/ 2019, Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI) đã thông báo kết luận cuối cùng đợt rà soát hành chính đối với vụ việc Malaysia áp thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội (cold rolled coils of alloy and non-alloy steel với các mã HS: 7209.15 000, 7209.16 000, 7209.17 000, 7209.18 290, 7209.18 900 và 7225.50 00 (Mã AHTN: 7209.15.00, 7209.16.00, 7209.17.00, 7209.18.99, 7225.50.10 và 7225.50.90) nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam.

“Ngày 8 tháng 11 năm 2018, Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế Malay-xi-a (MITI) đã thông báo tiến hành rà soát hành chính đối với vụ việc Malay-xi-a áp dụng thuế chống bán phá giá đối với sản phẩm thép cuộn cán nguội (cold rolled coils of alloy and non-alloy steel) nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam.

Đây là giai đoạn rà soát hành chính của vụ việc được MITI khởi xướng ngày 27 tháng 8 năm 2015. Sau giai đoạn điều tra, ngày 24 tháng 5 năm 2016, MITI đã công bố kết luận cuối cùng áp thuế CBPG từ 3,06% đến 23,78% trong thời kỳ 5 năm (đến 23 tháng 5 năm 2021)”⁴⁹

2. Nguyên nhân

Sau khi nguyên đơn là Công ty CSC Steel Sdn. Bhd gửi đơn tới Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI) yêu cầu áp thuế chống bán phá giá đối với thép không gỉ có nguồn gốc từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam thì Ngày 27/08/2015, Bộ Công nghiệp và Thương mại Quốc tế Malaysia (MITI) chính thức thông báo khởi xướng điều tra chống bán phá giá đối với thép cuộn cán nguội (Cold Rolled Coils of Alloy and Non-alloy Steel) nhập khẩu từ Việt Nam, Trung Quốc, Hàn Quốc.

Nguyên nhân được xác định rằng có tồn tại việc bán phá giá sản phẩm bị điều tra có xuất xứ từ Trung Quốc, Hàn Quốc và Việt Nam; và có tồn tại thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất sản phẩm tương tự của Malaysia, cũng như mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại đáng kể của ngành sản xuất nội địa Malaysia và sự nhập khẩu hàng hoá bị điều tra.

⁴⁸<<http://chongbanphagia.vn/thep-cuon-can-nguoi--malaysia-dieu-tra-chong-ban-pha-gia-n14110.html>>, Xem 07/9/2019

⁴⁹Cục phòng vệ thương mại (2019). *báo cáo phòng vệ thương mại 2018*, Hà nội tháng 4 năm 2019, tr 40

Theo đó, biên độ phá giá đối với Việt Nam là từ 4,58 – 10,55%; Hàn Quốc là 8,32 – 21,64%; và Trung Quốc là 23,78%.

Nhằm ngăn chặn thiệt hại gây ra cho ngành sản xuất nội địa, Malaysia quyết định áp dụng mức thuế chống bán phá giá tạm thời tương ứng với biên độ phá giá nêu trên. Các doanh nghiệp được xác định là không bán phá giá/có biên độ phá giá không đáng kể sẽ không bị áp thuế chống bán phá giá tạm thời.

3. Tiến trình vụ việc

Thời gian	sự kiện
27/09/2015	Khởi xướng điều tra
21/01/2016	MITI ban hành kết luận sơ bộ
7 - 17/03/2016	MITI tiến hành thẩm tra tại chỗ đối với 02 doanh nghiệp bị đơn của Việt Nam
23/05/2016	MITI ban hành kết luận cuối cùng về vụ việc

4. Đánh giá tác động sau khi áp dụng biện pháp:

Sau giai đoạn điều tra, ngày 24 tháng 5 năm 2016, MITI đã công bố kết luận cuối cùng áp thuế CBPG từ 3,06% đến 23,78% trong thời kỳ 5 năm (đến 23 tháng 5 năm 2021). Thấy rằng áp dụng thuế suất trên là khá cao đối với ngành thép của Việt Nam ở thị trường này.

Theo đó, MITI kết luận mức thuế chống bán phá giá rà soát áp dụng đối với các nhà sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam là 2% -13,68%. Mức thuế này có hiệu lực từ 8/5/2019 đến 23/5/2021.

Malaysia là một thị trường xuất khẩu thép cuộn cán nguội lớn của Việt Nam. Chúng ta có thể thấy rằng việc áp thuế chống bán phá giá vào thép của Việt Nam khá cao khiến cho thị trường trong nước càng gặp nhiều khó khăn khi số lượng hàng tồn đọng nhiều mà không thể đưa đi xuất khẩu. Nguy cơ bị mất thị trường xuất khẩu hoặc sụt giảm mạnh giá trị xuất khẩu là hiện hữu đối với các doanh nghiệp có mã sản phẩm bị áp thuế trong các vụ kiện chống bán phá giá.

Sau khi MITI kết luận mức chống bán phá giá vào tháng 5 vừa qua thì ngành thép vẫn không có dấu hiệu của sự suy giảm đối với thị trường này. Mà còn thậm chí tấn công vào thị trường này mạnh mẽ

5. Đánh giá, nhận xét

Bị áp thuế chống bán phá thép cán nguội từ phía Malaysia khiến cho doanh nghiệp khó có thể tiếp cận vào thị trường này, mặt khác tình hình thép ở trong nước không hề mấy khả quan công thêm vài năm trở lại đây, sản phẩm thép Việt Nam liên tục bị các nước trong khu vực và nhiều nước khác tại châu Âu, Mỹ... áp thuế Chống bán phá giá, khiến tình hình xuất khẩu thép gặp vô cùng khó khăn. Đây chỉ là một trong nhiều vụ kiện chống bán phá giá về thép của Việt Nam nhưng cùng với sự cố gắng từ phía doanh nghiệp và Hiệp hội, đặc biệt là sự hỗ trợ từ cơ quan nhà nước thì việc ngành thép vươn mình, và trở nên mạnh mẽ hơn.

Có thể khẳng định, từ xưa đến nay ngành thép vẫn luôn là mặt hàng “lọt vào tầm soi” của thị trường thế giới, do đó đây cũng chính là ngành hàng bị các quốc

gia áp dụng giải pháp bảo hộ, phòng vệ thương mại nhiều nhất. Nhà nước cần có trách nhiệm, chủ động hỗ trợ doanh nghiệp thông qua nhiều hoạt động. Tăng cường công tác hỗ trợ, khuyến cáo, cung cấp thông tin cập nhật, kịp thời cho các doanh nghiệp,... để mang lại lợi ích tổng thể và lâu bền.

2.3. Doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế hội nhập quốc tế

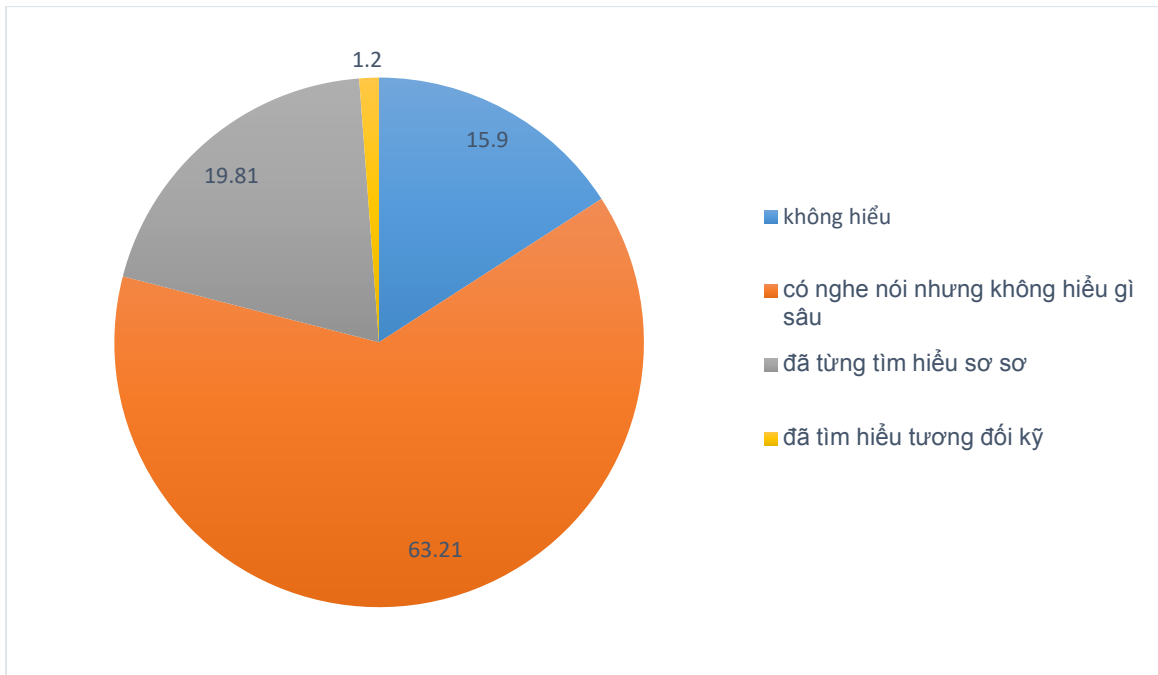
2.3.1. Tình hình chung doanh nghiệp Việt nam

Hiện nay, bất cứ hàng hoá xuất khẩu nào cũng có khả năng trở thành đối tượng bị điều tra áp dụng PVTM. Số lượng vụ việc PVTM ngày càng gia tăng không ngừng, đột biến so với những năm trước. Các vụ việc cũng diễn biến theo chiều hướng ngày càng phức tạp. Đặc biệt, phát sinh nhiều xu hướng mới trong các vụ kiện PVTM như: kiện chum; kiện chống lẩn tránh thuế; kiện domino... Trong xu hướng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, thời gian gần đây, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam ngày càng phải đối mặt nhiều hơn với các vụ kiện phòng vệ thương mại, xu thế áp dụng biện pháp PVTM với Việt Nam sẽ còn tiếp tục tăng lên với tất cả các đối tác trên thế giới. Đặc biệt, với những quốc gia có tăng trưởng nóng của các mặt hàng xuất khẩu, ngoài các biện pháp áp thuế, chống bán phá giá, chống trợ cấp, họ sẽ còn có quyền áp dụng thuế tự vệ. Đây là thực tế đã diễn ra với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam từ dệt may, da giày, cá tra, tôm cho đến rau quả trái cây cũng đều bị áp dụng.

“Tại Hội nghị Tổng kết thực thi pháp luật về PVTM và đề xuất các giải pháp hoàn thiện, do Cục Quản lý cạnh tranh (Bộ Công Thương) tổ chức ngày 29/6/2016. Đã cung cấp kết quả khảo sát về mức độ hiểu biết của doanh nghiệp về PVTM ở Việt Nam đối với hàng hóa nước ngoài gần đây của VCCI. Theo đó, trong số 1.000 doanh nghiệp được khảo sát có 15,9% doanh nghiệp không hiểu; 63,21% doanh nghiệp có nghe nói nhưng không hiểu biết gì sâu; 19,81% doanh nghiệp đã từng tìm hiểu sơ sơ và chỉ có 1,89% doanh nghiệp đã tìm hiểu tương đối kỹ PVTM. Đây là điều rất đáng lo ngại trong bối cảnh Việt Nam hội nhập rất sâu rộng với kinh tế thế giới.”⁵⁰

Cũng theo khảo sát này, vấn đề thông tin đang là một rào cản khá lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam hiện nay khi chỉ có 3% doanh nghiệp nói có thể có thông tin cần thiết để đi kiện, 62% có nhưng không đầy đủ và 35% doanh nghiệp hoàn toàn không thể tiếp cận thông tin.

⁵⁰ <<http://chongbanphagia.vn/kien-phong-ve-thuong-mai--con-bo-ngo-nhieu-vu-viec-n15261.html>>, xem 26/7/2019



Biểu đồ: 2.5. Mức độ hiểu biết của Doanh nghiệp Việt Nam về PVTM

Trước tình hình này, tìm hiểu về thực trạng của doanh nghiệp, cũng như khả năng sử dụng công cụ Phòng vệ thương mại để bảo vệ lợi ích của mình thì có thể nhìn nhận và đánh giá doanh nghiệp Việt Nam trong những năm gần đây với xu hướng hội nhập đã làm được một số điểm tích cực và còn gặp một số hạn chế, khó khăn như sau:

2.3.2. Tích cực

Thứ nhất, “các doanh nghiệp trong nước, đặc biệt là những doanh nghiệp lớn đã bắt đầu quan tâm nhiều hơn về phòng vệ thương mại, tìm hiểu quy định pháp luật của các nước cũng như tìm hiểu xem thị trường đó đã áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại đối với các mặt hàng. Họ có đội ngũ luật sư hoặc các chuyên gia pháp lý để tư vấn, tìm hiểu những vấn đề liên quan tới kinh tế, kế toán, tài chính, luật pháp ở các nước khi tiến hành xuất, nhập khẩu hàng hóa.

Thứ hai, doanh nghiệp chủ động hơn trong việc tìm hiểu các văn bản quy phạm pháp luật về phòng vệ thương mại để nhận được sự giúp đỡ và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước. Cùng đó, tìm hiểu quy trình thủ tục để có thể tham vấn, sử dụng ngay biện pháp phù hợp khi có hiện tượng hàng hóa nước ngoài gây sức ép cạnh tranh không công bằng. Các doanh nghiệp đã liên lạc nhiều hơn với Bộ Công Thương để được tư vấn kịp thời về những thay đổi pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật của các thị trường xuất, nhập khẩu. Từ đó, có thể hoạt động kinh doanh trong hành lang pháp lý an toàn, đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài.”⁵¹

⁵¹ <<https://bnews.vn/phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-nen-lam-gi-/104286.html>>, xem 26/5/2019

Thứ ba, xác định rõ chiến lược, mục tiêu cho từng thị trường cụ thể không định hướng chung như trước đây. Họ biết xây dựng nên một khối đoàn kết trong nước, tạo nên một khối sức mạnh tổng thể để đủ sức cạnh tranh và đi xa hơn trong thời kì hội nhập này. Các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam nhận biết được cần tập trung nâng cao về khả năng cạnh tranh, xem xét chiến lược xuất khẩu để phòng ngừa rủi ro.

Thứ tư, “Các doanh nghiệp Việt Nam đã phát triển tư duy tích cực, chủ động bảo vệ mình trong sân chơi hội nhập. Trong cả khởi kiện và kháng kiện, doanh nghiệp đã quan tâm tới vấn đề xem xét phòng vệ thương mại là một chiến lược kinh doanh dài hạn. Các doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt được tình hình, theo dõi giá cả hàng hóa trên thị trường nội địa và nước ngoài.”⁵²

Thứ năm, kinh nghiệm của chúng ta trong các vụ kiện phòng vệ thương mại ngày càng cao, sự cọ xát với thị trường nước ngoài giúp các doanh nghiệp ngày càng tự tin với hàng hóa để xuất, nhập khẩu. Hơn thế nữa số vụ việc kiện phòng vệ thương mại đang ngày càng nâng cao. Điều này là tín hiệu tích cực cho thấy khả năng vận dụng công cụ này của nước ta. Khái niệm về phòng vệ thương mại không còn mơ hồ đối với các doanh nghiệp.

Thứ sáu, Các doanh nghiệp đã liên kết được với các doanh nghiệp nước ngoài cùng quyền lợi để cùng nhau bảo vệ lợi ích hợp pháp của mình trong các vụ kiện phòng vệ thương mại. Ngoài ra, điều này được thể hiện ở trong nước giữa các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng có thêm nhiều hiệp hội được liên kết với nhau cùng chung mục đích. Đây là sự liên kết cần thiết để cùng định hướng phát triển. Đối với trong phòng vệ thương mại thì việc liên kết có ý nghĩa hết sức to lớn, bởi chỉ có liên kết với nhau thì Việt Nam mới có khả năng khởi kiện nhanh khi có dấu hiệu gây tổn hại ngành sản xuất trong nước. Điều kiện tỉ lệ phần trăm để khởi kiện là một điều kiện cần cho việc khởi xướng vụ kiện phòng vệ thương mại theo quy định của WTO và pháp luật Việt Nam.

2.3.3. Hạn Chế, Khó khăn

Thứ nhất, thời gian qua, thông tin hàng hóa của Việt Nam đến thị trường nước ngoài còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, nhiều báo chí trong và ngoài nước liên tục phản ánh hàng hóa Việt Nam có gian lận xuất xứ. Cho nên, các nước đã đặt nghi vấn về việc một lượng lớn hàng hóa của các nước khác di chuyển sang Việt Nam để gian lận xuất xứ, nhằm tận dụng tối đa ưu đãi thuế xuất khẩu. Vì vậy, các nước sẽ sử dụng tới các công cụ phòng vệ thương mại nhiều hơn để bảo vệ lợi ích của mình trong cuộc cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu.

⁵² <<http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/12164-phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-nen-lam-gi>>, xem 26/5/2019

Thứ hai, thị trường hội nhập ngày càng được mở rộng, hợp tác ngày càng đa dạng phong phú nhưng phần lớn các doanh nghiệp là các doanh nghiệp vừa và nhỏ nên vẫn chưa chuẩn bị được nguồn lực đủ mạnh, đủ khả năng để đối phó với các nguy cơ kiện phòng vệ thương mại có thể xảy ra bất kỳ lúc nào vì dù có đội ngũ tư vấn nhưng vẫn còn thiếu chuyên môn và kinh nghiệm giải quyết về cạnh tranh phòng vệ thương mại của quốc tế.

Thứ ba, các cơ quan tổ chức chưa hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường các nước cũng như nghiên cứu và nắm bắt thị trường quốc tế thật sự hiệu quả, hành lang pháp lý chưa thật sự rõ ràng làm cho các doanh nghiệp gặp khó khăn. Cơ quan chức năng chưa đưa ra một chiến lược rõ ràng, cụ thể giúp cho các doanh nghiệp đi đúng hướng tránh gặp các rủi ro. Khi việc kháng kiện xảy ra thì sự phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp, hiệp hội và Chính phủ chưa cao và thống nhất.

Thứ tư, để phòng tránh rủi ro trong các vụ kiện phòng vệ thương mại từ nước xuất khẩu thì doanh nghiệp cần phải có đầy đủ thông tin quan trọng và chính xác. Tuy nhiên khả năng tiếp cận thông tin về các vụ việc phòng vệ thương mại của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt là các thông tin quan trọng mang tính chất cảnh báo sớm cho doanh nghiệp nhằm hạn chế rủi ro tại thị trường xuất khẩu.

Thứ năm, các doanh nghiệp chưa đưa công cụ phòng vệ thương mại cần tính tới việc sử dụng công cụ này trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp mình, dự phòng các biện pháp khi các vụ kiện về phòng vệ thương mại xảy ra. Từ đó có sự chuẩn bị về con người, nguồn lực, tài chính cho vụ kiện.

Thứ sáu, khi doanh nghiệp thực hiện vụ kiện phòng vệ thương mại gặp nhiều khó khăn trong thủ tục hành chính và tính chất của vụ việc phòng vệ thương mại rất phức tạp trải qua nhiều giai đoạn khác nhau. Chính bởi vậy đây cũng là một trong những rào cản làm cho khả năng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại trở nên hạn chế.

Thứ bảy, năng lực tài chính của các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu, trong khi chi phí để kháng kiện rất cao, để thành công có thể cần phải thuê luật sư tư vấn dày dặn kinh nghiệm từ chính nước khởi xướng điều tra. Một số doanh nghiệp còn tâm lý né tránh, không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ vào công tác kháng kiện trong khi sự tham gia vào toàn bộ quá trình giải quyết vụ việc lại có vai trò quyết định cơ hội thành công cho doanh nghiệp.

2.3.4. Nguyên nhân

Nguyên nhân chủ quan từ phía doanh nghiệp

Thứ nhất, mức độ hiểu biết của đa số các doanh nghiệp Việt Nam về phòng vệ thương mại còn hạn chế, chưa có nhiều kinh nghiệm kháng kiện, chưa có kế hoạch đầu tư hợp lý vào việc kháng kiện cũng như chưa có chiến lược, định hướng rõ ràng, quyết tâm, chuyên nghiệp khi kháng kiện nên còn nhiều khó khăn.

Thứ hai, Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày nay đáng ra các doanh nghiệp cần phải chủ động trong việc tiếp cận thông tin cũng như chuẩn bị, dự đoán các tình huống nhằm phòng tránh rủi ro bị kiện phòng vệ thương mại. Tuy nhiên trên thực tế cho thấy doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ chưa thực sự chú trọng vấn đề này.

Thứ ba, Tâm lý e ngại khi tham gia kiện tụng vì sợ làm lộ các bí mật kinh doanh. Để tiến hành khởi kiện vụ việc PVTM tại cơ quan điều tra, thì doanh nghiệp phải cung cấp các chứng cứ liên quan đến các số liệu kinh doanh như doanh thu, giá thành sản phẩm, mức thuế phải đóng, kế hoạch kinh doanh... nhằm chứng minh đã tồn tại hành vi bán phá giá hay trợ cấp của hàng hóa nhập khẩu. Việc này làm cho doanh nghiệp e ngại sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của mình trong tương lai nên không muốn khởi kiện vụ việc tại cơ quan công quyền.

Thứ tư, kiện vụ việc PVTM là một thủ tục pháp lý phức tạp. Sự phức tạp đến từ việc chuẩn bị dự thảo đơn khởi kiện, về khả năng tập hợp lực lượng để khởi kiện, thời gian giải quyết vụ việc kéo dài, sự khác biệt về hệ thống pháp luật giữa các quốc gia cộng thêm am hiểu hạn chế về pháp luật đã làm cho doanh nghiệp Việt Nam thờ ơ với việc sử dụng biện pháp PVTM. Bởi lẽ, muốn Cục Quản lý cạnh tranh khởi xướng điều tra vụ việc PVTM, thì doanh nghiệp phải chuẩn bị đơn khởi kiện, đơn khởi kiện phải đảm bảo đầy đủ các thông tin, chứng cứ liên quan đến vụ kiện nếu chưa muốn nói đến đơn kiện phải đảm bảo về mặt kỹ thuật. Sự thiếu kinh nghiệm trong việc khởi kiện PVTM và những am hiểu hạn chế về biện pháp PVTM là thách thức thực sự đối với doanh nghiệp Việt Nam. Hơn nữa, sự khác biệt về ngôn ngữ, pháp luật cũng như thời gian theo kiện kéo dài cũng là nguyên nhân làm doanh nghiệp nản chí, bởi muốn đi kiện phải thuê luật sư, phải tốn kém kinh phí.”⁵³

- Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, tuy đã có pháp luật mới ra đời tuy nhiên phần thủ tục pháp lý vẫn còn rườm rà, thời gian giải quyết kéo dài, luật lệ không minh bạch chủ yếu thường đề ra các nguyên tắc giải quyết chung như trong Hiệp định WTO, chuẩn bị chưa thật sự kỹ càng trước về kiến thức, hồ sơ, chứng từ sổ sách sao cho minh bạch, rõ ràng và phù hợp... làm cho các doanh nghiệp đuối sức, không thể đủ sức ứng phó với các vụ kiện.

Thứ hai, hệ thống cảnh báo sớm của nhà nước nhằm cung cấp các thông tin liên quan cũng như là đánh giá những mặt hàng xuất khẩu có nguy cơ bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại của chúng ta vẫn chưa thực sự hoạt động hiệu

⁵³ Mai Xuân Hợi (2017). Sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại - Chiến lược kinh doanh hữu hiệu cho doanh nghiệp, <<http://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=159>>, xem 12/11/2019

quả, chưa giúp được doanh nghiệp nhiều trong việc tiếp cận thông tin chính xác chủ động và đầy đủ để kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất và xuất khẩu cũng như có biện pháp ứng phó kịp thời.

Thứ ba, các cơ quan tổ chức chưa hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thị trường các nước cũng như nghiên cứu và nắm bắt thị trường quốc tế thật sự hiệu quả, hành lang pháp lý chưa thật sự rõ ràng làm cho các doanh nghiệp gặp khó khăn. Cơ quan chức năng chưa đưa ra một chiến lược rõ ràng, cụ thể giúp cho các doanh nghiệp đi đúng hướng tránh gặp các rủi ro. Khi việc kháng kiện xảy ra thì sự phối hợp chặt chẽ giữa doanh nghiệp, hiệp hội và Chính phủ chưa cao và thống nhất.

Thứ tư, do Việt Nam hiện vẫn đang bị xếp vào diện “kinh tế phi thị trường” và phải chịu các phương pháp tính toán không sát thực tế của cơ quan điều tra nước nhập khẩu chỉ có 69 nước công nhận nền kinh tế thị trường của Việt Nam. Trong đó, các thị trường nhập khẩu lớn hàng hóa của Việt Nam là Mỹ, châu Âu, Canada, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ... lại không công nhận điều này. Thực tế này đã dẫn đến phương pháp tính biên độ bán phá giá gây thiệt hại lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ năm, thời gian qua, thông tin hàng hóa của Việt Nam đến thị trường nước ngoài còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, nhiều báo chí trong và ngoài nước liên tục phản ánh hàng hóa Việt Nam có gian lận xuất xứ. Cho nên, các nước đã đặt nghi vấn về việc một lượng lớn hàng hóa của các nước khác di chuyển sang Việt Nam để gian lận xuất xứ, nhằm tận dụng tối đa ưu đãi thuế xuất khẩu. Vì vậy, các nước sẽ sử dụng tới các công cụ phòng vệ thương mại nhiều hơn để bảo vệ lợi ích của mình trong cuộc cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu.

Thứ sáu, tính chu kỳ của các nền kinh tế cũng ảnh hưởng đến sự gia tăng của các biện pháp phòng vệ thương mại. Các chuyên gia pháp lý về thương mại quốc tế đã chỉ ra rằng, số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại xảy ra nhiều hơn trong thời kỳ suy thoái và khủng hoảng kinh tế. Khi đó, các ngành sản xuất trong nước bị suy giảm có xu hướng viện đến các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ lợi ích của mình.”⁵⁴

⁵⁴ <<http://chongbanphagia.vn/doanh-nghiep-can-chu-dong-phong-ve-thuong-mai-trong-san-choi-hoi-nhap-n17834.html>>, xem 26/5/2019

Chương 3

KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI BẰNG THUẾ QUAN CHO VIỆT NAM

3.1. Dự báo xu hướng sử dụng công cụ thuế quan trong phòng vệ thương mại

3.1.1. Xu hướng thế giới trong thời kỳ hội nhập

- Về sử dụng thuế quan

Hội nhập kinh tế quốc tế dẫn tới giảm dần và dỡ bỏ các hàng rào thuế quan. Các nước trên bàn đàm phán đa phương đều được thúc giục loại bỏ bảo hộ sản xuất trong nước bằng cách giảm thuế nhập khẩu. Đối với các rào cản phi thuế quan, bao gồm cả các rào cản có tính chất hành chính như hạn ngạch, giấy phép, hạn chế xuất khẩu tự nguyện và quy định bắt buộc về tỷ lệ nội địa hóa để được tiêu thụ trong nước. Các nước thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) cũng không được áp dụng biện pháp cấm nhập khẩu trừ trường hợp những hàng hóa ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, quốc phòng và đời sống con người. Xu hướng quốc tế đang phát triển việc tự do hàng hóa loại bỏ hàng rào thuế quan, điều này được thể hiện ở một số khía cạnh như sau:

Tại Liên minh Châu Âu đã bãi bỏ các loại thuế, tự do thương mại giữa các nước với nhau. Đây là liên minh lớn nhất trên thế giới và có quốc gia phát triển trên thế giới điều này cũng chứng minh rằng việc bãi bỏ hàng rào thuế quan tự do thương mại là điều tất yếu.

“Hay Hội nghị thượng đỉnh G7 và G7 mở rộng từ ngày 08-09/6/2018, tại Canada đã ra tuyên bố chung khẳng định vai trò cốt yếu của hệ thống thương mại quốc tế dựa trên các quy định, nêu rõ sự cần thiết của thương mại toàn cầu “tự do, công bằng và cùng có lợi”, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đấu tranh chống lại chủ nghĩa bảo hộ. Các nhà lãnh đạo G7 cam kết hiện đại hóa Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sớm nhất có thể và “nỗ lực giảm các hàng rào thuế quan, các hàng rào phi thuế quan và các khoản trợ cấp của chính phủ”.⁵⁵

“Hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng thì quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư càng mạnh mẽ. Quá trình tự do hóa thương mại được thực hiện trên cơ sở

⁵⁵ Lê Quang Thuần, Nguyễn Thị Phương Thúy (2018). Xu hướng bảo hộ thương mại trên thế giới và kiến nghị đối với Việt Nam, <<http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/xu-huong-bao-ho-thuong-mai-tren-the-gioi-va-kien-nghi-doi-voi-viet-nam-301021.html?mobile=true>>, xem 20/7/2019

các hiệp định song phương và đa phương, ở phạm vi khu vực và trên thế giới. Điển hình cho các thỏa thuận ở phạm vi khu vực là: EU, NAFTA, AFTA... và toàn cầu là WTO. Bởi vậy, khi bàn về hội nhập quốc tế không thể không đề cập đến những quy định có tính nguyên tắc của WTO. Các nước thành viên WTO phải thống nhất thực hiện những nguyên tắc cơ bản nhằm xóa bỏ hoặc giảm bớt những rào cản của thương mại quốc tế. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, ràng buộc về thuế quan. Các nước đều được thúc giục, ở đâu có thể thì loại bỏ bảo hộ sản xuất trong nước bằng cách giảm thuế nhập khẩu trong đàm phán thương mại đa phương. Một số loại thuế nhập khẩu được cắt giảm như bị buộc không được tăng lên nữa bằng cách bị liệt kê vào trong danh mục cam kết quốc gia của mỗi nước.

Thứ hai, bảo hộ các ngành sản xuất trong nước thông qua thuế quan. Mặc dù WTO được sinh ra là để thúc đẩy tự do hóa thương mại, song WTO thừa nhận rằng, các nước thành viên có thể sẽ phải bảo vệ sản xuất trong nước chống lại cạnh tranh nước ngoài. Tuy vậy, WTO yêu cầu các nước phải tiến hành sự bảo hộ đó thông qua thuế quan. Bảo vệ sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không lành mạnh phù hợp với nguyên tắc của WTO là những trường hợp áp dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và thuế chống phân biệt đối xử. Để áp dụng những biện pháp chống cạnh tranh không lành mạnh này, các nước phải tuân thủ những ràng buộc của WTO nhằm tránh sự lợi dụng để bảo hộ sản xuất nội địa. Hạn ngạch thuế quan cũng được áp dụng với tư cách là một công cụ được WTO thừa nhận để bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước. Đây chính là công cụ kết hợp giữa hạn ngạch và thuế quan.

Thứ ba, xóa bỏ các rào cản phi thuế quan. WTO quy định các nước thành viên phải xóa bỏ các rào cản phi thuế quan, bao gồm cả các rào cản có tính chất hành chính như hạn ngạch, giấy phép, hạn chế xuất khẩu tự nguyện và quy định bắt buộc về tỷ lệ nội địa hóa để được tiêu thụ trong nước. Các quốc gia thành viên WTO cũng không được áp dụng biện pháp cấm nhập trừ trường hợp những hàng hóa ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, quốc phòng và đời sống con người. WTO cũng ngăn cản các quốc gia sử dụng các rào cản kỹ thuật để bảo hộ sản xuất trong nước bằng Hiệp định về rào cản kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và Hiệp định về các biện pháp kiểm dịch động thực vật (SPS). Hai hiệp định này quy định những nguyên tắc và các công cụ để đảm bảo rằng các quy chuẩn kỹ thuật của

một quốc gia không tạo ra rào cản đối với tự do hóa thương mại giữa các quốc gia.”⁵⁶

Như vậy, có thể thấy trong quá trình hội nhập, việc xóa bỏ hàng rào thuế quan và các rào cản phi thuế quan là tất yếu khách quan do sự ràng buộc mà các quốc gia đã cam kết với nhau trong một định chế thúc đẩy tự do hóa thương mại toàn cầu là WTO cùng với các cam kết khác khi các quốc gia ký kết các hiệp định thương mại song phương và đa phương. Căn nguyên quan trọng để các quốc gia đi đến cam kết và thực hiện các cam kết này chính là những lợi ích của tự do hóa thương mại mang lại lớn hơn những bất lợi mà nó gây ra.

- Về sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại

Chính bởi xu hướng xóa bỏ hàng rào thuế quan ngày càng được tăng cao thông qua các hiệp định hợp tác thương mại. Nên để bảo vệ nền sản xuất nội địa, hạn chế những tổn thất của việc hội nhập quốc tế, thì các quốc gia trên thế giới hiện nay đang có xu hướng tăng dần lên việc sử dụng công cụ này. Bởi biện pháp phòng vệ thương mại là một biện pháp được WTO cho phép sử dụng, sẽ là “van an toàn” cuối cùng trong việc hợp tác quốc tế, là công cụ hữu hiệu nhất mà các nước có thể mang bên mình trong quá trình hội nhập phát triển. Với công cụ này, đặc biệt ở những nước phát triển thì vẫn đang tận dụng tốt công cụ phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ nền sản xuất nội địa. Điều này được thể hiện qua các số liệu thống kê về vụ việc. “Theo thống kê của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), chỉ trong thời gian chưa đầy 6 tháng (từ tháng 5/2018 - tháng 10/2018), các nước thành viên thuộc khối G20 đã khởi xướng tổng cộng tới 85 vụ việc phòng vệ thương mại, trong đó có 63 vụ việc liên quan tới chống bán phá giá, 19 vụ việc chống trợ cấp và 3 vụ việc tự vệ.

Đặc biệt, nhằm bảo đảm hiệu quả của các biện pháp phòng vệ thương mại, các quốc gia này cũng tích cực giám sát, theo dõi sự biến động của luồng hàng hóa nhập khẩu sau khi biện pháp được áp dụng để kịp thời phát hiện các hành vi gian lận, trong đó có gian lận xuất xứ, lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại.

Một khi phát hiện hành vi gian lận và lẫn tránh, nước áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại có xu hướng áp dụng luôn biện pháp này lên chính hàng hóa tương tự của quốc gia có doanh nghiệp thực hiện hành vi gian lận xảy ra. Điều

⁵⁶ Lê Xuân Trường (2014). Xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan: Xu thế tất yếu của quá trình hội nhập, <<http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/xoa-bo-hang-rao-thue-quan-va-phi-thue-quan-xu-the-tat-yeu-cua-qua-trinh-hoi-nhap-86311.html>>, xem 20/6/2019

này không chỉ gây ảnh hưởng liên đới tới các doanh nghiệp xuất khẩu chân chính, mà còn tác động nhiều tới kim ngạch xuất khẩu chung của nền kinh tế.”⁵⁷

Từ những phân tích khái quát trên có thể nhận định rằng xu hướng sử dụng phòng vệ thương mại đang ngày càng tăng cao trên toàn cầu, các nước trên thế giới một mặt muốn hội nhập và phát triển kinh tế, mặt khác vẫn tìm mọi cách để bảo vệ nền sản xuất nội địa. Và phòng vệ thương mại là biện pháp hữu hiệu nhất hiện nay mà các quốc gia đang tận dụng và cố gắng vận dụng tốt nhất. Đặc biệt là đối với các quốc gia phát triển, việc sử dụng công cụ này đang thể hiện tính vượt trội, điều này được thể hiện qua các số liệu thống kê về vụ việc.

3.1.2. Xu hướng Việt Nam trong thời kỳ hội nhập

- Về sử dụng thuế quan

Trong bối cảnh xu thế hội nhập quốc tế về kinh tế đã tác động sâu sắc tới tất cả các nước. Việt Nam đã sớm nhìn nhận hội nhập quốc tế về kinh tế là sự nghiệp quan trọng của đất nước. Việt Nam là thành viên chính thức của nhiều thiết chế thương mại khu vực và thế giới. “Tính tới 1/7/2019, Việt Nam tham gia tổng cộng 16 FTA, trong đó:

- 10 FTA đang có hiệu lực
- 02 FTA đã ký nhưng chưa có hiệu lực
- 01 FTA đã hoàn tất đàm phán nhưng chưa ký
- 03 FTA đang trong quá trình đàm phán

Tổng số đối tác đang có FTA với Việt Nam là 21 (nền kinh tế). Khi tất cả 16 FTA này có hiệu lực với Việt Nam thì số đối tác mở cửa cho Việt Nam thông qua FTA sẽ là 57 (nền kinh tế).”⁵⁸

Điều này đồng nghĩa với việc chúng ta đã sẵn sàng chấp nhận một “sân chơi” và “luật chơi” chung, bình đẳng với mọi nước khác. Chính bởi vậy, việc cố gắng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại vẫn là xu hướng tất yếu của nước ta nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các ngành sản xuất trong nước và dần dần thay đổi để phù hợp hơn, điều này được thể hiện như sau:

“Những quy định của WTO về chống bán phá giá, một số quy định của Việt Nam cũng đã sửa đổi bổ sung chi tiết như các quy định về thiệt hại, các phương

⁵⁷ Thi Thảo (2019). Điều tra phòng vệ thương mại: Doanh nghiệp Việt phải đối mặt với tác động thế nào?, <<http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/dieu-tra-phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-viet-phai-doi-mat-voi-tac-dong-the-nao-58991.htm>>, xem 20/6/2019

⁵⁸ <<http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/12403-viet-nam-da-tham-gia-bao-nhieu-fta>>, xem 29/9/2019

pháp tính toán biên độ bán phá giá, biên độ trợ cấp; các quy trình, thủ tục và thời hạn điều tra rà soát hàng hóa... để đảm bảo bắt kịp xu thế.

Cam kết giảm thuế xuất nhập khẩu theo lộ trình AEC Việt Nam đang điều chỉnh hệ thống thuế nội địa. Việc điều chỉnh này không trực tiếp nằm trong nội dung cam kết với ASEAN nhưng sẽ giúp hệ thống thuế Việt Nam phù hợp với các thông lệ quốc tế, đơn giản hóa và minh bạch hóa hệ thống thuế; đồng thời xác định mức động viên hợp lý, đảm bảo số thu cho ngân sách..⁵⁹

Việt Nam đang tích cực để bắt kịp với việc tự do thương mại thế giới nhưng vẫn trên cơ sở bảo vệ nền sản xuất nền kinh tế nội địa, đây là trạng thái cân bằng để các doanh nghiệp trong nước đủ khả năng cạnh tranh và bắt nhịp với quốc tế.

Qua các phân tích ở trên có thể nhận thấy xu hướng cắt giảm, xóa bỏ thuế đang là tất yếu và được thông qua các cam kết hợp tác. “Song song với những cơ hội, thì cũng đặt ra không ít thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam, bởi lẽ việc thực thi các FTA và AEC buộc Chính phủ phải cắt giảm, loại bỏ các loại thuế quan, điều này tạo điều kiện cho hàng hóa nhập khẩu ồ ạt tràn vào thị trường Việt Nam và được bán với giá thành thấp. Hiện tượng này đã và đang gây ra những thiệt hại nặng nề cho doanh nghiệp Việt Nam.

Trước “cuộc chiến” không cân sức này, một công cụ hữu hiệu vẫn được phép duy trì sau khi tham gia các FTA và AEC để giúp cho hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam tránh khỏi những hành vi cạnh tranh không lành mạnh đến từ hàng hóa nhập khẩu, đó chính là biện pháp phòng vệ thương mại..⁶⁰

- Về sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại

Dựa trên việc phân tích, tìm hiểu về xu hướng của thế giới về phòng vệ thương mại và thực trạng sử dụng phòng vệ thương mại ở Việt Nam hiện nay có thể thấy được góc nhìn toàn cảnh về xu hướng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại. Trên cơ sở đó đánh giá cho định hướng của Việt Nam.

Trước hết, đối với công cụ phòng vệ thương mại, đây là công cụ hợp pháp hiện tại được WTO cho phép sử dụng, đó có thể được xem như là ngoại lệ trong tự do thương mại quốc tế. Xét về tính dài hạn của công cụ này, thì có thể trong tương lai sẽ không còn được sử dụng nữa. Bởi bản chất của công cụ này đang cản trở việc thương mại toàn cầu, là một trong những nguyên tắc của thương mại quốc tế và cũng là định hướng phát triển chung của mọi quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, theo đánh giá, nhận định chủ quan của nhóm tác giả thì để tiến đến thay thế

⁵⁹ <<https://vcci.com.vn/cong-dong-kinh-te-asean-khi-hang-rao-thue-quan-duoc-go-bo>>, xem 20/6/2019

⁶⁰ Mai Xuân Hợi (2017). Sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại - Chiến lược kinh doanh hữu hiệu cho doanh nghiệp, <<http://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=159>>, xem 12/11/2019

hoặc xóa bỏ công cụ này sẽ còn là một chặng đường dài, cần rất nhiều sự nỗ lực của các quốc gia. Do đó trong tương lai gần, việc dùng công cụ phòng vệ thương mại vẫn là xu hướng của các quốc gia trên thế giới.

Tiếp đến, với xu thế của thế giới về việc tăng cường bảo hộ cho sản xuất nội địa. Nếu Việt Nam thờ ơ và vẫn chưa thực sự chú trọng đến công cụ này thì đó sẽ là thiệt hại lớn cho nước ta trong quá trình hội nhập.

Chính bởi vậy, việc tăng cường khả năng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại ở nước ta trong giai đoạn này là vô cùng quan trọng và cần được chú trọng thực sự. Ngoài ra chúng ta cũng cần nâng cao khả năng kháng kiện nhằm hạn chế rủi ro thấp nhất khi bị kiện phòng vệ thương mại.

3.2. Giải pháp nâng cao khả năng sử dụng phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan tại Việt Nam

3.2.1. Đối với nhà nước

Thứ nhất, rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về phòng vệ thương mại để phù hợp với thực tiễn, khắc phục những khó khăn, thiếu sót và chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ

Thứ hai, tăng cường các hoạt động hỗ trợ, tư vấn miễn phí để giảm chi phí cho doanh nghiệp. Trong khi trách nhiệm chi phí cho việc kiện chủ yếu thuộc về doanh nghiệp, vẫn có những cách thức nhất định để giảm bớt gánh nặng này cho doanh nghiệp, ví dụ thông qua các dịch vụ tư vấn miễn phí cho doanh nghiệp từ các tổ chức chuyên môn ở các khía cạnh phù hợp (tư vấn ban đầu, tư vấn lựa chọn công cụ PVTM thích hợp, tư vấn lựa chọn chuyên gia pháp lý có chất lượng...).

Thứ ba, cần chú ý rằng một khoản tài chính lớn của doanh nghiệp trong việc đi kiện là dành cho việc tìm kiếm, mua, tập hợp các thông tin cần thiết phục vụ yêu cầu về bằng chứng hỗ trợ đơn kiện. Do đó, nếu có thể cải thiện cơ chế minh bạch hóa thông tin (đặc biệt là các thông tin sẵn có từ các cơ quan quản lý Nhà nước) thì đây sẽ là hỗ trợ đặc biệt có ý nghĩa cho doanh nghiệp.

Thứ tư, đẩy mạnh chống gian lận xuất xứ hàng hóa thông qua việc tăng cường hiệu quả của công tác cấp và kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ (C/O); tăng cường công tác kiểm tra, đấu tranh với các hành vi gian lận thương mại về xuất xứ hàng hóa trên phạm vi toàn quốc; hoàn thiện các quy định về quy tắc xuất xứ nhằm thực hiện hiệu quả các cam kết trong các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; tăng cường đàm phán trong các khuôn khổ đa phương và các Hiệp định thương mại tự do để thống nhất các quy tắc xuất xứ cụ thể, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc cấp C/O;

Thứ năm, đề cập đến tình hình xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và các nước những tháng đầu năm, những mặt hàng và những thị trường có dấu hiệu bất thường, qua đó, các đơn vị khẳng định sẽ theo dõi sát sao các thị trường, phối hợp chặt chẽ với hệ thống thương vụ tại nước ngoài để có những cảnh báo sớm nhất cho các cơ quan quản lý và doanh nghiệp Việt.

Thứ sáu, liên tục cập nhập chính xác các bản tin phòng vệ thương mại và nâng cao hiệu quả trên hệ thống cảnh báo sớm để doanh nghiệp theo dõi và có các biện pháp kịp thời để tránh bị áp dụng phòng vệ thương mại, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa, chủ động phòng ngừa và ứng phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại, hướng tới xuất khẩu bền vững;

Thứ bảy, tập trung triển khai Đề án “Tăng cường quản lý nhà nước về chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và gian lận xuất xứ” đã đề ra. Trong đó Tổng cục Quản lý thị trường lồng ghép kế hoạch công việc với Đề án 824 để bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp trong nước, người tiêu dùng; xây dựng cơ chế phối hợp triển khai Đề án; chú trọng cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý, các hiệp hội doanh nghiệp.

3.2.2. Đối với doanh nghiệp

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế ngày này thì các doanh nghiệp nước ngoài, cả doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt với tranh chấp, trao đổi hàng hóa giữa các nước diễn ra phổ biến thì kéo theo đó các vụ kiện thương mại và khiếu kiện phòng vệ thương mại ngày càng nhiều.

“Tính đến tháng 5 năm 2019, số lượng các vụ việc PVTM áp dụng đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam cũng đã tăng cao, bao gồm 83 vụ chống bán phá giá, 30 vụ tự vệ, 19 vụ chống lẩn tránh thuế chống bán phá giá và 14 vụ chống trợ cấp. Riêng tháng 10/2018, số vụ việc mới được khởi xướng là 16 vụ.”⁶¹ Những vụ việc này đã tác động tới xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt đối với một số ngành như thủy sản, sắt thép. Ngoài ra, Việt Nam cũng đã tăng cường điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo vệ sản xuất trong nước một cách hợp lý, phù hợp với quy định của WTO và các cam kết quốc tế. Để có thể nâng cao khả năng sử dụng phòng vệ thương mại bằng công cụ thuế quan thì các doanh nghiệp Việt Nam cần phải chú trọng những vấn đề sau:

Thứ nhất, cần phải nâng cao kiến thức của doanh nghiệp về phòng vệ thương mại

⁶¹ Trung tâm Thông tin và Cảnh báo (2019).

<<http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=4ba22296-b13c-4259-a330-98a7beb4ff88>>, xem 20/8/2019

Nâng cao kiến thức cho doanh nghiệp là vấn đề rất cần thiết, quan trọng và là một trong những yếu tố hàng đầu để nâng cao hiệu quả khả năng sử dụng công cụ phòng vệ thương mại.

Doanh nghiệp trong nước cần chủ động tìm hiểu các quy định pháp luật liên quan cũng như cần được tư vấn, tuyên truyền trang bị sẵn kiến thức về phòng vệ thương mại. Điều này không chỉ đặt ra riêng đối với các doanh nghiệp lớn mà phải là đối với tất cả doanh nghiệp, bởi tính ảnh hưởng phát sinh từ vụ kiện là rất lớn. Trang bị kiến thức về phòng vệ thương mại, giúp doanh nghiệp có khả năng ứng phó, kịp thời.

Thứ hai, doanh nghiệp cần phải chủ động tăng cường nguồn lực và các công tác chuẩn bị cần thiết trong việc đối phó, phòng ngừa rủi ro từ các vụ kiện phòng vệ thương mại.

Trước hết, biện pháp phòng tránh tốt nhất với các vụ kiện là thường xuyên theo dõi nhằm phát hiện kịp thời những nguy cơ bị kiện. Chính bởi vậy, việc tuyên truyền, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về thương mại liên quan đến sản phẩm, thu thập thông tin để cảnh báo nguy cơ cần thực hiện thường xuyên, liên tục. Khi hàng hóa bị khởi kiện, các doanh nghiệp nên tích cực, chủ động trong quá trình điều tra để hạn chế tới mức thấp nhất những tổn thất do vụ kiện gây ra. Tổ chức tốt kênh thông tin cho các doanh nghiệp về rào cản thương mại của các nước nhập khẩu là hết sức quan trọng. Cần tổ chức thường xuyên các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho các doanh nghiệp cũng như đa dạng hóa các kênh thông tin

Ngoài ra, để có thể giảm thiểu rủi ro khi vụ kiện xảy ra thì doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị về tài chính, cụ thể cần có kế hoạch dành một phần lợi nhuận thu được hàng năm, dưới dạng quỹ cho các hoạt động pháp lý, để tạo nguồn lực sẵn sàng cho việc đi kiện PVTM khi cần thiết. Bởi các chi phí phát sinh từ vụ kiện thường là vô cùng lớn, nếu không có sự chuẩn bị sẵn thì rất khó có khả năng thành công.

Các doanh nghiệp cũng cần đưa công cụ phòng vệ thương mại cần tính tới việc sử dụng công cụ này trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp mình, dự phòng các biện pháp khi các vụ kiện về phòng vệ thương mại xảy ra.

Đối với lĩnh vực kháng kiện, các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam cần tập trung nâng cao khả năng cạnh tranh, xem xét chiến lược xuất khẩu để phòng ngừa rủi ro. Để làm tốt được điều này thì chính doanh nghiệp luôn cần phải chủ động cập nhật thông tin, trên cơ sở đó có sự chuẩn bị, điều chỉnh phù hợp, điều này giúp doanh nghiệp giảm được rủi ro nếu vụ kiện phòng vệ thương mại xảy ra.

Thứ ba, cải thiện và nâng cao về chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp phù hợp với WTO và tại nước xuất khẩu

Việc cải thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm là điều doanh nghiệp cần lưu ý, phải đảm bảo cho các sản phẩm xuất khẩu ra thị trường phải đúng với tiêu chuẩn của WTO và tại nước xuất khẩu để hạn chế khả năng bị áp dụng phòng vệ thương mại, do đó doanh nghiệp cần có các hoạt động như sau:

- Hằng tháng, cần phải hoàn thiện và cập nhật danh mục nhóm mặt hàng xuất khẩu đi các thị trường trọng điểm có nguy cơ lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại, gian lận xuất xứ; triển khai hoạt động hợp tác với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài để phòng khi có sự lẫn tránh phòng vệ thương mại, bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp một cách tối ưu hóa.

- Các doanh nghiệp phải chủ động trong việc tìm hiểu các quy định về quy tắc xuất xứ như là cơ hội thuế quan với hàng hóa có thể mạnh và cả đối với các mặt hàng không có thể mạnh. Cùng với đó, các doanh nghiệp cũng phải triển khai các công việc cụ thể để thay đổi mô hình, cách thức sản xuất nguyên liệu và các cách thức khác để có thể tận dụng các cơ hội ưu đãi về thuế quan. Bên cạnh việc khắc phục những nguyên nhân do sử dụng nguyên phụ liệu từ nước ngoài đặc biệt là các nước không có trong các FTA thì điều quan trọng là phải đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp phụ trợ và những hoạt động khác để phục vụ cho sản xuất ở chính Việt Nam.

- Sau mỗi vụ kiện phòng vệ thương mại thì doanh nghiệp cần phải rút kinh nghiệm, bổ sung, sửa đổi các mẫu mã, giá cả, chất lượng sản phẩm phù hợp với điều khoản WTO. Đồng thời có những bài học để phòng tránh các vụ kiện thương mại xảy ra.

- Các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam tỉnh táo trước diễn biến thị trường, tuân thủ chặt chẽ các quy định về chứng nhận xuất xứ, đặc biệt không tiếp tay cho các hành vi gian lận xuất xứ, đồng thời phối hợp theo dõi sát thị trường để có thể kịp thời cung cấp thông tin cho các cơ quan quản lý khi thấy có dấu hiệu bất thường, tránh để các ngành sản xuất - xuất khẩu của Việt Nam bị liên lụy và bị ảnh hưởng bởi các biện pháp chống lẫn tránh tại một số thị trường nhập khẩu.

- Doanh nghiệp phải hiểu rất rõ những nguyên tắc của các chính sách phòng vệ thương mại để có ứng xử phù hợp. Chẳng hạn như, bảo đảm quy trình sản xuất chuẩn hóa, các nguyên liệu nhập khẩu có xuất xứ rõ ràng, chi phí phải cạnh tranh. Trên cơ sở đó sẵn sàng hợp tác, cung cấp đầy đủ thông tin để chứng minh doanh nghiệp làm ăn công khai, minh bạch. Thường xuyên trao đổi với hiệp hội và cơ quan quản lý nhà nước để nắm bắt thông tin cảnh báo sớm để điều chỉnh hoạt động kinh doanh, tránh bị khởi kiện. Đa dạng hóa thị trường, tìm kiếm thị trường mới và nghiên cứu kỹ khi có ý định khi mở rộng công suất. Doanh nghiệp phải

tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp cùng ngành, hiệp hội để xử lý được các vấn đề.

Thứ tư, tăng cường sự phối hợp giữa các doanh nghiệp trong nước với nhau.

Để có thể sử dụng công cụ PVTM và tiếp theo là sử dụng công cụ này hiệu quả, việc liên kết, phối hợp giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành là rất cần thiết. Trong bối cảnh mỗi liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam còn là bất cập lớn chưa thể xử lý được, việc tăng cường phối hợp giữa các doanh nghiệp có chung sản phẩm có thể được thực hiện qua việc:

- Hình thành các nhóm doanh nghiệp cùng sản xuất các sản phẩm liên quan có nguy cơ cao (trường hợp không/chưa có hiệp hội);
- Thiết lập các nhóm doanh nghiệp nhỏ trong hiệp hội ngành hàng liên quan tới một số sản phẩm quan trọng/có nguy cơ cao.

Theo quy định của pháp luật phòng vệ thương mại, một trong những điều kiện để có thể khởi kiện là phải đáp ứng được 25% ngành sản xuất trong nước có yêu cầu khởi kiện. Chính bởi vậy, nếu như không có sự liên kết sẵn có giữa các doanh nghiệp trong nước thì sẽ dễ dẫn đến gặp khó khăn khi muốn khởi kiện, bởi việc tập hợp nguồn lực quá lâu, mất thời gian và kéo theo đó là thiệt hại cho ngành sản xuất này.

Ngoài ra việc khởi kiện luôn cần diễn ra nhanh chóng và cấp thiết. Trên cơ sở liên kết giữa các hiệp hội sẵn có thì có thể nhanh chóng trao đổi thông tin, xác định mức độ nghiêm trọng của nguy cơ, có thể phối hợp trong các vấn đề chuẩn bị khác như tập hợp tài chính, các chuyên gia tư vấn... để thực hiện các hoạt động tiếp theo.

Thứ năm, ngoài việc phối hợp với doanh nghiệp Việt Nam thì cần tiến hành củng cố quan hệ với các doanh nghiệp nước ngoài.

Năng lực tài chính của doanh nghiệp Việt Nam còn yếu, chi phí kháng kiện rất cao, để thành công cần phải thuê luật sư tư vấn từ chính nước khởi xướng điều tra. Các doanh nghiệp Việt Nam cần phải củng cố quan hệ với các bạn hàng, đối tác nước ngoài vì nhóm này cũng là một bên có lợi ích bị ảnh hưởng bởi các vụ việc điều tra PVTM. Tiếng nói phản đối điều tra của các nhà nhập khẩu sẽ ảnh hưởng tới việc ra quyết định của cơ quan điều tra nước ngoài.

Thứ sáu, tăng cường phối hợp với cơ quan nhà nước để nắm bắt thông tin, tình hình về vụ việc phòng vệ thương mại.

Các doanh nghiệp cần thường xuyên liên lạc với Bộ Công Thương để được tư vấn kịp thời về những thay đổi pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật của các thị trường xuất khẩu. Từ đó, có thể hoạt động kinh doanh trong hành lang pháp lý an toàn, đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài.

Doanh nghiệp cũng cần phải hợp tác chặt chẽ với cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin liên quan đến công tác kháng kiện, tránh tình trạng né tránh, không cung cấp thông tin thật, dữ liệu, số liệu hàng hóa xuất khẩu. Hệ quả là không phải chỉ có một doanh nghiệp xuất khẩu mà tất cả doanh nghiệp, ngành hàng đó đều bị thiệt hại bởi tiến độ điều tra bị gián đoạn, khó khăn.

Doanh nghiệp nên thường xuyên có hoạt động trao đổi thông tin với hiệp hội và cơ quan quản lý nhà nước, nhằm nắm bắt được những thông tin cảnh báo sớm về khả năng bị khởi kiện tại thị trường xuất khẩu, từ đó lên phương án điều chỉnh hoạt động kinh doanh để tránh bị khởi kiện. Hiện nay hệ thống cảnh báo sớm của bộ công thương được tiến hành hoạt động tốt hơn với việc thường xuyên cập nhật các bản tin định kỳ về phòng vệ thương mại.

Đặc biệt, khi vụ việc đã được khởi xướng điều tra, doanh nghiệp xuất khẩu cần tích cực tham gia vào công tác kháng kiện, hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra để tránh trường hợp cơ quan điều tra sử dụng dữ liệu sẵn có bất lợi để tính toán biên độ phá giá, trợ cấp. Các doanh nghiệp cũng cần đáp ứng yêu cầu của cơ quan điều tra trong việc cung cấp tài liệu, số liệu, hợp đồng, hóa đơn chưa đầy đủ, bỏ qua tâm lý né tránh, không tham gia hoặc tham gia không đầy đủ vào công tác kháng kiện để bảo vệ hàng hóa của mình.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Luật Quản lý ngoại thương 2017
2. Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu 2016
3. Nghị định số 10/2018/NĐ-CP về phòng vệ thương mại
4. Thông tư 06/2018/TT-BCT
5. Hiệp định chung về Thuế quan và thương mại GATT 1994
6. Hiệp định về chống bán phá giá (ADA)
7. Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (SCM)
8. Hiệp định về các Biện pháp tự vệ

B. SÁCH, CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU, BÀI VIẾT

Tài liệu tiếng Việt

- Luận văn, tạp chí, ấn phẩm:

1. Nguyễn Thị Thu Nguyệt (2013). *Các biện pháp phòng vệ thương mại trên thế giới và các giải pháp pháp lý ngăn ngừa sự tác động đến việc xuất khẩu của Việt Nam*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trung tâm WTO và Hội nhập (2015) *Báo cáo Sử dụng các công cụ Phòng vệ Thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTAs và Cộng đồng Kinh tế ASEAN*
3. Nguyễn Ngọc Sơn (2011), *Pháp luật chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu và cơ chế thực thi tại Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Sách “*Pháp luật về chống bán phá giá - Những điều cần biết*” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phát hành, với sự cộng tác của các Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, xuất bản ngày 18/07/2014.
5. Nguyễn Hằng Nga, Hoàng Thị Hải Hà, Lê Gia Thanh Tùng và cộng sự (2018) *Hướng dẫn thực thi các cam kết về phòng vệ thương mại và giải quyết tranh chấp*. Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.
6. Trung tâm WTO và Hội nhập (2015) *Báo cáo Sử dụng các công cụ Phòng vệ Thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTAs và Cộng đồng Kinh tế ASEAN. tr 16*
7. Trung tâm WTO và Hội nhập (2015) *Báo cáo Sử dụng các công cụ Phòng vệ Thương mại trong bối cảnh Việt Nam thực thi các FTAs và Cộng đồng Kinh tế ASEAN, tr 19*
8. Cục phòng vệ thương mại (2019) *báo cáo phòng vệ thương mại 2018*, Hà nội tháng 4 năm 2019, tr 29

- Bài viết trên internet:

1. Nguyễn Tiến Vinh (2007). Chống bán phá giá trong thương mại quốc tế, <<http://chongbanphagia.vn/chong-ban-pha-gia-trong-thuong-mai-quoc-te-n474.html>>, xem 26/6/2019
2. <<http://www.dankinhte.vn/vai-tro-cua-thue-quan-la-gi/>>, Xem 04/04/2019
3. <<https://voer.edu.vn/m/vi-tri-vai-tro-va-cac-cong-cu-cua-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te/1975eb27>>, Xem 04/04/2019
4. <<http://doc.edu.vn/tai-lieu/tieu-luan-thuc-tien-ap-dung-phap-luat-thue-nhap-khau-va-giai-phap-nham-khac-phuc-nhung-han-che-bat-cap-cua-phap-luat-39038/>>, Xem 12/05/2019
5. <<https://123doc.org/document/2884504-12-cau-kinh-te-quoc-te-co-dap-an-kem-theo.htm>>, Xem 12/03/2019
6. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%BF_xu%E1%BA%A5t_kh%E1%BA%A9u> Xem 12/03/2019
7. <<https://xemtailieu.com/tai-lieu/phan-tich-tac-dong-cua-thue-xuat-khau-tai-viet-nam-209847.html>>, Xem 12/03/2019
8. <<https://123doc.org/document/2884504-12-cau-kinh-te-quoc-te-co-dap-an-kem-theo.htm>>, Xem 04/04/2019
9. <<https://voer.edu.vn/m/vi-tri-vai-tro-va-cac-cong-cu-cua-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te/1975eb27>> Xem 04/04/2019
10. <<https://tailieu.vn/doc/cac-cong-cu-chu-yeu-trong-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te--1507152.html>>, xem 03/06/2019
11. <<https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/bien-phap-phong-ve-thuong-mai-cong-cu-hieu-qua-giam-ap-luc-hang-nhap-khau-107138-22.html>> xem 03/06/2019
12. <<https://123doc.org/document/1237146-cac-cong-cu-chu-yeu-trong-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te-pot.htm>>, xem 21/7/2019
13. <<https://tailieu.vn/doc/cac-cong-cu-chu-yeu-trong-chinh-sach-thuong-mai-quoc-te--1507152.html>>, xem 21/7/2019
14. <<https://xemtailieu.com/tai-lieu/hang-rao-ky-thuat-trong-thuong-mai-quoc-te-1728676.html>>, xem 21/7/2019
15. <<https://xemtailieu.com/tai-lieu/cac-bien-phap-thue-quan-va-phi-thue-quan-trong-chinh-sach-ngoai-thuong-cua-nhat-ban-147426.html>>, xem 21/7/2019

16. <<https://123doc.org/document/5320961-bao-cao-tong-ket-thuc-thi-phap-luat-phong-ve-thuong-mai-viet-nam-giai-doan-2002-2016.htm>>, xem 22/4/2019
17. Hồng Hạnh (2017). Từ 01/01/2018, Luật Quản lý ngoại thương chính thức có hiệu lực, <<https://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tu-01-01-2018-luat-quan-ly-ngoai-thuong-chinh-thuc-co-hieu-luc-3303-22.html>>, xem 22/4/2019
18. Lan Phương (2018). Tiếp cận đầy đủ Luật Quản lý ngoại thương về xuất nhập khẩu hàng hóa, <<http://www.ictvietnam.vn/tiep-can-day-du-luat-quan-ly-ngoai-thuong-ve-xuat-nhap-khau-hang-hoa.htm>>, xem 22/4/2019
19. Thép không gỉ cán nguội - Việt Nam điều tra chống bán phá giá (13-KN-BPG-01) <<http://chongbanphagia.vn/thep-khong-gi-can-nguoi-n4381.html>>, Xem 04/09/2019
20. Cục Phòng vệ thương mại (2019). Phản hồi một số thông tin phản ánh của báo chí về biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu vào Việt Nam,
<http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&category_id=91b07cf1-3658-4f39-b688-73b9e8ff8a05&id=71e65222-7b8c-4011-a4c9-e4cf67069381>, Xem 04/09/2019
21. <<http://vneconomy.vn/ap-thue-tu-ve-phan-bon-cuoc-choi-cho-doanh-nghiep-noi-2018012819394493.htm>>, Xem 07/9/2019
22. <<https://www.moit.gov.vn/documents/36315/0/SG06+-Ket+luan+cuoi+cung.pdf/c9b2a07d-9d39-4811-86d0-c82d5e669fdd>>, Xem 07/9/2019
23. <https://vi.wikipedia.org/wiki/Thu%E1%BA%BF_quan>, xem 29/8/2019
24. <<https://voer.edu.vn/m/cac-kha-nang-mo-rong-thi-truong-cua-doanh-nghiep/7bb7b4ad>>, xem 20/8/2019
25. <http://vias.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/Tintucsukien/View_Detail.aspx?ItemID=120>, Xem 07/9/2019
26. <<http://chongbanphagia.vn/vu-giai-quyet-tranh-chap-dau-tien-cua-viet-nam-tai-wto--cac-bien-phap-chong-ban-pha-gia-voi-san-pham-tom-nuoc-am-dong-lanh-n3257.html>>, Xem 07/9/2019
27. <<http://chongbanphagia.vn/thep-cuon-can-nguoi--malaysia-dieu-tra-chong-ban-pha-gia-n14110.html>>, Xem 07/9/2019
28. <<http://chongbanphagia.vn/kien-phong-ve-thuong-mai--con-bo-ngo-nhieu-vu-viec-n15261.html>>, xem 26/7/2019

29. <<https://bnews.vn/phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-nen-lam-gi-/104286.html>>, xem 26/5/2019
30. <<http://www.trungtamwto.vn/chuyen-de/12164-phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-nen-lam-gi>>, xem 26/5/2019
31. <<http://chongbanphagia.vn/doanh-nghiep-can-chu-dong-phong-ve-thuong-mai-trong-san-choi-hoi-nhap-n17834.html>>, xem 26/5/2019
32. Lê Quang Thuận, Nguyễn Thị Phương Thúy (2018). Xu hướng bảo hộ thương mại trên thế giới và kiến nghị đối với Việt Nam, <<http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/xu-huong-bao-ho-thuong-mai-tren-the-gioi-va-kien-nghi-doi-voi-viet-nam-301021.html?mobile=true>>, xem 20/7/2019
33. <<http://doanhnghiepthuonghieu.vn/dieu-tra-phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-viet-phai-doi-mat-voi-tac-dong-the-nao.html>>, xem 20/8/2019
34. Lê Xuân Trường (2014). Xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan: Xu thế tất yếu của quá trình hội nhập, <<http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/xoa-bo-hang-rao-thue-quan-va-phi-thue-quan-xu-the-tat-yeu-cua-qua-trinh-hoi-nhap-86311.html>>, xem 20/6/2019
35. Thi Thảo (2019). Điều tra phòng vệ thương mại: Doanh nghiệp Việt phải đối mặt với tác động thế nào?, <<http://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/dieu-tra-phong-ve-thuong-mai-doanh-nghiep-viet-phai-doi-mat-voi-tac-dong-the-nao-58991.htm>>, xem 20/6/2019
36. <<https://vcci.com.vn/cong-dong-kinh-te-asean-khi-hang-rao-thue-quan-duoc-go-bo>>, xem 20/6/2019
37. <<https://vcci.com.vn/cong-dong-kinh-te-asean-khi-hang-rao-thue-quan-duoc-go-bo>>, xem 20/6/2019
38. Trung tâm Thông tin và Cảnh báo (2019). <<http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=4ba22296-b13c-4259-a330-98a7beb4ff88>>, xem 20/8/2019
39. Cục Phòng vệ thương mại (2018). Nghị định mới về các biện pháp phòng vệ thương mại chính thức có hiệu lực, <<https://moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/nghi-%C4%91inh-moi-ve-cac-bien-phap-phong-ve-thuong-mai-chinh-thuc-co-hieu-luc-10647-22.html?fbclid=IwAR1YA8i49IhjE51zIEXayqCMW995jNlIFDYFPBgeDIx1ln8pPXQ8wQRICUU>>, xem 20/8/2019
40. Mai Xuân Hợi (2017). Sử dụng biện pháp phòng vệ thương mại - Chiến lược kinh doanh hữu hiệu cho doanh nghiệp, <<http://tcdepl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/phap-luat-kinh-te.aspx?ItemID=159>>, xem 12/11/2019

C. TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. <http://www.trungtamwto.vn>
2. <http://chongbanphagia.vn>
3. <https://www.moit.gov.vn>
4. <http://www.trav.gov.vn>
5. <http://vias.vass.gov.vn>
6. <https://vcci.com.vn>
7. www.ictvietnam.vn
8. www.dankinhte.vn
9. <https://voer.edu.vn>
10. <http://doc.edu.vn>
11. <https://123doc.org>
12. <https://vi.wikipedia.org>
13. <https://xemtailieu.com>
14. <https://tailieu.vn>
15. <http://vneconomy.vn>
16. <https://bnews.vn>
17. <http://tapchitaichinh.vn>
18. www.tapchicongthuong.vn
19. <http://doanhnghiepthuonghieu.vn>

PHỤ LỤC

1) Thống kê số Vụ điều tra chống bán phá giá đối với hàng hóa Việt Nam tại thị trường nước ngoài (tính đến tháng 6/2019)

BẢNG 1

STT	Năm	Mặt hàng	Quốc gia kiện	Tình trạng		Ghi chú
				Đang điều tra	Đã áp thuế	
1	2014	Thép mạ hợp kim	Australia			30/07/2015: Chấm dứt điều tra do không có phá giá/ Termination of investigation due to no dumping
2	2014	Ống thép dẫn dầu	Canada		AD:37.4% AS:4.722.664 VNĐ/tấn/ton	Kiên đúp Chống bán phá giá và chống trợ cấp/ AD and CVD investigation
3	2014	Máy chế biến nhựa	Ấn Độ/ India		23.15%	
4	2014	Bộ đồ ăn và dụng cụ làm bếp bằng nhựa Melanine	Ấn Độ/ India		1732.11 USD/tấn/ton	
5	2015	Tôn phủ màu	Malaysia		Maruichi 12.06%; Bluescope and others: 34.85% Nam Kim: NIL	
6	2015	Thép không gỉ cuộn nguội	Malaysia			Chấm dứt điều tra: Kết luận sơ bộ không có phá giá/ Termination of investigation due to no dumping

7	2015	Gỗ tấm MDF	Ấn Độ/ India		Bị đơn bắt buộc/ Respondents: 0 - 15.95%; Các DN khác/ Others: 63.99%	Bị đơn bắt buộc bao gồm/ Respondents: Kim Tin MDF Joint Stock Com; Kim Tin Trading Co. Ltd.; VRG Dongwha MDF Joint Stock Com; MDF VRG Quang Tri Wood Joint Stock Com
8	2015	Sợi dún Polyester	Thổ Nhĩ Kỳ/ Turkey		34,81% - 72,56 %,	Thái Lan/ Thailand: 6,88% - 37,69%
9	2015	Thước dây	Ấn Độ/ India		Thước bằng thép/ Steel measuring tape: 2.77 USD/kg; Thước dây bằng sợi thủy tinh/ Fiberglass measuring tape: 1.87 USD/kg	
10	2015	Thép cuộn cán nguội	Malaysia		3.06-13.68%,	Trung Quốc/China 5.6123.78%, Hàn Quốc/South Korea: 3.78-21.64%
11	2015	Giấy màng BOPP	Indonesia		3,9%	Thái Lan/ Thailand: 0 - 28,4%
12	2015	Tôn lạnh	Thái Lan/ Thailand		6,2% - 40,49%	
13	2015	Tôn phủ màu	Thái Lan/ Thailand		4,3 – 60,26%	

14	2015	Ống thép không gỉ	Thái Lan/ Thailand		310.74%	
15	2015	Pin AA	Ấn Độ/ India			Kết luận điều tra CBPG: không áp dụng biện pháp CBPG do không có mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu bán phá giá và thiệt hại đáng kể
16	2015	Ống thép hàn các bon (CWP	Hoa Kỳ/ The US			24/10/2016: Không áp dụng thuế CBPG đối với Việt Nam do lượng nhập khẩu không đáng kể/ No AD duty imposed due to negligible value of imports. Pakistan: 11.80%, Oman: 7.24%, các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất/UAE: 5.95% - 113.18%
17	2016	Sợi spandex	Ấn Độ/ India		Bị đơn bắt buộc/ Compulsory defendant: 0,36 USD/kg; Các DN khác/ Others: 2,16 USD/kg	Bị đơn bắt buộc/ Respondent: Hyosung Vietnam; Hyosung DongNai
18	2016	Vôi sống	Australia			24/11/2016: Chấm dứt điều tra
19	2016	Nhôm ép	Australia		Thuế CBPG/AD duty: 7.7 - 34.99%	Kiên đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigation. Biên độ trợ cấp đối với Việt Nam/ CVD margin for Vietnam < 2%

20	2016	Gạch ốp lát	Argentina		31.15%	Trung Quốc/ China: 27,7%, Ấn Độ/India: 75,8%, Ma-laixia/Malaysia: 32%, Brazil: 48,2%
21	2016	Thép mạ kẽm	Australia		Thuế CBPG/ AD duty: 8.4 - 14.2%	Kiên đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigation. 17/07/2017: Chấm dứt điều tra chống trợ cấp/ Termination of CVD investigation
22	2016	Hợp kim FerroSilicoManganese	Hàn Quốc/ South Korea		4.06%	Ukraine: 19.06%; Ấn Độ/ India: 7,48 - 19,06%
23	2016	Tôn màu	Indonesia		07/06/2018: 12,01% – 28,49% trong 5 năm	
24	2017	Ống thép hàn	Brazil		Biện pháp tạm thời: 18/10/2018 Biên độ: 18%	
25	2017	Tủ đựng dụng cụ	Hoa Kỳ/ The US		327.11%	
26	2017	Thép dây cuộn	Australia			26/03/2018: Chấm dứt điều tra do không có phá giá/ Termination of investigation due to no dumping activities
27	2017	Tháp gió	Australia			05/02/2018: Chấm dứt điều tra do thiệt hại không đáng kể/ Termination of investigation due to no serious injur

28	2017	Sợi Polyester	Hoa Kỳ/ The US			Nguyên đơn rút đơn kiện/ Withdraw Petition
29	2017	Sợi nylon Filament Yarn	Ấn Độ/ India		6/8/2018 Thuế CBPG: 384.02-719.44 USD/tấn trong 5 năm	
30	2017	Khớp nối ống bằng đồng	Canada		25/5/2018 Thuế CBPG/ AD duty: 159%; Thuế CTC/ CVD duty: 76.360,47	Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigations
31	2018	Dây hàn bằng kim loại cơ bản	Thổ Nhĩ Kỳ/ Turkey			
32	2018	Bao và túi đóng hàng dệt từ polyetylen ...	Hoa Kỳ/ The US		Biện pháp tạm thời: Biên độ trợ cấp: 3.246.15%	Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigations
33	2018	Thép cuộn cán nguội	Canada			Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigations
34	2018	Ống thép hàn cacbon	Canada			
35	2018	Thép cuộn hợp kim và không hợp kim cán phẳng mạ hoặc tráng kẽm	Malaysia		08/03/2019 Biện pháp cuối cùng : áp dụng biên độ từ 2.66-15.69% trong 5 năm	

36	2018	ống, ống dẫn bằng sắt hoặc thép	Thái Lan/ Thailand				
37	2019	Thép cuộn cán nguội không hợp kim	Malaysia	Đang trong quá trình điều tra			
38	2019	Thép cuộn phẳng mạ nhôm, kẽm	Ấn Độ/ India	Đang trong quá trình điều tra			
39	2019	Khuôn in kỹ thuật số	Ấn Độ/ India	Đang trong quá trình điều tra			
40	2019	Thép cuộn không gỉ cán phẳng	Ấn Độ/ India	Đang trong quá trình điều tra			
41	2019	Tháp gió	Hoa Kỳ/ The US	Đang trong quá trình điều tra			
		Tổng số vụ: 41					
		Tổng số vụ trước năm 2014: 45					

(Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI)

2) Thống kê các vụ điều tra chống trợ cấp đối với hàng hóa Việt Nam tại thị trường nước ngoài (tính đến tháng 6/2019)
BẢNG 2

STT	Năm	Mặt hàng	Quốc gia kiện	Tình trạng		Ghi chú
				Đang điều tra	Đã áp thuế	
1	2014	Đinh thép	Hoa Kỳ/ The US		Thuế CTC/ CVD duty: 288.56313.97%; Thuế CBPG/ AD duty: 323.99%	Kiện đúp Chống bán phá giá và chống trợ cấp/ AD and CVD investigatio
2	2014	Ống thép dẫn dầu OCTG	Canada		AD:37.4% AS:4.722.664 VNĐ/tấn/to	Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigation; chòm: Philippines, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Hàn Quốc, Ukraina, Ấn Độ, Indonesia/ Philippines, Thailand, Turkey, South Korea, Ukraine, India, Indonesia
3	2016	Nhôm ép	Australia		Thuế CBPG/ AD duty: 7.7 - 34.99%	Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigation. Biên độ trợ cấp đối với Việt Nam (CVD margin of Vietnam) < 2%
4	2016	Thép mạ kẽm	Australia		Thuế CBPG/ AD duty: 8.4 - 14.2%	Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigation. 17/07/2017: Chấm dứt điều tra chống trợ cấp/ Termination of investigation

5	2017	Khớp nối ống bằng đồng	Canada		Thuế CBPG/ AD duty: 159%; Thuế CTC/ CVD duty: 76.360,47 VNĐ/kg	Kiện đúp CBPG và CTC/ Both AD and CVD investigation
6	2018	Bao và túi đóng hàng dệt từ polyetylen ...	Hoa Kỳ/ The US		Biện pháp tạm thời 7/8/2018 Biên độ trợ cấp: 3.246.15%	Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigation
7	2018	Thép cuộn cán nguội	Canada			Kiện đúp CBPG và CTC/ AD and CVD investigation
8	2018	Ống thép không gỉ	Ấn Độ/ India		01/08/2019: Thuế CVD: 10.33 - 29.88% trong 5 năm	
9	2018	Dây đồng	Ấn Độ/ India			
10	2019	Tháp gió	Hoa Kỳ/ The US	Đang trong quá trình điều tra		Kiện đúp CBPG và CTC
Tổng số vụ: 10						
Tổng số vụ trước năm 2014: 5						

(Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI)

3) Thống kê các vụ điều tra áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng hóa Việt Nam (tính đến tháng 6/2019)

BẢNG 3

STT	Năm	Mặt hàng	Quốc gia kiện	Tình trạng		Ghi chú
				Đang điều tra	Đã áp thuế	
1	2014	Thép tấm không hợp kim nóng cuộn và không cuộn	Thái Lan/Thailand			(Không áp thuế) Việt Nam được loại khỏi danh sách áp thuế do lượng nhập khẩu từ VN < 3%
2	2014	Sợi Filament đàn hồi	Ấn Độ/India			29/9/2014: Vụ kiện chấm dứt do không có thiệt hại
3	2014	Thép cuộn không gỉ cán nguội	Ấn Độ/India			02/04/2015: Chấm dứt điều tra do không có thiệt hại
4	2014	Điện thoại di động	Thổ Nhĩ Kỳ/Turkey			Chấm dứt do nguyên đơn rút đơn kiện
5	2015	Bộ đồ ăn, đồ dùng nhà bếp bằng sứ, gốm	Thổ Nhĩ Kỳ/Turkey			Chấm dứt
6	2016	Nhôm hợp kim và không hợp kim chưa gia công	Ấn Độ/India			Việt Nam được loại trừ khỏi danh sách áp thuế
7	2017	Bàn chải đánh răng	Thổ Nhĩ Kỳ/Turkey			

8	2017	Tấm pin năng lượng mặt trời	Hoa Kỳ/US		(Mỹ sẽ áp thuế 30% trong năm đầu tiên, sau đó giảm xuống mức 15%) phê chuẩn mức thuế 50% trong 3 năm đối với máy giặt dân dụng lớn nhập khẩu và 30% đối với pin mặt trời trong 4 năm	
9	2017	Máy giặt	Hoa Kỳ/US		(áp thuế 20% với khoảng 1,2 chiếc máy giặt nhập khẩu đầu tiên, sau đó là 50% với tất cả những máy giặt tiếp tục được nhập khẩu trong cùng năm đó)	
10	2018	Các sản phẩm thép	EU			
11	2018	Các sản phẩm thép	Thổ Nhĩ Kỳ/Turkey		Quyết định tạm thời: 17/10/2019 mức áp dụng 25%. Thời hạn áp dụng 200 ngày	
12	2018	Một số sản phẩm thép cán nóng, cán nguội	Liên minh Kinh tế Á Âu (EAEU)			
13	2018	Một số sản phẩm thép	Canada			Việt Nam được loại trừ khỏi danh sách áp thuế

14	2018	Xi măng	Philippines		Quyết định tạm thời: 18/1/2019 mức áp dụng 8,40Php/túi 40kg, tương đương 210 pê sô/tấn (khoảng 4 USD/tấn) Thời hạn áp dụng 200 ngày		
15	2018	Gạch ốp lát sàn và ốp tường	Philippines		Quyết định tạm thời: 7/5/2019 mức áp dụng tiền đặt cọc 3000 pê sô/ tấn (khoảng 57 usd/ tấn). Thời hạn áp dụng 200 ngày		
16	2018	Các sản phẩm sợi nilon hoặc nhựa polyamit	Thổ Nhĩ Kỳ/ Turkey	Trong quá trình điều tra			
		Tổng số vụ: 16					
		Tổng số vụ trước năm 2014: 14					

(Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI)

4) Thống kê các vụ điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá do Việt Nam tiến hành với hàng nhập khẩu (tính đến tháng 6/2019)

BẢNG 4

STT	Năm	Mặt hàng	Quốc gia bị kiện	Tình trạng	
				Đang điều tra	Đã áp thuế
1	2016	Thép mạ (Tôn mạ)	1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông); 2. Hàn Quốc		1. Trung Quốc: 3.17 - 38.34% 2. Hàn Quốc: 7.02 - 19.00% 5 năm kể từ ngày 15/04/2017
2	2016	Thép hình chữ H	Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (bao gồm cả Hồng Kông)		20.48 - 29.17% . 5 năm kể từ ngày 05/09/2017
3	2018	Thép phủ màu (Thép hợp kim hoặc không hợp kim được cán phẳng, sơn, phủ vecni, phủ plastic hoặc phủ loại khác)	1. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; 2. Đại Hàn Dân Quốc		25/06/2019 Áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời (Quyết định 1711/QĐ-BCT)
4	2019	Nhôm, hợp kim hoặc không hợp kim, dạng thanh, que và hình	Trung Quốc/China		Áp dụng biện tạm thời từ 5/6/2019-4/10/2019 với biên độ: 2,46% - 35,58% (Quyết định 1480/QĐ-BCT ngày 29/05/2019)
5	2019	Sản phẩm ván sợi bằng gỗ hoặc bằng các loại vật liệu có chất gỗ khác	Thái Lan, Malaysia/ Thailand, Malaysia	Đang trong quá trình điều tra	

6	2019	Một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen	Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia / China, Thailand, Malaysia	Đang trong quá trình điều tra	
	Tổng số vụ: 6				
	Tổng số vụ trước năm 2014: 1				

(Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI)

5) Thống kê các vụ điều tra tự vệ do Việt Nam tiến hành với hàng hóa nước ngoài nhập khẩu (tính đến tháng 6/2019)
BẢNG 5

STT	Năm	Mặt hàng	Bên đệ đơn	Tình trạng	
				Đang điều tra	Đã áp thuế
1	2015	Bột ngọt (Monosodium Glutamate)	Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam		25/03/2016 - 24/03/2017: 4.390.999 đồng/tấn; 25/03/2017 - 24/03/2018: 3.951.899 đồng/tấn; 25/03/2018 - 24/03/2019: 3.556.710 đồng/tấn; 25/03/2019 - 24/03/2020: 3.201.039 đồng/tấn; Từ ngày 25/03/2020 trở đi: 0 đồng/tấn
2	2015	Phôi thép và thép dài (Billet Steel and Long Steel)	Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát; Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam; Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên; Công ty Cổ phần Thép Việt Ý		02/08/2016 - 21/03/2020: Từ 23,3% về dần 0% dưới dạng thuế nhập khẩu với phôi thép; Từ 15,4% về dần 0% dưới dạng thuế nhập khẩu với thép dài
3	2016	Tôn màu	Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương, Công ty CP Gang thép Thái Nguyên		Áp dụng hạn ngạch nhập khẩu cho các quốc gia/vùng lãnh thổ theo Quyết định số 1931/QĐ-BCT

4	2017	Phân bón	Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc, Công ty cổ phần thép Nam Kim và Công ty cổ phần Tôn Đông Á		07/03/2018-06/03/2019: 1.128.531 đồng/tấn; 07/03/2019-06/03/2020: 1.072.104 đồng/tấn
5	2018	Thép dây, thép cuộn	Công ty cổ phần DAP - Vinachem/DAP VINACHEM JSC, Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem/DAP2 - VINACHEM JOINT STOCK COMPANY		Biện pháp chống lẩn tránh biện pháp PVTM được áp dụng dưới hình thức thuế nhập khẩu bổ sung với mức thuế là 10,9% kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2019 đến hết ngày 21 tháng 3 năm 2020 (nếu biện pháp tự vệ ban đầu không gia hạn)
		Tổng số vụ: 5			
		Tổng số vụ trước năm 2014: 2			

(Nguồn: Trung tâm WTO và Hội nhập – VCCI)